

cánh quạt nước biển, sóng dậy sáu vạn bốn ngàn dặm, bắt loại rồng hóa sanh ăn thịt.

Có các loại Long vương khác mà loài Kim sí điểu chẳng thể bắt ăn thịt được. Những loại Long vương nào mà Kim sí điểu chẳng thể ăn thịt được? Một là Long vương Ta-kiệt, hai là Long vương A-nậu-đạt, ba là Long vương Nan-đầu-hòa-nan, bốn là Long vương Thiện Kiến, năm là Long vương Đề-đầu-lại, sáu là Long vương Y-la-mộ, bảy là Long vương Thiện Trụ, tám là Long vương Ca-câu, chín là Long vương A-vu-lâu, mười là Long vương Uất-chiên-bát, mười một là Long vương Kiên-ha-cụ-đàm, mười hai là Long vương Lam-ba. Kim sí điểu đều chẳng thể bắt các Long vương ấy ăn thịt được.

Các Long vương này đều ở trong núi. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu ý rồng, phụng trì đầy đủ giới hạnh của rồng, liền sanh vào loài Rồng. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu ý Kim sí điểu, phụng trì giới hạnh Kim sí điểu, để cầu làm Kim sí điểu, chết rồi liền sanh vào loài Kim sí điểu. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu ý chim Ưu-lưu, phụng trì giới hạnh đầy đủ, sau khi chết liền sanh vào loại chim Ưu-lưu. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu ý trâu bò, làm theo ý trâu bò, giới hạnh đầy đủ, sau khi chết liền sanh vào loài trâu bò. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu đạo chó, làm theo ý chó, giới hạnh đầy đủ, sau khi chết sanh vào loài chó. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu đạo nai, làm theo ý nai, giữ giới đầy đủ, sau khi chết sanh vào loài nai. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu đạo gà, làm theo ý gà, giữ giới đầy đủ, sau khi chết sanh vào loài gà. Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu làm trời Ma-ni-việt, cầu làm nữ nhân, cầu làm thần lớn, cầu làm nhật nguyệt, có người ngày tắm ba lần trong nước để cầu sanh lên trời, có người thờ trời, người thờ nhật nguyệt để cầu sanh lên trời.

Phật dạy:

–Những người si mê kiến chấp ấy đọa vào hai đường ác: Một là địa ngục, hai là súc sanh. Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nói lên kiến giải thế này: “Ngã và thế gian là thường”, rồi cho mình là đúng, cho những kẻ khác là ngu si. Có kẻ bảo: “Ngã và thế gian là vô thường”, rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ bảo: “Ngã và thế gian là thường, vô thường”, rồi cho mình là đúng, những kẻ khác

là ngu si. Có kẻ chủ trương: “Ngã và thế gian cũng chẳng thường, cũng chẳng vô thường”, rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ cho: “Ngã và thế gian có giới hạn”, rồi bảo mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ nói: “Ngã và thế gian không giới hạn”, rồi bảo mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ bảo: “Ngã và thế gian có giới hạn, vừa không có giới hạn”, rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người chủ trương: “Ngã và thế gian chẳng có giới hạn, cũng không phải không có giới hạn”, rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người nêu: “Ngã là có thân mạng”, rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người nói: “Thân ta chết và đổi thành thân khác”, rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người bảo: “Không có thân mạng”, rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người chủ trương: “Không có thân mạng, cũng không phải không có thân mạng”, rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người cho: “Con người khi sanh ra từ chỗ nào, thì sau khi chết sẽ về chỗ đó”, rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người nói: “Con người sanh ra từ chỗ không có, sau khi chết cũng sẽ trở vào chỗ đó”, bảo mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người bảo: “Con người vừa có chỗ từ đó sanh ra, vừa không có chỗ từ đó sanh ra, sau khi chết cũng sẽ về chỗ đó”, rồi cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Có người chủ trương: “Con người cũng chẳng có chỗ từ đó sanh ra, cũng không phải không có chỗ từ đó sanh ra”, rồi cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si.

Phật dạy:

–Kẻ đạo nhân Bà-la-môn nói rằng ngã và thế gian là hữu thường, và cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si, là vì họ tu tập chấp kiến có ngã, có mạng, có thân và thế gian, cho nên nói ngã và thế gian là hữu thường. Có người nói ngã và thế gian là vô thường. Có người nói ngã và thế gian vừa hữu thường, vừa vô thường. Có người nói ngã và thế gian chẳng hữu thường, cũng chẳng vô thường. Mọi người đều cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si, vì theo kiến chấp của họ là chấp có ngã, chấp có mạng, chấp có thân và thế gian, cho nên tuyên bố ngã và thế gian là hữu thường. Kẻ đạo nhân Bà-la-môn nói ngã và thế gian là hữu hạn, và cho mình là đúng,

còn những kẻ khác là ngu si, vì theo nhận thức của họ là có ngã, có mạng, cho nên tuyên bố mạng là hữu hạn, con người là hữu hạn, từ khi ở trong bụng mẹ, cho đến khi chết chôn trong mồ đều như nhau. Con người từ lúc sơ sanh đã nhận bốn phần thân thể, và trải qua bảy lần sống chết, về sau đắc đạo; cho nên nói ngã và thế gian là hữu hạn. Có người nói ngã và thế gian là vô hạn, cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si, vì trong nhận thức của họ là có ngã, có mạng, có thân, có thế gian, nên tuyên bố có mạng, có người vô hạn. Con người từ khi ở trong bụng mẹ cho đến sau khi chết chôn trong mồ đều như nhau, từ lúc sơ sanh đã nhận bốn phần thân thể, trải qua bảy lần sống chết, về sau đắc đạo. Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nêu quan điểm của mình rằng ngã và thế gian vừa hữu hạn vừa vô hạn, vì nhận thức của họ là có ngã, có mạng, có thân, có thế gian, rồi tuyên bố mạng là vô hạn, con người là hữu hạn. Con người từ khi ở trong bụng mẹ, cho đến sau khi chết đem chôn đều như nhau, từ lúc sơ sanh đã nhận bốn phần thân thể, trải qua bảy lần sống chết, về sau đắc đạo. Có người cho là ngã và thế gian chẳng hữu hạn, cũng chẳng vô hạn, nên họ tuyên bố mạng là hữu hạn. Con người từ khi ở trong bụng mẹ cho đến sau khi chết đem chôn đều như nhau, từ lúc sơ sanh đã nhận bốn phần thân thể, trải qua bảy lần sống chết, về sau mới đắc đạo, cho đến nói cũng chẳng phải hữu hạn, cũng chẳng phải vô hạn.

Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nêu quan điểm của mình: “Có mạng ấy, có thân ấy”. Người đó cho rằng mạng trong đời hiện tại là thường còn, mạng ở đời sau là thường còn; nên họ nói ta là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Có đạo nhân nêu ý kiến: “Mạng khác, người khác”, vì người ấy cho đời này có thọ mạng, đời sau không có thọ mạng, nên họ nói ta là đúng, còn những kẻ khác là ngu si.

Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nói: “Nay thấy mạng dứt, sau khi chết, chuyển sanh qua đời khác”, cho nên nói ta là đúng, còn những kẻ khác là ngu si.

Có đạo nhân Bà-la-môn nói: “Cũng chẳng có mạng, cũng chẳng có thân. Đời này mạng dứt hẳn, đời sau cũng dứt hẳn”, hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nói lên quan điểm: “Người sanh ra từ cõi nào thì sau khi chết cũng sẽ sanh về cõi đó”. Họ đều cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Vì ý kiến của họ là đời này có thân mạng,

đời sau có thân mạng, cho nên nói mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si.

Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nêu ý kiến: “Không từ đâu sanh ra, sau khi chết cũng đến chỗ chẳng thấy ấy. Đời nay có mạng, cũng chẳng thấy đời sau không có mạng”; hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nêu ý kiến: “Có người từ chỗ “không từ đâu sanh ra”, nên khi chết cũng về chỗ đó”, và cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Họ chẳng thấy đời này có thân mạng, cũng chẳng thấy đời sau có thân mạng.

Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nói: “Không phải có, cũng không phải không có chỗ từ đó sanh ra”, và cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Đạo nhân ấy chẳng phải không thấy đời này có thân mạng, cũng không phải không thấy đời sau có thân mạng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ở đời quá khứ, có vị vua tên là Bất Hiện Diện. Bấy giờ nhà vua cho tập trung nhiều người mù đến và hỏi họ:

–Các người đã từng biết loài voi chưa?

Những người mù tâu:

–Tâu Thiên vương, chẳng biết!

Vua hỏi:

–Các người muốn biết loài voi chăng?

Tâu:

–Muốn biết.

Lúc ấy vua ra lệnh dắt voi đến, rồi lệnh cho những người mù kia sờ voi. Trong đó, có người mù sờ trụng vòi voi, có người mù sờ trụng ngà voi, có người mù sờ trụng tai voi, có người mù sờ trụng lưng voi, có người mù sờ trụng bụng voi, có người mù sờ trụng chân sau voi, có người mù sờ trụng đầu gối voi, có người mù sờ trụng chân trước voi, có người mù sờ trụng đuôi voi.

Khi ấy vua Bất Hiện Diện hỏi đám người mù kia:

–Voi có hình dạng thế nào?

Người mù sờ trụng vòi voi, tâu:

–Voi như cái cày xe cong.

Người mù sờ trụng ngà voi, tâu:

–Voi như cái chày.

Người sờ trúng tai voi, tâu:

–Voi như cái ky.

Người sờ trúng đầu voi, tâu:

–Voi như cái đánh.

Người sờ trúng lưng voi, thưa:

–Voi như vật chứa.

Người sờ trúng bụng voi, thưa:

–Voi như bức vách.

Người sờ trúng bàn chân sau voi, thưa:

–Voi như cây trụ.

Người sờ trúng chân trước voi, thưa:

–Voi như cái cối.

Người sờ trúng đuôi voi, tâu:

–Voi như con rắn.

Rồi bọn họ cùng tranh cãi, chẳng tin nhau, cùng la lên cho mình là đúng, voi là như vậy; còn người khác nói không phải như vậy. Vua đắc ý cười.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, có các đạo nhân ngoại đạo, chẳng biết chỗ phát sanh của Khổ đế, cũng chẳng biết Khổ đế, Tập đế, Khổ tận đế (Diệt đế), Khổ diệt đạo đế (Đạo đế), họ cùng tranh cãi chẳng tin nhau, mạ lỵ nhau, tự cho mình là đúng.

Nếu có đạo nhân Sa-môn biết chỗ phát khởi của Khổ, Tập, Diệt, Đạo đế, liền cùng nhau hòa hợp, giống như sữa khi hòa hợp không còn phân biệt, chỉ nói về những lời dạy, việc làm của Phật đạt được an lạc.

Phật dạy:

–Tỳ-kheo, nên tu tập các sự thật là Khổ đế, Tập, Tận (Diệt), và Đạo đế.

**
*

Phẩm 7: CAO THIỆN SĨ 1

Phật dạy:

–Phàm phu có ba việc để biết về bậc cao sĩ, biết tâm niệm của vị ấy. Ba việc ấy là gì? Một là người tâm nghĩ việc thiện, miệng chỉ thành nói việc thiện, thân làm việc thiện. Giả như người ác tâm nghĩ việc bất thiện, miệng nói lời bất thiện, thân làm việc bất thiện; bậc cao nhân biết đó là bất thiện. Cho nên nói bậc cao sĩ là người như thế nào? Là người thân nghĩ việc thiện, miệng chỉ thành nói việc thiện, thân làm việc thiện. Bậc cao nhân ở trong thế gian có ba việc làm được phước. Ba việc ấy là gì? Một là cùng bậc kỳ lão ngồi đàm đạo, hoặc ở trong nhà, đi trong làng, đi giữa đường và cùng ngồi với bậc kỳ lão, cùng khen ngợi bậc cao sĩ hành thiện. Bậc cao sĩ nghĩ rằng: “Hãy làm cho mọi người cùng khen ngợi người ấy rằng: ‘Lành thay! Đúng là có bậc cao nhân ấy’”, tâm liền an định, lại nghe lời này, tâm cũng hoan hỷ, thân cũng an ổn. Có lần bậc cao nhân chứng kiến xử kẻ trộm cắp bị quan huyện bắt, tra khảo, trừng trị tàn khốc, lại dùng xích sắt xích lại, chặt đứt chân tay lìa ra từng khúc, xẻo tai, xẻo mũi, dùng lược tre cào da, rồi chặt ra từng tấc, từng tấc, đem ném cho cọp sói ăn; có kẻ bị để cho voi đạp chết; có kẻ bị bỏ vào trong giỏ đốt cháy; có kẻ bị nấu chết; có kẻ bị làm cho sinh lực hao mòn mà chết; có kẻ bị đem ra ngoài thành hành hình. Bậc cao sĩ chứng kiến những cảnh ấy nghĩ: “Ta không làm ác, nhà vua chỉ bắt người làm ác, ta đây có gì phải lo. Cho đến già, ta chẳng sợ gì quan huyện”. Bậc cao sĩ ấy vì nghĩ như vậy, nên tâm hoan hỷ. Bậc cao nhân tâm nghĩ việc thiện, miệng nói việc thiện, thân làm việc thiện, nên dù khi có bệnh, nằm liệt giường thì các việc thiện lúc mạnh khỏe đã làm đều hiện ra trước mắt. Người ấy chẳng sát sanh, chẳng lấy của cải người khác, chẳng xúc phạm đến phụ nữ của người, chẳng gạt người, chẳng nói hai lưỡi, chẳng nói lời thô ác, chẳng nói dối, chẳng ganh ghét, chẳng tham của người khác; tin rằng làm thiện thì được thiện, làm ác thì bị ác, liền tự thấy người trên cõi trời Đao-lợi thứ hai; qua lại thấy Phật, thấy A-la-hán. Các việc thiện đã làm trong lúc khỏe mạnh, đều thấy trước mắt. Người

ấy lúc bệnh tự nghĩ: “Khi khỏe mạnh, ta đã từng làm việc thiện, nên đến bây giờ khiến các việc thiện đều hiện ra trước ta; kết quả là khi chết ta sẽ tự sanh lên trời, ở với những người thiện”. Do làm ba việc đó, bậc cao sĩ tâm được vui vẻ, thân được an ổn.

Phật dạy:

–Giả sử bậc cao thiện sĩ tự biết làm việc thiện sẽ được thiện, lại chẳng sợ sanh tử, vì cho là qua nhanh, không tồn tại, cho nên bậc cao thiện sĩ thường tự nghĩ, muốn bỏ thân ác, vì trong thân ác thường có xương máu chẳng sạch, là nơi hôi thối; ý muốn sớm chết đi để hoàn thành thân thiện. Vì sao vậy? Vì thường nghĩ đến chốn vui vẻ, khả ái, nên một mình vui vẻ lên trời để hưởng sự vui vẻ rất đáng ưa thích.

Các Sa-môn hỏi Phật:

–Xin Thế Tôn vì chúng con mà nói sự vui lên trời là thế nào?

Phật bảo:

–Hãy lắng nghe! Ta sẽ nói.

Các Sa-môn thưa:

–Chúng con xin lắng nghe.

Phật dạy:

–Thí như vua Giá-ca-việt-la có bảy báu, có sẵn bốn việc mà người khác không có, lại có năm loại mà nghĩ tới, hoặc muốn được thì có trước mắt. Vua có bảy báu. Bảy báu đó là gì? Một là một bánh xe vàng tự nhiên sanh, hai là voi trắng, ba là ngựa màu xanh biếc, bốn là ngọc Ma-ni, năm là ngọc nữ quý, sáu là vị quan phụ tá giỏi, bảy là vị tướng quân chủ binh giỏi.

Phật dạy:

–Các vị muốn biết chủ của bánh xe vàng ấy chăng? Nhà vua, vào ngày rằm và ngày ba mươi, tắm rửa; tắm rửa xong, cùng ngồi với các phụ nữ ở chánh điện, thấy bánh xe vàng từ xa bay đến; bánh xe có ngàn tấm, trục tám đều tốt, không gì sánh bằng, cách đất ba, bốn trượng. Vua thấy bánh xe vàng, liền khởi ý và nói: “Các bậc cao sĩ đã nói rằng vì phụng sự cho vua Giá-ca-việt-la, nên có bánh xe vàng bay đến; bánh xe bay ấy thường từ phương Đông tới, có ngàn tấm, trục tám đều tốt. Có được bánh xe vàng đó sẽ thành vua Giá-ca-việt-la. Nay ta được hay không được làm vua Giá-ca-việt-la? Vua tự nghĩ

muốn thử bánh xe vàng ấy. Vua đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ thẳng, hướng về bánh xe vàng nói: “Như nay vì ta mà đến, thì nên đưa ta đi xem phép trị nước thời xưa của các nước”. Vua vừa nói xong, bánh xe vàng liền bay về phương Đông. Vua cùng các vị đại thần thân cận và các quan đều bay theo. Bánh xe vàng đến chỗ, dừng lại, vua cùng các quan cũng dừng theo. Bánh xe vàng bay tới các tiểu quốc, vua của các tiểu quốc đều đến, quỳ thẳng, cúi đầu, thưa: “Những cõi nước này đều là của đại vương”. Lại bưng bát bạc đựng đầy cơm vàng, lại dùng bát vàng chứa đầy cơm bạc dâng lên. Vua các tiểu quốc đều tâu: “Ở trong các nước này, tài nguyên phong phú, lúa gạo vừa đủ, mưa gió thuận hòa, nhân dân vui vẻ. Xin đại vương tiếp nhận đất nước và lưu lại ở đây”.

Vua nhân đó trả lời các vị tiểu vương: “Các ông hãy tự trị quốc, chỉ dùng chánh pháp, chớ làm mất phép xưa, cẩn thận đừng sát sanh, đừng dối lấy của cải người khác, đừng lừa gạt xúc phạm phụ nữ của người khác, không được lừa dối người, không được nói hai lưỡi, không được nói ác, không được nói dối, không được ganh ghét, không được tham của người khác, không được giận dữ, dấy tâm ác. Tất cả đều nên phụng hành mười điều này. Bất cứ ai phạm một điều trong mười điều, chớ để họ ở trong nước”.

Vua theo bánh xe vàng đến phương Đông dạy bảo các vị tiểu vương của các nước nhỏ xong, lại theo bánh xe vàng bay đến phương Nam, bánh xe vàng đến chỗ, dừng lại. Vua cùng ngàn xe, vạn ngựa cũng dừng lại. Các vị tiểu vương của các nước nhỏ ở phương Nam đều đến cúi đầu, quỳ thẳng tâu xin dâng cõi nước, và dùng bát vàng bạc đựng đầy cơm vàng bạc, cùng dâng lên các lễ vật như các vua ở các nước phương Đông.

Bánh xe vàng lại bay đến phương Tây. Các vị đại thần thân cận và các quan đều cùng dừng lại theo bánh xe vàng. Vua của các tiểu quốc ở phương Tây đều đến cúi đầu, quỳ thẳng, tâu xin dâng cõi nước và dùng bát vàng bạc đựng đầy cơm vàng bạc, như nghi lễ của các vua ở cõi nước phương Nam đã làm.

Bánh xe vàng lại bay đến phương Bắc, bánh xe vàng dừng lại, vua và các quan cũng dừng lại nơi đó. Các vị tiểu vương của các nước nhỏ đều đến cúi đầu, quỳ thẳng tâu xin dâng cõi nước và thưa:

“Ở đây nhân dân vui vẻ, lúa gạo vừa đủ, mưa gió thuận hòa. Xin đại vương nên ở lại đây cai trị”. Ngay khi đó, các vị ấy lại dùng bát vàng bạc đựng đầy cơm vàng bạc dâng lên vua. Vua không nhận, nhân đó đáp lại lời các vị tiểu vương: “Các ông hãy tự dùng chánh tâm mà trị nước, chớ làm mất phép xưa, không được sát sanh, không được lấy của cải kẻ khác, không được xâm phạm phụ nữ của kẻ khác, không được gạt người, không được nói hai lưỡi, không được nói ác, không được nói dối, không được ganh ghét, không được tham lam của kẻ khác, không được giận dữ, không được có tâm ác. Tất cả đều phải phụng hành mười điều này. Bất kỳ ai phạm một trong mười điều ấy, không nên để họ ở trong nước”.

Vua đã đi khắp bốn biển, bốn phương xong, theo bánh xe vàng trở về nước mình, lên điện. Bánh xe vàng thường hiện ra trước nhà vua. Nhà vua đã có bánh xe báu như thế.

Nhà vua lại có voi báu. Voi báu là loại thế nào? Voi ấy rất trắng, không gì bằng. Thân, vòi, ngà, răng, móng, chân đều trắng, bóng đẹp; dây cương đều làm bằng vàng, cái chuông đeo ở ngực làm bằng vàng ròng, tấm đai choàng ở bụng làm bằng ngọc trắng; đi thì bay đi, muốn đến đâu tùy ý. Các vị quan thân cận tâu với vua: “Chúc mừng đại vương, trong nước có voi trắng báu. Voi ấy trắng, tuyệt đẹp, không gì sánh bằng. Thân, vòi, ngà, răng, móng chân đều trắng, bóng đẹp; dàm, dây cương, chuông đeo ở ngực đều làm bằng vàng ròng, tấm đai choàng ở ngực làm bằng ngọc trắng, đi thì bay đi, đến đâu cũng tự tại”.

Vua thấy voi, rất vui vẻ nói: “Con voi có tướng khác thường, đẹp đẽ, nên tập luyện cho nó cách đi đứng, tới lui”. Vua bèn giao cho vị thân cận chuyên môn để tập luyện, chỉ tập luyện trong thời gian vài ngày thì đã biết cách đi đứng. Vua khởi ý muốn cưỡi thử voi. Lúc mặt trời lên một sào, vua cưỡi thử voi. Khi ấy voi bay khắp bốn phương, bốn biển, rồi trở về cung ăn uống.

Vua Giá-ca-việt-la có ngựa báu. Ngựa báu ấy là loại thế nào? Đó là ngựa màu xanh biếc, bộ lông láng mượt, đẹp đẽ; trang trí trên đầu gồm đủ dàm và dây cương bằng vàng giống như đầu voi; cái lục lạc, đai choàng ở ngực bằng ngọc trắng. Đi thì bằng nước phi, tùy theo ý muốn, đến đâu cũng được. Bề tôi chung quanh tâu vua: “Chúc

mừng đại vương, trong nước có ngựa báu ấy. Đó là ngựa màu xanh biếc, bộ lông láng mượt đẹp đẽ, trang trí trên đầu như voi, dằm và dây cương, lục lạc đeo và đai choàng đều bằng vàng ròng, tám choàng ở bụng bằng ngọc trắng”. Vua thấy rất vui vẻ, liền bảo quần thần huấn luyện nó vài ngày, ngựa đã biết cách đi lại. Vua có ý muốn thử ngựa. Khi mặt trời lên một sào, vua liền cưỡi ngựa, ngựa liền bay đi vòng khắp bốn phương, bốn biển, rồi trở về cung điện của mình để ăn uống.

Vua Giá-ca-việt-la có ngựa báu như thế.

Vua có ngọc minh nguyệt báu. Ngọc minh nguyệt báu là loại gì? Ngọc màu rất xanh, có tám góc nhọn, chiếu sáng khắp cung. Ánh sáng của nó tỏa ra chung quanh bốn mươi dặm, như ánh sáng mặt trời. Vua có ý thử ngọc minh nguyệt. Sau khi mọi người yên nghỉ, trời tối đen như mực, vua lấy ngọc gắn lên đầu cây sào vàng, giữa đêm ra khỏi thành, đem theo vợ con, ngàn xe, vạn ngựa, đi cách xa cung và các dinh thự, để chỉ xem ánh sáng của ngọc, giống như mặt trời mọc chiếu sáng cả xe ngựa. Lại cách xa hơn nơi ngàn xe, vạn ngựa, ánh sáng tỏa chiếu chung quanh đến bốn mươi dặm. Cư dân chung quanh thành, thấy ánh sáng ngọc, đều gọi nhau: “Dậy! Dậy! Mặt trời lên cao đến như thế rồi, tất cả hãy đi chợ mua bán, tại sao lại còn nằm?”

Vua Giá-ca-việt-la có ngọc báu Ma-ni như thế.

Vua có ngọc nữ báu. Ngọc nữ ấy là loại như thế nào? Ngọc nữ có vóc người không cao, không thấp, không lớn, không nhỏ, không mập, không ốm, không trắng, không đen, rất cân đối, rất đoan chánh, không ai sánh bằng. Hơi từ miệng bay ra như hương xông, lỗ chân lông trên toàn thân đều tỏa mùi thơm, như mùi thơm Uất-kim, hầu hạ nhà vua sớm hôm, khi thức, lúc ngủ, không làm vua phật lòng; mùa đông thì thân ấm, mùa hạ thì thân mát, hầu vua chẳng kể đến thân mình, không để vua giận.

Vua Giá-ca-việt-la có ngọc nữ báu như thế.

Vua có vị quan giúp việc giỏi, từ rất cao, xa thấy người liền biết tánh tình; dùng mắt nhìn thiên hạ, biết trước thiên hạ có vật quý báu cất giấu, biết cái nào là có chủ, cái nào là vô chủ. Cái mà có chủ thì giữ gìn trông coi cho họ, cái không chủ thì lấy cấp phát

cho quan dùng. Vị quan giúp việc giới đến trước tâu vua: “Xin ngài hãy yên lòng chớ nên âu lo, tiền tài, bảo vật thần sẽ tự cung cấp cho ngài”. Vua tỏ ý nghi ngờ về lời nói ấy, không rõ có thể thực hiện được mọi yêu cầu không nên vua liền cùng với vị quan giúp việc giới ấy lên một chiếc thuyền ra giữa biển. Vua bảo vị đó: “Ta muốn được bảo vật ngay bây giờ và ngay tại đây, hãy trao cho ta”. Vị quan giúp việc giới tâu: “Phải đợi thần đến đất liền mới có thể dâng cho ngài được”. Vua bảo: “Ở đất liền, ta chẳng cần dùng, chỉ muốn có ngay ở tại đây”. Vị quan giúp việc giới liền dùng tay khuấy trong nước lấy được vàng báu, to như bánh xe, đem lên trên thuyền nhiều không kể xiết. Vua bảo: “Thôi, thôi, dừng lại! Thuyền đầy thêm nặng”.

Vị quan giúp việc giới của vua Giá-ca-việt-la là như vậy.

Vua có vị tướng cầm binh và huấn luyện giỏi là người như thế nào? Đó là người tài cao, dũng lược, khỏe mạnh, không có gì là không biết. Nếu muốn huy động thì quân sĩ nhiều vô số, còn không muốn huy động thì quân sĩ không có. Vị tướng cầm binh và huấn luyện giới tâu với vua: “Nay vua cứ yên tâm, chớ lo lắng về việc nước. Vua cần người dụng binh, thần tự chiến đấu”. Ý vua muốn thử vị tướng quân ấy, liền tập trung người, ngựa, voi trong nước và đều cho mang áo giáp, để xứng đáng là bộ binh mang áo giáp, khi lâm trận, đủ sức tự vệ. Vua thầm nghĩ: “Muốn cho đoàn binh sĩ này xuất phát thử, nhanh chăng?” Vua vừa nghĩ, thì binh sĩ liền hiện ra trước mặt. Vua nghĩ, muốn cho binh sĩ dừng lại, binh sĩ liền dừng. Vua nghĩ, muốn cho binh sĩ giải tán, binh sĩ liền giải tán.

Vị tướng chủ binh, huấn luyện giỏi của vua Giá-ca-việt-la là như thế.

Vua Giá-ca-việt-la có bảy báu như vậy.

Vua có bốn việc khác với người phàm. Bốn việc ấy là gì?

Một là tuổi thọ vô hạn lượng, trong loài người không ai có tuổi thọ như vua Giá-ca-việt-la.

Hai là thường an ổn, chưa từng có bệnh, ăn uống đều tiêu, thân thể nóng lạnh thích hợp với thời tiết. Trong loài người không có ai an ổn hơn vua Giá-ca-việt-la.

Ba là đẹp đẽ không ai bằng, hơn hẳn người thế gian, nhưng

chẳng bằng chư Thiên.

Bốn là muôn họ đều thương vua, đều xem vua như cha mẹ; vua thương muôn họ như cha mẹ thương con. Mỗi khi vua xuất cung đi đến các dinh thự, biệt quán, muôn họ nói với người đánh xe cho vua: “Xin cho xe đi chậm chậm, chúng tôi muốn được chiêm ngưỡng vua, nhưng không đến gần được. Xin chúc vua sống lâu muôn tuổi”. Vua bảo người đánh xe: “Hãy đi chậm chậm, ta muốn nhìn thấy nhân dân trong nước ta, chúc họ sống lâu vô kể”.

Vua Giá-ca-việt-la có bốn việc như vậy, người phàm không có.

Vua có năm nguyện, những điều suy tư mong muốn luôn hiện ra trước mặt; niềm vui trong tâm, vị ngon ở lưỡi, sự thích thú của mắt, mọi điều ưa thích đều hiện hữu. Tai nghe các âm thanh êm dịu của lời ca, tiếng nhạc, mùi thơm mà mũi đã ngửi, gây niềm vui trong lòng, như mũi ngửi mùi phấn thơm, đều luôn hiện hữu. Các vị mặn, chua, ngọt, mà miệng đã nếm, các món ngon đều hiện hữu. Những cái trong sạch mịn màng, đẹp đẽ, dễ ưa đều hiện hữu.

Do năm điều ước muốn đó của vua Giá-ca-việt-la, nên mắt vua chưa từng thấy sắc xấu, tai chưa từng nghe tiếng dờ, mũi chưa từng ngửi mùi hôi thối, miệng chưa từng ăn các món không ngon, thân chưa từng mặc áo thô xấu.

Phật bảo các Sa-môn:

–Vua Giá-ca-việt-la có bảy báu vật kỳ lạ, có bốn tướng đặc biệt, có năm điều ước muốn như vậy. Các vị cho rằng vua đối với các việc đó có vui vẻ chăng?

Các Sa-môn đáp:

–Vua chỉ có một báu, tâm đã vui vẻ, huống là có đủ bảy báu.

Phật cầm một viên đá nhỏ trong tay, hỏi các Sa-môn:

–Viên đá trong tay Ta là lớn hay ngọn núi là lớn?

Các Sa-môn đáp:

–Viên đá trong tay Phật là nhỏ, đã nhỏ thì làm sao so sánh với hòn núi? Dù có lớn gấp trăm lần, ngàn lần, ức lần, cũng chẳng bằng hòn núi lớn.

Phật dạy:

–Như viên đá nhỏ trong tay Ta lớn không bằng cái lớn của hòn núi, dù cho nó lớn gấp trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, ngàn vạn

lần, ước vạn lần, cũng chẳng bằng cái lớn của hòn núi. Vua Giá-ca-việt-la tuy có bảy báu, bốn tướng khác lạ, có năm điều ước muốn, nhưng không bằng cái vui trên cõi trời, gấp trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ước lần, ngàn vạn ước lần. Giống như viên đá nhỏ trong tay Phật so với núi đá lớn.

Phật dạy:

–Bậc cao thiện sĩ ở thế gian, tâm nghĩ việc thiện, miệng nói việc thiện, rất thành thật, thân làm việc thiện. Lúc hết thọ mạng ở thế gian, sau khi chết, được sanh lên cõi trời Đao-lợi thứ hai, làm trời. Một trăm năm ở thế gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Đao-lợi; ba trăm năm ở thế gian là một tháng ở cõi trời Đao-lợi; ba vạn sáu ngàn năm ở thế gian là một năm ở cõi trời Đao-lợi. Theo sự tính đếm ở cõi trời thì người ở trên cõi trời Đao-lợi thứ hai, sống một ngàn năm.

Cửa ngoài của cung trời Đao-lợi rộng bảy trăm dặm, bức tường thành bên ngoài có bảy lớp, có bảy hào nước, trong nước đều có hoa sen bốn màu, dưới đáy nước đều là cát vàng, trên thành đều có lan can làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê; bảy lớp đất đều có bảy lớp hàng cây: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng lưu ly, cây bằng pha lê, cây bằng san hô, cây bằng hổ phách, cây bằng xa cừ. Cây bằng vàng, gốc bằng vàng, thân bằng vàng thì lá bằng bạc, hoa bằng bạc, quả bằng bạc; cây bằng bạc, gốc bằng bạc, thân bằng bạc thì lá bằng vàng, hoa bằng vàng, quả bằng vàng; cây bằng lưu ly, gốc bằng lưu ly, thân bằng lưu ly, thì lá bằng pha lê, hoa bằng pha lê, quả bằng pha lê; cây bằng pha lê, gốc bằng pha lê, thân cây bằng pha lê thì lá bằng lưu ly, hoa bằng lưu ly, quả bằng lưu ly; cây bằng san hô, gốc bằng san hô, thân bằng san hô thì lá bằng hổ phách, hoa bằng hổ phách, quả bằng hổ phách; cây bằng hổ phách, gốc bằng hổ phách, thân bằng hổ phách thì lá bằng xa cừ, hoa bằng xa cừ, quả bằng xa cừ; cây bằng xa cừ, gốc bằng xa cừ, thân bằng xa cừ thì lá bằng mã não, hoa bằng mã não, quả bằng mã não. Cửa thành rộng hai trăm tám mươi dặm, cao sáu trăm bốn mươi dặm, xà ngang và bức hoành treo trên cửa đều bằng bạc, hai cánh cửa đều làm bằng vàng. Có năm trăm con quỷ giữ cửa ngoài. Khoảng giữa cung là chỗ trời ở, cao rộng hai ngàn dặm, có vách đều bằng bảy

báu vàng, bạc, pha lê, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ; có bảy dòng nước chảy quanh vách, bảy lớp cây báu như ở cửa ngoài; thành cao sáu trăm bốn mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dặm, dùng bạc làm xà ngang và bức hoành, vàng làm hai cánh cửa, vàng làm then cài cửa, có năm trăm con quỷ cùng giữ cửa. Chỗ ở cửa trời, cao rộng hai ngàn dặm, có bảy lớp vách bằng bảy thứ báu, bảy lớp mương nước; các lan can, cây báu như cửa ngoài; thành cao, rộng, dày như ở cửa ngoài, số quỷ giữ cửa như cửa ngoài.

Đi về phía Đông của trời Đao-lợi, có chỗ để vui chơi, giải trí gọi là nhà Nan-đà-hoàn, chu vi bảy ức dặm, có bảy lớp vách; vách vàng, vách bạc, vách san hô, vách lưu ly, vách hổ phách, vách xa cừ, vách pha lê; có bảy hào nước, cát dưới đáy đều là vàng, có hoa sen bốn màu, trên thành có bảy lớp lan can báu, bảy lớp vách; mỗi nơi đều có bảy hàng cây báu: cây bằng vàng, gốc bằng vàng, thân bằng vàng thì lá bằng bạc, hoa bằng bạc, quả bằng bạc; cây bằng bạc, gốc bằng bạc, thân bằng bạc thì lá bằng vàng, hoa bằng vàng, quả bằng vàng; cây bằng pha lê, gốc bằng pha lê, thân bằng pha lê thì lá bằng lưu ly, hoa bằng lưu ly, quả bằng lưu ly; cây bằng lưu ly, gốc bằng lưu ly, thân bằng lưu ly thì lá bằng pha lê, hoa bằng pha lê, quả bằng pha lê; đường của nhà rộng sáu trăm bốn mươi dặm; bảy lớp vách hai bên đường đều làm bằng vàng, bạc, pha lê, lưu ly, hổ phách, san hô, xa cừ; khoảng giữa của mỗi bức vách đều có hào nước; trong nước có hoa sen bốn màu, dưới đáy nước đều có cát vàng; trên vách có lan can đều làm bằng bảy báu như phía trong, có bảy loại cây báu: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng pha lê, cây bằng lưu ly, cây bằng hổ phách, cây bằng san hô, cây bằng xa cừ. Trong nhà ấy có hai tầng đá, một tầng tên là Nan, một tầng tên là Nan-việt, mỗi tầng cao rộng bốn ngàn dặm, đá ấy mềm lại mịn như nhung lụa. Trong nhà có hai ao tắm, một ao tên là Nan-đà, một ao tên là Nan-đà-ni; mỗi ao sâu rộng bốn ngàn dặm; trong ao sanh hoa sen bốn màu: thứ nhất là màu xanh, thứ hai là màu hồng, thứ ba là màu tím, thứ tư là màu trắng; cát ở đáy ao đều là vàng. Trời Đao-lợi, khi muốn vui chơi giải trí liền cùng nhau dẫn đến nhà phía Đông, cùng vui chơi thỏa thích. Vì vậy gọi là nhà Nan-đà-hoàn.

Ra khỏi cửa thành phía Nam trời Đao-lợi có nhà tên là Chất-

la-nại, chu vi bảy ức dặm, vách của nhà ấy có bảy lớp: vách bằng vàng, vách bằng bạc, vách bằng pha lê, vách bằng lưu ly, vách bằng hổ phách, vách bằng san hô, vách bằng xa cừ; ở khoảng giữa mỗi vách có một hào nước, trong nước có hoa sen bốn màu, cát ở đáy nước đều là vàng, có bảy loại cây báu: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng lưu ly, cây bằng pha lê, cây bằng hổ phách, cây bằng san hô, cây bằng xa cừ; trên vách ấy đều có lan can bằng lưu ly, pha lê, san hô, hổ phách, xa cừ. Đường qua nhà Chát-la-nại rộng sáu trăm bốn mươi dặm, đều có bảy lớp vách; vách vàng, bạc, pha lê, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ; ở khoảng giữa mỗi vách, có một hào nước, trong nước có hoa sen bốn màu: xanh, hồng, tím, trắng; cát ở đáy nước đều là vàng, có bảy thứ lan can báu: lan can bằng vàng, lan can bằng bạc, lan can bằng pha lê, lan can bằng lưu ly, lan can bằng san hô, lan can bằng hổ phách, lan can bằng xa cừ; có bảy loại cây báu: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng lưu ly, cây bằng san hô, cây bằng hổ phách, cây bằng xa cừ. Trong nhà ấy có hai tầng đá, mỗi tầng cao rộng bốn ngàn dặm, mịn lại mềm như nhung lụa; tầng thứ nhất tên là Chát-la, tầng thứ hai tên Chát-đa-khoa-la. Trong nhà ấy lại có hai ao tắm: ao thứ nhất tên là Chát-đa, ao thứ hai tên là Chát; trong hai ao có hoa sen bốn màu: xanh, hồng, tím, trắng; ở đáy ao đều có cát vàng. Nhà ấy có bốn loại cây báu: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng pha lê, cây bằng lưu ly. Trời Đao-lợi đi đến nhà Chát-đa-lợi cùng vui chơi giải trí, vui vẻ vô cùng; bốn thứ báu chiếu sáng chư Thiên, loài người, khiến cho họ có màu sắc rực rỡ, đẹp đẽ. Vì vậy gọi là Chát-la-nại. Chát-la-nại là nhà cửa rực rỡ.

Phía Bắc trời Đao-lợi, ra khỏi cửa thành, có nhà gọi là Phả-loại, cao rộng bảy ức dặm, có bảy lớp vách báu, bảy hào nước, ở đáy nước đều là cát vàng, lan can như ở phương Nam. Đường của nhà ấy rộng sáu trăm bốn mươi dặm; trong nhà có hai tầng đá: tầng thứ nhất tên là Ca-la, tầng thứ hai tên là Ca-la-thi-la, mềm mịn như nhung lụa. Có hai ao tắm sâu, rộng bốn ngàn dặm, ao thứ nhất tên là Càn-đa, ao thứ hai tên là Càn-đa-khởi, có hoa sen bốn màu: xanh, hồng, tím, trắng. Trời Đao-lợi, khi muốn vui chơi ở nhà Phả-loại, thì thân thể liền cường tráng. Giống như người sau khi tắm xong, thân thể tươi nhuận,

chư Thiên Đao-lợi vào nhà phía Bắc, thân thể đều tươi nhuận. Vì vậy gọi là nhà Phả-loại.

Từ phía Tây trời Đao-lợi đi ra, có nhà tên là Di-thi-da-viễn, cao rộng bảy ức dặm, có bảy lớp vách, bảy hào nước, bảy loại cây báu, bảy thứ lan can báu, hoa sen bốn màu, ở đáy nước đều là cát vàng, như ở phương Bắc. Đường qua nhà ấy rộng sáu trăm bốn mươi dặm, có bảy lớp vách báu, bảy hào nước, bảy loại cây báu, bảy thứ lan can báu, hoa sen bốn màu; ở đáy nước đều là cát vàng, như ở phương Bắc. Trong nhà có hai tầng đá đẹp, mỗi tầng cao rộng bốn ngàn dặm, mịn mềm như nhung lụa, tầng thứ nhất tên là Bắc-la, tầng thứ hai tên là Bắc-la-việt, có hai ao tắm, mỗi cái sâu rộng bốn ngàn dặm, trong ao ấy có hoa sen bốn màu: xanh, hồng, tím, trắng, ở đáy ao đều là cát vàng, ao thứ nhất tên là Ba-thi, ao thứ hai tên là Vân. Trời Đao-lợi, khi muốn đi đến nhà Di-thi-da-viễn để vui chơi, thì ở cõi trời Đao-lợi, bất kể lớn nhỏ, nghèo giàu, sang hèn, đều được vào nhà Di-thi-da-viễn. Vì vậy gọi là nhà Di-thi-da-viễn.

Trên trời Đao-lợi, trong cung trước sân giữa cửa điện vua, có bảo vật trăm màu, tự trải bày trên đất, trước cung vua. Trong cung, có bảy trăm nhà lầu, bậc thêm bằng vàng, bậc thêm bằng bạc, bậc thêm bằng lưu ly, bậc thêm bằng pha lê, dưới mỗi bậc thêm có mười sáu trụ lưu ly chiếu sáng. Trong cung, có bốn giường ngời, giường bằng vàng, giường bằng bạc, giường bằng pha lê, giường bằng lưu ly, để trời ngời trên đó, nghĩ về điều thiện của muôn họ, cũng nghĩ về điều thiện của chư Thiên. Cung điện chỗ Thiên vương ở gọi là Đề-diên. Trên điện ấy có trăm đại lộ, mỗi đại lộ có trăm nhà, mỗi nhà có bảy ngọc nữ, mỗi ngọc nữ có bảy người hầu; điện ấy màu lưu ly xanh, và chư Thiên đều vây quanh cung điện. Phía Nam có cây gọi là cây Ba-chất-câu-kỳ-la, rễ ăn sâu xuống đất hai trăm dặm, cành ở trên tỏa ra bốn phía: Đông Tây hai ngàn dặm, Nam Bắc hai ngàn dặm, cây cao bốn ngàn dặm. Khi cây đang trở hoa, gió từ trên thổi xuống, mùi thơm của hoa bay xuống bốn ngàn dặm, bay ngược chiều gió hai ngàn dặm. Vào mùa cây đang trở hoa, chư Thiên ngồi dưới cây, vui chơi với nhau một trăm hai mươi ngày, một trăm hai mươi ngày trên trời là một vạn hai ngàn năm dưới thế. Chư Thiên muốn dùng voi trắng báu tên là Nghê-la-viễn để giải trí vui chơi, voi tự biến ra thành ba mươi

hai cái đầu, mỗi đầu có bảy ngà, ngà hóa thành bảy ao tắm, trong mỗi ao tắm hiện bảy hoa sen; mỗi cành hoa sen có nghìn lá, trên mỗi lá có một ngọc nữ báu.

Những điều vua ước muốn, đều có đủ, hết sức vừa ý.

Người ở thế gian tuy làm việc thiện nhưng không thể làm nhiều: tâm nghĩ việc thiện ít, miệng nói lời thiện ít, thân làm việc thiện ít, nên tuy được sanh lên cõi trời Đao-lợi, nhưng chẳng được vào nhà Nan-đà-hoàn ở phía Đông; chẳng thể vào được nhà Chất-đa-lại; chẳng thể vào được nhà Phả-loại phía Bắc; chẳng thể vào được để thưởng thức hương hoa dưới cây Ba-chất-câu-kỳ-la, chỉ được ở xa mà trông, chẳng được vào phía trước. Giống như chỗ ăn uống của vua Giá-ca-việt-la, những người ở ngoài cung chẳng được lên vào; chư Thiên ở cõi trời chẳng được xem cây cũng như vậy.

Người ở thế gian làm việc thiện, tâm nghĩ việc thiện, miệng chí thành làm việc thiện, thân làm việc thiện, sau khi mạng chung, liền được sanh lên cõi trời Đao-lợi. Bậc cao thiện sĩ sanh lên cõi trời Đao-lợi sống rất lâu, sau khi chết, lại hạ sanh tại thế gian, làm thái tử trong gia đình vương hầu, phú quý nhiều vật báu, là người đoan chánh. Thí như niềm vui của người do dối gạt nên mới có được nhiều tiền, vàng, bạc, ngọc báu, nô tỳ, xe ngựa, vợ con, ruộng đất, nhà cửa, bỗng có danh tiếng. Người đó nghĩ rằng anh ta chẳng làm gì, chẳng mua bán, cũng chẳng cày ruộng, tự nhiên có được tài sản. Anh ta chỉ vui chơi thôi, thế mà cũng có được vàng, bạc, châu báu, nhà cửa, ruộng đất, lại có danh tiếng là người phú quý.

Phật dạy:

—Như đứa trẻ con ham chơi mà được lợi như vậy là ít, hay như vậy là nhiều? Điều ấy chẳng bằng tâm nghĩ việc thiện, miệng nói việc thiện, thân làm việc thiện, được lợi thù thắng hơn so với kẻ dối gạt. Vì sao vậy? Thực hành ba việc thiện ấy, sau khi chết, sanh lên cõi trời Đao-lợi, là bậc cao sĩ.

Phật dạy các Sa-môn:

—Nay Ta vì các ông mà nói hai con đường, đó là con đường ngu si và con đường của bậc cao thiện sĩ. Nay các ông tự chọn con đường nào? Nay Ta là Phật vì các ông nói sự khó, dễ.

Phật dạy:

–Các ông nên ở trong núi, hoặc ở nơi gốc cây, trong nhà vắng, hoặc ở chỗ gò mả, nơi khe suối, chốn đồi cao, tự nghĩ về năm điều bên trong, sớm cầu đạo Niết-bàn.

Phật dạy:

–Đó là lời dạy của Ta.

Các Sa-môn đều chấp tay, nhận lời dạy bảo, lần lượt ra trước Phật đánh lễ.

**
*

Phẩm 8: TỬ THIÊN VƯƠNG

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Phía Đông núi chúa Tu-di, cách núi Tu-di bốn vạn dặm có thành quách của Thiên vương Đề-đầu-loại, gọi là chốn Hiền thượng vương, rộng dài hai mươi bốn vạn dặm, dùng bảy báu làm bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây đẹp đẽ, bao bọc chung quanh. Vách bằng vàng, cửa bằng bạc, vách bằng bạc, cửa bằng vàng; vách bằng lưu ly, cửa bằng pha lê, vách bằng pha lê, cửa bằng lưu ly; vách bằng chơn châu đỏ, cửa bằng mã não; vách bằng mã não, cửa bằng chơn châu đỏ, vách bằng xa cừ, cửa bằng tất cả vật báu; lan can bằng vàng thì trụ bằng vàng, bậc thang bằng bạc; lan can bằng bạc, trụ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; lan can bằng lưu ly, trụ bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; lan can bằng pha lê, trụ bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly, lan can bằng chơn châu đỏ, trụ bằng chơn châu đỏ thì bậc thang bằng mã não; lan can bằng mã não, trụ bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; lan can bằng xa cừ, trụ bằng xa cừ thì bậc thang bằng tất cả vật báu. Đường bằng vàng, lề đường bằng bạc, đường bằng bạc, lề đường bằng vàng; đường bằng lưu ly, lề đường bằng pha lê; đường bằng pha lê, lề đường bằng lưu ly; đường bằng chơn châu đỏ, lề đường bằng mã não; đường bằng mã não, lề đường bằng chơn châu đỏ; đường bằng xa cừ, lề đường bằng tất cả vật báu; cây bằng vàng, thân, gốc bằng vàng thì cành, lá, hoa, quả bằng bạc; cây bằng bạc, thân gốc bằng bạc thì cành, lá, hoa, quả bằng vàng; cây bằng lưu ly, thân, gốc bằng lưu ly thì cành, lá, hoa, quả bằng pha lê; cây bằng pha lê, thân, gốc bằng pha lê thì cành, lá, hoa, quả bằng lưu ly; cây bằng chơn châu đỏ, thân, gốc bằng chơn châu đỏ thì cành, lá, hoa, quả bằng mã não; cây bằng mã não, thân, gốc bằng mã não thì cành, lá, hoa, quả bằng chơn châu đỏ; cây bằng xa cừ, thân, gốc bằng xa cừ thì cành, lá, hoa, quả bằng tất cả vật báu. Trên cửa có mái che, đường đi, phía dưới có vườn nhà, ao tắm, có các loại cây, các loại lá, các loại hoa, các loại quả, tỏa ra các thứ hương thơm, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Phía Nam núi chúa Tu-di, cách bốn vạn dặm có thành quách

của Thiên vương Kỳ-lâu-lặc gọi là Thiên kiến, rộng dài hai mươi bốn vạn dặm. Nơi vua ở cũng có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bằng bảy báu bao bọc chung quanh tuyệt đẹp. Trên cửa có mái che, đường đi; phía dưới có vườn nhà, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Phía Tây núi chúa Tu-di, cách bốn vạn dặm có trời gọi là Tỳ-lưu-la, có thành quách, rộng dài hai mươi bốn vạn dặm. Nơi vua ở cũng có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp cây cối bằng bảy báu bao bọc chung quanh tuyệt đẹp. Trên cửa có mái che, đường đi; phía dưới có vườn nhà, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Phía Bắc núi chúa Tu-di, cách bốn vạn dặm, có Thiên vương tên là Tỳ-sa-môn, có ba thành quách, rộng dài mỗi mặt hai mươi bốn vạn dặm. Có ba chỗ vua ở: chỗ thứ nhất tên là Sa-ma, chỗ thứ hai tên là Ba-ca-la-viết, chỗ thứ ba tên là A-ni-bàn, cũng có bảy báu làm bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh, tuyệt đẹp. Trên cửa có mái che, đường đi; phía dưới có vườn nhà, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Phía Đông chỗ ở A-ni-bàn của Thiên vương Tỳ-sa-môn có núi tên là Ca-tỳ-diên, cao, rộng, dài bốn ngàn dặm, dùng bốn báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly tạo thành. Chung quanh núi có tường bao bọc, rộng, dài hai vạn dặm, dùng bảy báu làm bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp cây cối, bao bọc chung quanh tuyệt đẹp. Bốn mặt đều có cửa, dùng bốn báu tạo thành. Trên cửa có mái che, đường đi; phía dưới có vườn, nhà, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Tại núi Ca-tỳ-diên, thuộc chỗ ở A-ni-bàn của vua có ao tắm của Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, tên là Na-lợi, rộng dài hai ngàn dặm, có tường bao bọc chung quanh, ở đáy ao có cát bằng vàng, nước mát lại trong, dùng bốn báu tạo thành bốn lớp vách, lan can, đường đi, cây cối tuyệt đẹp chung quanh ao tắm. Trong ao mọc lên hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng, hoa sen đỏ, ánh sáng của hoa chiếu hơn hai mươi bốn dặm, mùi thơm cũng tỏa ra hai mươi bốn dặm, chung quanh ao tắm có thêm. Thiên vương Tỳ-sa-môn muốn đến núi Ca-tỳ-diên vui chơi giải trí, ngay khi ấy liền nghĩ đến Thiên vương Đề-đâu-lại. Thiên vương Đề-đâu-lại liền nói:

–Thiên vương Tỳ-sa-môn đã nghĩ đến ta.

Lúc ấy vua chỉnh đốn y phục, khăn mũ, sửa sang xa giá, cùng vô số trăm ngàn Kiên-đạp-hòa vây bọc chung quanh, từ thành Hiền thượng đi ra, đến chỗ Thiên vương Tỳ-sa-môn, và dừng ngay phía trước.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn mặc áo, đội mũ, choàng khăn, sửa sang xa giá, cùng với các Thiên vương và vô số trăm ngàn các quỷ thần, cùng đi đến núi Ca-tỳ-diên. Khi ấy gió thổi quét sạch đất núi Ca-tỳ-diên, gió thổi hoa của cây cối trong núi rơi vãi khắp đất. Bốn Thiên vương cùng vào núi Ca-tỳ-diên, cùng nhau vui chơi, ăn uống thỏa thích trong một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày. Sau đó mọi người có thể tự ra về.



KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN IV

Phẩm 9: ĐAO-LỢI THIÊN

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trên đỉnh núi chúa Tu-di, có trời Đao-lợi, mỗi bên rộng dài hai mươi vạn dặm; trên đó có thành quách của Thích-đề-hoàn-nhân, tên là Tu-đà-diên, mỗi mặt rộng dài hai mươi bốn vạn dặm, có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh tuyệt đẹp, đều dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành; vách bằng vàng thì cửa bằng bạc, vách bằng bạc thì cửa bằng vàng, vách bằng lưu ly thì cửa bằng pha lê, vách bằng pha lê thì cửa bằng lưu ly, vách bằng chơn châu đỏ thì cửa bằng mã não, vách bằng mã não thì cửa bằng chơn châu đỏ, vách bằng xa cừ thì cửa bằng tất cả vật báu; lan can bằng vàng, trụ bằng vàng thì bậc thang bằng bạc; lan can bằng bạc, trụ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; lan can bằng lưu ly, trụ bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; lan can bằng pha lê, trụ bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly; lan can bằng chơn châu đỏ, trụ bằng chơn châu đỏ thì bậc thang bằng mã não, lan can bằng mã não, trụ bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; lan can bằng xa cừ, trụ bằng xa cừ thì bậc thang bằng tất cả vật báu; đường đi bằng vàng thì lề bằng đường bạc, đường đi bằng bạc thì lề bằng đường vàng; đường đi bằng lưu ly thì lề bằng pha lê; đường đi bằng pha lê thì lề bằng lưu ly; đường đi bằng chơn châu đỏ thì lề bằng mã não, đường đi bằng mã não thì lề bằng chơn châu đỏ; đường đi bằng xa cừ thì lề

đường bằng bằng tất cả vật báu; cây bằng vàng. gốc, thân bằng vàng thì cành, lá, hoa, quả bằng bạc; cây bằng bạc, gốc, thân bằng bạc thì cành, lá, hoa, quả bằng vàng; cây bằng lưu ly, gốc, thân bằng lưu ly thì cành, lá, hoa, quả bằng pha lê; cây bằng pha lê, gốc, thân bằng pha lê thì cành, lá, hoa, quả bằng lưu ly; cây bằng chơn châu đỏ, gốc, thân bằng chơn châu đỏ thì cành, lá, hoa, quả bằng mã não; cây bằng mã não, gốc, thân bằng mã não thì cành, lá, hoa, quả bằng chơn châu đỏ; cây bằng xa cừ, gốc, thân bằng xa cừ thì cành, lá, hoa, quả bằng tất cả vật báu. Vách ấy cao hai ngàn bốn trăm dặm, rộng một ngàn hai trăm dặm, cửa ấy cao một ngàn bốn trăm dặm, rộng một ngàn hai trăm dặm. Vách ấy, cứ cách hai vạn dặm thì có một cái cửa, mỗi cửa có năm trăm quỷ thần giữ cửa trời Dao-lợi. Trên cửa có mái che, nhà lầu, đường đi, dưới có vườn nhà, ao tắm, có các loại cây, cây có các loại hoa, quả, tỏa ra các thứ mùi thơm, các loại chim bay cùng nhau múa hát.

Trong thành Tu-đà-diên, có cung của Long vương Y-la-bồ, mỗi mặt rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm; đều dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây.

Trong thành Tu-đà-diên, có cung điện tham nghị của vua trời Dao-lợi, mỗi mặt rộng, dài hai vạn dặm, cao bốn ngàn dặm; dùng bảy báu tạo thành bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh hai vạn dặm. Trên cung điện có mái che, đường đi, nhà lầu; dùng pha lê, lưu ly làm mái che, vàng ròng làm đất; cột trụ trong cung điện vòng thân to bốn trăm tám mươi dặm, cửa cao bốn ngàn dặm, dùng bảy báu làm thành; bên trong có tòa ngời của trời Đế-thích, mỗi bên rộng, dài bốn mươi dặm, đều dùng bảy báu làm thành, tòa ấy rất mềm mại, mịn màng, hai bên đều có mười sáu tòa.

Phía Bắc của cung điện, có hậu cung của trời Đế-thích, rộng, dài bốn vạn dặm, đều dùng bảy báu làm thành bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh rất đẹp đẽ.

Phía Đông cung điện, có vườn của Đế-thích tên là Thô kiên, mỗi mặt rộng dài bốn vạn dặm, cũng dùng bảy báu làm thành bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh rất đẹp đẽ.

Cửa cao một ngàn hai trăm dặm, rộng dài tám trăm dặm, trên cửa có mái che, đường đi, nhà lầu, ở dưới có vườn, ao tắm; trong vườn có các loại cây, hoa, quả, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Trong vườn Thô kiên có cây Cao hương cao bảy mươi dặm, đều sanh hoa quả, bỏ ra thì tỏa ra các thứ mùi thơm, có cây cao hai mươi dặm, ba mươi dặm cho đến cao sáu mươi dặm, cây thấp nhất cao mười ba dặm một trăm hai mươi bộ. Kế đến có cây Anh lạc, có cây cao bảy mươi dặm, có cây cao hai mươi dặm, ba mươi dặm cho đến sáu mươi dặm, cây thấp nhất cao mười ba dặm một trăm hai mươi bộ, đều sanh hoa quả, bỏ ra thì hiện ra ngọc Anh lạc. Lại có cây áo, chăn, cây Bất tức, cây đồ dùng, cây âm nhạc, có cây cao bảy mươi dặm, có cây cao hai mươi dặm, ba mươi dặm cho đến sáu mươi dặm, cây thấp nhất cao mười ba dặm một trăm hai mươi bộ, đều sanh ra hoa quả, bỏ ra thì hiện ra các loại áo, mền, anh lạc, tràng hoa, đồ dùng, âm nhạc. Trong vườn Thô kiên, có hai tầng đá, tầng thứ nhất tên là Hiền, tầng thứ nhì tên là Hiền thiện, dùng vàng trời tạo thành, đá rất đẹp đẽ.

Phía Nam cung điện, có vườn của trời Đế-thích tên là Lạc họa, mỗi mặt rộng dài bốn vạn dặm, đều dùng bảy báu tạo thành bảy lớp vách, lan can, đường, cây cối, có cửa cao một ngàn hai trăm dặm; trên cửa có mái che, đường đi, nhà lầu, ở dưới có vườn, ao tắm, có các loại cây, lá, hoa, quả, trong ao tắm có chim bay cùng nhau vui hót. Trong vườn Lạc họa có hai tầng đá, tầng thứ nhất tên là Họa, tầng thứ hai tên là Thiện họa, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm, đá rất mềm, mịn. Trong vườn Lạc họa có cây Hương, lại có cây chăn áo, Anh lạc, cây Bất tức, cây âm nhạc, có cây cao bảy mươi dặm, có cây cao hai mươi dặm cho đến ba mươi dặm, sáu mươi dặm, cây thấp nhất ba mươi ba dặm một trăm hai mươi bộ, đều sanh hoa quả, bỏ ra thì tỏa ra các loại mùi thơm, hiện ra y phục, mền, anh lạc, tràng hoa, đồ dùng, âm nhạc.

Phía Đông điện Đào-lợi có vườn của trời Đế-thích tên là Quán loạn, mỗi mặt rộng dài bốn vạn dặm, dùng toàn bảy báu tạo thành bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh; cửa cao một ngàn hai trăm dặm, rộng tám trăm dặm; ở trên có mái che, đường đi, nhà lầu; ở dưới có vườn, ao tắm, có các loại cây, lá, hoa, quả, tỏa ra các thứ hương thơm, các loài chim bay cùng nhau vui hót;

các thứ mà các cây đã sanh ra cũng như ở phương Nam. Trong vườn Quán loạn có tảng đá vuông.

Phía Tây của cung điện trời Đao-lợi có vườn cây tên là Ca vũ, mỗi bên rộng dài bốn vạn dặm, cũng dùng bảy báu tạo thành bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối, bao bọc chung quanh. Cửa cao một ngàn hai trăm dặm, rộng tám trăm dặm; ở trên có mái che, đường đi, nhà lầu, ở dưới có vườn, ao tắm, có các loại cây, lá, hoa, quả, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Trong vườn Ca vũ có hai tảng đá, tảng thứ nhất tên là Nan-đà, tảng thứ hai tên là Hòa-nan; mỗi tảng rộng dài hai ngàn dặm, đều dùng lưu ly trời làm thành, rất mềm mịn.

Trong vườn Quán loạn, Lạc họa có ao tắm tên là Nan-đà, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm, có bảy lớp bờ tường bao bọc chung quanh, nước trong ao phẳng lặng, đẹp đẽ, trong vắt, có các loại cây bao bọc chung quanh; cát ở đáy ao đều là vàng; dùng bảy báu tạo thành bảy lớp lan can, đường đi, hàng cây, bao bọc chung quanh, trên có mái che, đường đi, nhà lầu; dưới có vườn, ao tắm; ở trong có các loại cây, lá, hoa, quả, tỏa ra các loại hương thơm; các loại chim bay cùng nhau vui hót. Trong ao tắm Nan-đà có hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen trắng, hoa sen vàng lớn như bánh xe, cành như trục xe, chích vào nhựa chảy ra như sữa, ánh sáng chiếu ba mươi dặm, hương bay xa bốn mươi dặm. Trong vườn Ca vũ, Quán loạn có cây lớn tên là Trú quá độ, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm.

Chư Thiên Đao-lợi có cung điện, rộng dài bốn mươi vạn dặm; dùng toàn bảy báu tạo thành bảy lớp lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh; có vườn, ao tắm, các loại chim bay, cùng nhau vui hót, các loại cây, lá, hoa, quả tỏa ra các loại hương thơm. Cung điện của chư Thiên Đao-lợi có cái rộng dài mỗi mặt ba vạn sáu ngàn dặm, có cung rộng dài ba vạn hai ngàn dặm, có cung rộng dài ba vạn bốn ngàn dặm, có cung rộng dài hai vạn bốn ngàn dặm, có cung rộng dài hai ngàn dặm, có cung rộng dài một vạn sáu ngàn dặm, có cung rộng dài một vạn hai ngàn dặm, có cung rộng dài tám ngàn dặm; cung nhỏ nhất rộng dài bốn ngàn dặm. Trong đó lại có cung rộng, dài ba ngàn sáu trăm dặm, có cái ba ngàn hai trăm dặm, nhỏ cho đến bốn trăm tám mươi dặm, dùng toàn bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn

châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành bảy lớp lan can, đường đi, cây cối; có vườn, ao tắm, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Trước cung điện trời Dao-lợi có hai con đường dẫn đến hậu cung trời Đế-thích, lại có hai con đường dẫn đến vườn Thô kiên; lại có hai con đường dẫn đến vườn Lạc họa; lại có hai con đường dẫn đến vườn Quán loạn; lại có hai con đường dẫn đến vườn Ca vũ; lại có hai con đường dẫn đến ao tắm Nan-đà; lại có hai con đường dẫn đến cây lớn Trú quá độ; lại có hai con đường dẫn đến cung chư Thiên; lại có hai con đường dẫn đến Long cung Y-la-mãn.

Trời Đế-thích khi muốn đến vườn Thô kiên để vui chơi giải trí thì nghĩ đến các Thiên vương. Bấy giờ các Thiên vương nói: “Trời Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta”, liền chỉnh đốn y phục, đội mũ, quấn khăn, sửa sang xe ngựa, rồi cùng đến chỗ trời Đế-thích, dừng ngựa lại ở trước. Lúc ấy trời Đế-thích lại nghĩ đến trời Dao-lợi. Trời Dao-lợi nói với chư Thiên: “Trời Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta”, bèn mặc y phục, chuẩn bị các loại xe ngựa, đi đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước. Khi ấy trời Đế-thích lại nghĩ đến Long vương Y-la-mãn. Bấy giờ Long vương Y-la-mãn nói: “Trời Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta”, liền hóa thành ba mươi sáu đầu voi, trên mỗi đầu hóa ra sáu ngà, trên mỗi ngà hóa ra bảy ao tắm, trên mỗi ao tắm hóa ra bảy hoa sen, trên mỗi hoa sen hóa ra bảy ngọc nữ đang chơi nhạc. Long vương Y-la-mãn đem các loại thần hóa ấy đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước.

Lúc ấy trời Đế-thích chỉnh đốn y phục, đội mũ, quấn khăn, bước lên trên và ngồi xuống trên đầu Long vương, hai bên đều có mười sáu tiểu vương ngồi hầu. Trời Đế-thích liền đi đến trong vườn Thô kiên, gió mở cửa vườn Thô kiên; gió liền nổi lên quét dọn thổi sạch đất trong vườn; gió Y-la nổi dậy thổi vào vườn, bông hoa rơi xuống đất, ngập tới đầu gối người. Trời Đế-thích cùng chư Thiên đều vào trong vườn, ngồi trên tảng đá Hiền thiện, đều có mười sáu Tiểu thiên vương ngồi.

Bấy giờ trời Đế-thích muốn có được Anh lạc liền nghĩ đến Thiên tử Di-xá-bát. Khi ấy Thiên tử nói: “Trời Đế-thích đã nghĩ đến ta”, liền biến hóa ra Anh lạc, đem dâng lên trời Đế-thích. Khi chư Thiên cõi trời Dao-lợi muốn có được Anh lạc, Thiên tử Di-xá-bát liền

biến hóa ra Anh lạc, đem đến dâng lên chư Thiên Đao-lợi. Có chư Thiên chẳng thấy được vườn Thô kiên, cũng chẳng được vào bên trong, cũng chẳng được dùng nhạc trời vui chơi. Vì sao? Vì công đức đã làm đời trước ít. Có chư Thiên Đao-lợi chỉ được đứng xa mà nhìn chẳng được vào, cũng chẳng được dùng nhạc trời để vui chơi. Vì sao? Vì công đức đã làm đời trước còn ít. Trong đó, có chư Thiên được vào dùng nhạc trời cùng vui chơi giải trí. Vì sao vậy? Vì đời trước đã tạo công đức đầy đủ.

Bảy giờ trời Đế-thích cùng chư Thiên Đao-lợi ở trong vườn Thô kiên cùng nhau vui chơi, ăn uống một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, liền rời khỏi đấy đi ra đến vườn Lạc họa, cùng nhau vui chơi cũng như vậy. Lại đến vườn Quán loạn, Ca vũ cùng nhau ăn uống, vui chơi cũng như trên.

Vì sao gọi là Thiên đặng? Vì chư Thiên khi vào cung trời Đao-lợi đều nghĩ: “Lành thay! An lạc!”, vì vậy gọi là Thiên đặng. Vì sao gọi là Thô kiên? Thân liền thô cứng, vì vậy gọi là Thô kiên. Vì sao gọi là Lạc họa? Chư Thiên Đao-lợi, khi vào trong vườn Lạc họa, tự nhiên thân có các loại màu sắc như tranh vẽ, vì vậy gọi là Lạc họa. Vì sao gọi là Quán loạn? Chư Thiên Đao-lợi, khi vào trong vườn Quán loạn, vào ngày mồng tám, mười bốn, ngày rằm trong tháng, trời Đế-thích liền tự bỏ thể nữ, một mình dẫn phu nhân A-tu du hành. Khi ấy chư Thiên tử cùng với thể nữ chen nhau đi lại mất trật tự, vì vậy gọi là Quán loạn. Vì sao gọi là Ca vũ? Chư Thiên Đao-lợi, khi vào trong vườn Ca vũ, liền cùng nhau ca múa vui chơi, vì vậy gọi là Ca vũ. Vì sao gọi là cây lớn Trú quá độ? Có vị trời tên là Văn-đà ở trên cây ấy dùng năm thứ nhạc trời vui chơi thỏa thích, vì vậy gọi là Trú quá độ. Lại nữa, cây lớn Trú quá độ thường có hoa, quả giống như cây Gia-ni, vì vậy gọi là Trú quá độ. Bên cạnh trời Đế-thích thường có mười Thiên tử ủng hộ. Vị thứ nhất tên là Căn, vị thứ hai tên là Cụ Giới, vị thứ ba tên là Tỳ-lưu, vị thứ tư tên là Tỳ-lưu-tạng, vị thứ năm tên là A-lưu, vị thứ sáu tên là Ba-lưu, vị thứ bảy tên là Lợi Hoàn, vị thứ tám tên là Lâu-hán, vị thứ chín tên là Câu-hòa-nan, vị thứ mười tên là Nan. Mười vị Thiên tử này thường theo ủng hộ trời Đế-thích.

Ở cõi người, trong nước có mọc hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng, đẹp đẽ và rất thơm, trên đất cũng có hoa rất mềm mại, đẹp

đẽ, tên là hoa A-đề-vật, hoa Danh-đà-ba-la-tu-giao-hòa-sư-đà-nô-mạt. Đất của người ở cõi Câu-da-ni, Uất-đơn-việt, đất của người ở cõi Phất-vu-đãi phương Đông cũng như vậy. Chỗ ở của rồng và Kim sí điểu, trong nước có mọc hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, rất mềm mại, thơm tho, đẹp đẽ, và trên đất liền cũng có các loại hoa. Chỗ ở của A-tu-luân, trong nước cũng có hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng, mềm mại, rất thơm tho, đẹp đẽ, trên đất liền cũng có hoa đẹp tên là Mạc, Đại mạc, Gia, Đại gia, Mạn-đà, Đại mạn-đà. Trên cõi trời Tứ thiên vương, trong nước có mọc hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng, rất mềm mại, thơm tho, đẹp đẽ; trên đất liền sanh hoa cũng đẹp. Ở cõi trời Dao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Vô cống cao, trời Tha hóa tự chuyển, trong nước cũng có hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng, rất mềm mại, thơm tho, đẹp đẽ; hoa trên đất liền cũng đẹp. Người trong cõi ấy có bảy loại sắc: có người sắc đỏ, có người sắc vàng ròng, có người sắc xanh, có người sắc vàng, có người sắc tía, có người sắc trắng, có người sắc đen, đó là bảy loại sắc. Người cõi A-tu-luân cũng có bảy sắc như thế. Chư Thiên cũng đều có bảy sắc như vậy. Chư Thiên có mười việc. Mười việc ấy là gì? Một là bay đi cùng khắp, hai là qua lại tự do, ba là chư Thiên không có giặc trộm, bốn là không tự nói việc thiện của bản thân, năm là không có sự xâm phạm nhau, sáu là răng của chư Thiên bằng nhau, bảy là tóc màu xanh biếc mượt mà, dài tám thước; tám là người cõi trời, ai mà tóc màu xanh thì thân cũng màu xanh, chín là ai muốn được trắng thì thân liền trắng, mười là ai muốn đẹp, thì thân liền đẹp. Đó là mười sự việc của chư Thiên.

Trong cõi người ấy, so sánh ánh sáng con đom đóm chẳng bằng ánh sáng ngọn đèn, ánh sáng ngọn đèn chẳng bằng ánh sáng ngọn đuốc, ánh sáng ngọn đuốc chẳng bằng ánh sáng đồng lửa lớn, ánh sáng đồng lửa lớn chẳng bằng ánh sáng ngôi sao, ánh sáng ngôi sao chẳng bằng ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trăng chẳng bằng ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trời chẳng bằng ánh sáng của cung điện Tứ thiên vương, ánh sáng của cung điện Tứ thiên vương chẳng bằng ánh sáng của cung điện cõi trời Dao-lợi, ánh sáng của cung điện trời Dao-lợi chẳng bằng ánh sáng của cung điện trời Đế-thích, cứ như vậy, lần lượt chẳng bằng nhau, trên cho đến ánh sáng của cung trời

A-ca-ni-trá; ánh sáng của cung trời A-ca-ni-trá chẳng bằng ánh sáng của Thiên tử Ma-y-phá; ánh sáng của Thiên tử Ma-y-phá chẳng bằng ánh sáng của Khổ đế, Tập, Tận, Đạo đế; ánh sáng của Khổ đế, Tập, Tận (Diệt), Đạo đế chẳng bằng ánh sáng của Phật.

Người ở cõi Diêm-phù-lợi, thân cao bảy thước, hoặc có người cao đến tám thước, áo rộng một trượng, dài sáu thước.

Người ở cõi Câu-da-ni, người ở cõi Phất-vu-đãi, thân cao bảy thước, hoặc có người cao đến tám thước, áo rộng một trượng, dài sáu thước.

Người ở cõi trời Uất-đơn-việt, thân cao một trượng bốn thước, áo rộng hai trượng tám thước, dài một trượng bốn thước, nặng hai lạng rưỡi.

Rồng và Kim sí điều, thân cao bốn mươi dậm, áo rộng tám mươi dậm, dài bốn mươi dậm, nặng hai lạng rưỡi.

Các A-tu-luân, thân cao bốn mươi dậm, áo rộng tám mươi dậm, dài bốn mươi dậm, nặng hai lạng rưỡi.

Chư Thiên trên cõi trời Tứ thiên vương, thân cao hai mươi dậm, áo rộng bốn mươi dậm, dài hai mươi dậm, nặng hai lạng rưỡi.

Chư Thiên trên cõi trời Đao-lợi, thân cao bốn mươi dậm, áo rộng tám mươi dậm, dài bốn mươi dậm, nặng bảy thù rưỡi.

Người ở cõi trời Diệm, thân cao tám mươi dậm, áo rộng một trăm sáu mươi dậm, dài tám mươi dậm, nặng nửa lạng.

Người ở cõi trời Đâu-suất, thân cao một trăm sáu mươi dậm, áo rộng ba trăm hai mươi dậm, dài một trăm sáu mươi dậm, nặng hai thù.

Chư Thiên ở cõi trời Lạc vô cống cao, thân cao ba trăm hai mươi dậm, áo rộng sáu trăm bốn mươi dậm, dài ba trăm hai mươi dậm, nặng một thù.

Chư Thiên ở cõi trời Tha hóa tự chuyển, thân cao sáu trăm bốn mươi dậm, áo rộng một ngàn sáu trăm tám mươi dậm, dài sáu trăm bốn mươi dậm, nặng nửa thù.

Chư Thiên ở trên các cõi trời ấy, áo mặc vừa vặn với thân.

Người ở Diêm-phù-lợi sống lâu trên dưới một trăm tuổi. Người ở cõi Câu-da-ni sống lâu trên dưới hai trăm tuổi. Người ở cõi trời Phất-vu-đãi sống lâu trên dưới ba trăm tuổi. Người ở cõi Uất-đơn-việt đều sống một ngàn tuổi, không có ai chết yếu. Rồng và Kim sí điều

thọ một kiếp nhưng có con chết yếu. Người ở cõi A-tu-luân thọ một ngàn tuổi nhưng cũng có người chết yếu. Chư Thiên cõi Tứ thiên vương thọ năm trăm tuổi theo năm trời nhưng cũng có vị chết yếu. Chư Thiên cõi trời Đao-lợi thọ một ngàn tuổi theo năm trời nhưng lại cũng có vị chết yếu. Chư Thiên cõi trời Diêm thọ hai ngàn tuổi theo năm trời nhưng cũng có người chết yếu. Chư Thiên cõi trời Đâu-suất thọ bốn ngàn tuổi theo năm trời nhưng cũng có vị chết yếu. Chư Thiên cõi trời Lạc vô cống cao thọ tám ngàn tuổi theo năm trời nhưng cũng có vị chết yếu. Chư Thiên cõi trời Tha hóa tự chuyển thọ một vạn sáu ngàn tuổi theo năm trời nhưng cũng có vị chết yếu. Chư Thiên cõi trời Phạm-ca-di thọ một kiếp nhưng cũng có vị chết yếu. Chư Thiên cõi trời A-ba-la thọ hai kiếp nhưng cũng có vị chết yếu. Chư Thiên cõi trời Thủ-đà-hành thọ bốn kiếp nhưng cũng có người chết yếu. Chư Thiên cõi trời Di-hô-bát thọ tám kiếp theo kiếp của cõi trời nhưng cũng có vị chết yếu. Chư Thiên cõi trời Vô tướng và nga quý thọ bảy kiếp theo kiếp của cõi trời nhưng cũng có vị chết yếu. Chư Thiên cõi trời A-tỳ-ba thọ mười kiếp nhưng cũng có người chết yếu. Chư Thiên cõi trời A-đáp-hòa thọ hai mươi kiếp nhưng cũng có người chết yếu. Chư Thiên cõi trời Tu-đà-chiên thọ bốn mươi kiếp nhưng cũng có người chết yếu. Chư Thiên cõi trời Tu-đà-chiên-ni thọ tám kiếp nhưng cũng có người chết yếu. Chư Thiên cõi trời A-ca-ni-trá thọ trăm kiếp nhưng cũng có vị chết yếu. Chư Thiên cõi trời Hư không tri thọ vạn kiếp nhưng cũng có người chết yếu. Chư Thiên cõi trời Thức tri thọ hai vạn kiếp nhưng cũng có người chết yếu. Chư Thiên cõi trời A-kiệt-nhược-nhiên thọ bốn vạn kiếp nhưng cũng có người chết yếu. Chư Thiên cõi trời Không có tư tướng cũng có tư tướng thọ tám vạn kiếp không có ai chết yếu.

Phật dạy:

–Con người có bốn cách ăn để nuôi thân. Bốn cách đó là gì? Một là thấy, lấy ăn, hai là ăn bằng hơi ấm, ba là ăn bằng ý, bốn là ăn bằng thức. Đó là bốn cách ăn để nuôi thân.

Những loài nào thấy, lấy ăn? Người cõi Diêm-phù-lợi ăn cơm, gạo, xôi, nếp, thịt cá, mặc áo, tắm rửa, cho là ăn an ổn. Người ở cõi Câu-da-ni phương Tây và Phát-vu-đãi phương Đông cũng như vậy. Người ở cõi Uất-đơn-việt ăn gạo thơm tinh khiết, tự nhiên, đó là cách

thấy, lấy ăn và tắm rửa. Rông và Kim sí điều ăn cá, ba ba và ăn đẽ mễ, đẽ lịch cá lớn, đó là thấy, lấy ăn và tắm rửa. Chư Thiên A-tu-luân ăn thức ăn tự nhiên và mặc áo tắm rửa. Chư Thiên ở cõi Tứ thiên vương ăn thức ăn tự nhiên, mặc áo và tắm rửa. Chư Thiên ở cõi Đao-lợi cũng ăn thức ăn tự nhiên, mặc áo và tắm rửa. Chư Thiên cõi trời Diêm, trời Đâu-suất, trời Vô cống cao, trời Tha hóa tự chuyển đều ăn thức ăn tự nhiên và mặc áo tắm rửa. Từ cõi trời Tha hóa tự chuyển trở lên, dùng niềm vui trong thiền làm thức ăn, lấy định ý làm thức ăn.

Những loài nào ăn bằng hơi ấm? Các loại trứng ăn bằng hơi ấm.

Loài nào lấy ý niệm làm thức ăn? Loài đó có ý tưởng nghĩ về món thịt, đó là dùng ý niệm làm thức ăn.

Loài nào dùng thức làm thức ăn? Người ở trong địa ngục và chư Thiên cõi trời Vô tưởng dùng thức làm thức ăn, đó là thức thực.

Đó là bốn loại thức ăn vì chúng sanh mà sanh ra để nuôi thân mạng.

Người ở cõi Diêm-phù-lợi dùng vàng, bạc, châu báu, gạo thóc, tiền của buôn bán đổi chác để nuôi sống. Người ở cõi Câu-da-ni dùng trâu ngựa, gạo thóc, châu ngọc buôn bán, đổi chác. Người ở cõi Phất-vu-đãi dùng vàng bạc, châu báu, gạo thóc, tiền của buôn bán, đổi chác để nuôi sống. Người ở cõi Uất-đơn-việt không buôn bán, đổi chác; chư Thiên cũng vậy. Cõi Diêm-phù-lợi có việc hôn nhân giữa nam và nữ. Người ở cõi Câu-da-ni, Phất-vu-đãi cũng có việc hôn nhân giữa nam và nữ.

Người ở cõi Uất-đơn-việt không có việc hôn nhân. Nếu người con trai khởi ý dâm dục, thì hướng đến người con gái, nhìn nhau rồi theo nhau đi, con trai đi trước, con gái đi sau. Có cây uốn cong đầu lại như đường đi, người ở cõi phía Bắc dừng lại trong đó, con trai, con gái có chỗ riêng biệt, liền cùng đến bên cây ấy, nếu cây rũ xuống che phủ trên người, thì cùng nhau giao hợp; nếu cây không phủ trên người thì không giao hợp, mỗi người đi mỗi ngã.

Rông và Kim sí điều có việc hôn nhân giữa con đực và con cái. A-tu-luân cũng có việc hôn nhân giữa nam và nữ. Từ đó trở lên không có việc hôn nhân.

Người ở Diêm-phù-lợi, nam nữ cùng ở một chỗ giao hợp. Người

ở cõi Câu-da-ni, Phát-vu-đãi, Uất-đơn-việt, nam nữ cùng làm việc giao hợp. Rong và Kim sí điều, đực và cái cũng làm việc giao hợp. Các nam nữ của A-tu-luân cũng làm việc giao hợp. Chư Thiên cõi Tứ thiên vương, nam nữ cũng làm việc giao hợp. Chư Thiên cõi trời Đao-lợi, nam nữ dùng gió làm việc giao hợp. Chư Thiên cõi trời Diêm, nam nữ lấy việc gần nhau làm giao hợp. Chư Thiên cõi trời Đâu-suất, nam nữ dất tay nhau liền thành việc giao hợp. Chư Thiên cõi trời Vô cống cao, nam nữ nhìn nhau liền thành việc giao hợp. Chư Thiên cõi trời Tha hóa tự chuyển, nam nữ nghĩ đến việc dâm dục, liền thành việc giao hợp. Từ cõi này trở lên, xa lìa dục.

Có người thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ điều ác, từ cõi nhân gian này, khi chết, đọa vào địa ngục, thọ nhận mạng sống và có danh sắc, có được lục nhập.

Có người thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ điều ác, từ cõi nhân gian này sau khi chết đọa vào súc sanh, thọ nhận mạng sống và có được danh sắc, từ danh sắc được lục nhập.

Có người thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ điều ác, từ cõi nhân gian này, khi chết đọa vào ngạ quỷ, thọ nhận mạng sống, có danh sắc, có lục nhập.

Có người thân làm các việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ điều thiện, khi chết, liền sanh làm người, được danh sắc, từ danh sắc được lục nhập.

Có người thân làm việc thiện, miệng nói việc thiện, tâm nghĩ việc thiện, từ cõi nhân gian này, chết đi liền sanh lên cõi Tứ thiên vương, thọ mạng sống, được danh sắc, từ danh sắc được lục nhập; giống như đứa trẻ một tuổi hoặc một tuổi rưỡi ở cõi Diêm-phù-lợi, người mới sanh lên trời làm Thiên tử cũng như vậy. Các Thiên tử ấy nhớ lại thân nam, nữ của mình là như thế, vừa mới sanh lên trời, liền tự biết đời trước mình đã tạo nhân duyên gì mà nay được sanh lên đây, liền tự nói: “Ta thực hành ba sự thật nên được sanh lên đây”. Ba sự thật ấy là gì? Một là bố thí, hai là trì giới, ba là bỏ ác. Đó là ba. Ta ở trên trời, khi chết đi, sẽ trở lại sanh trong nhân gian, thân cũng trở lại làm việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ việc thiện; sau khi chết, sẽ trở lại sanh làm Thiên tử trên trời”. Nói như vậy rồi, liền nghĩ muốn được ăn, tự nhiên liền có thức ăn đựng đầy bát báu hiện ra

trước mặt. Người phước đức ít, thì tự nhiên có cơm màu xanh hiện ra trước mặt; người phước đức bậc trung thì tự nhiên có cơm màu đỏ hiện ra trước mặt; người phước đức bậc cao thì tự nhiên có cơm trắng hiện ra trước mặt, chư Thiên liền lấy ăn. Khi ấy, cơm trong miệng tự nhiên tiêu hết. Giống như đề hồ hay dầu mè đặt lên lửa, liền tan ra, chư Thiên khi ăn cũng như vậy, cơm ở trong miệng liền tự tiêu hết. Khi khát tự nhiên có nước cam lộ đựng đầy bát báu hiện ra trước mặt. Người phước đức ít, thì tự nhiên có nước màu xanh hiện ra trước mặt; người phước đức bậc trung thì tự nhiên có nước màu đỏ hiện ra trước mặt; người phước đức bậc cao thì có nước màu trắng hiện ra trước mặt, liền lấy uống, nước vào trong miệng tự nhiên tiêu hết. Giống như đề hồ, dầu mè đặt trên lửa liền tan ra, chư Thiên khi uống nước cũng như vậy, nước vào miệng tự nhiên tiêu hết. Ăn uống xong rồi, liền lớn lên.

Như trên cõi trời Tứ thiên vương, chư Thiên đi đến trong ao tắm, tắm rửa tự vui chơi; từ ao tắm ra, đi đến bên cây Hương, lấy các thứ hương thơm xoa vào mình, đi đến bên cây Anh lạc, cây tự cúi xuống, lấy khăn mũ anh lạc đội lên; lại đến bên cây Y phục, Bất tức, cây tự cúi xuống, lấy y phục mặc vào, tràng hoa mang vào; lại đến bên cây Khí, Quả, cây Âm nhạc, cây tự cúi xuống, lấy đồ dùng và trái cây ăn, lấy nước trong của nó để uống; lại lấy trống, âm nhạc để đánh, tự ý ca múa. Đi vào trong vườn, nhà cửa, thấy vô số trăm ngàn ngọc nữ chơi âm nhạc, ca múa vui chơi với nhau, hễ nhìn ngọc nữ phía Đông thì quên ngọc nữ phía Tây, nhìn ngọc nữ phía Tây, liền quên ngọc nữ phía Đông. Thiên tử tự nghĩ: “Ta đời trước đã tạo nhân duyên gì mà nay được sanh ở chốn này?”. Ngay khi ấy liền quên việc đời trước, vì ngồi nhìn ngọc nữ, khởi tâm, thất ý. Ngọc nữ tên là Bất Niệm. Vì sao gọi là Bất Niệm? Vì có tác dụng là người nam nhìn thì thất ý.

Người nào mà thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ việc thiện, thì khi ở nhân gian này chết đi, liền sanh lên cõi trời Đạo-lợi, thân cao lớn giống như đứa trẻ hai tuổi hoặc ba tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi. Chư Thiên nhớ biết, thân nam của ta như thế, thân nữ của ta như thế. Thiên tử liền tự nhớ đời trước, vì sao được sanh ở cõi này, là do bố thí, trì giới, bố ác. Khi muốn được ăn uống thì tự nhiên

có bát vàng đựng đầy đồ ăn uống hiện ra trước; tùy theo phước đức bậc cao, bậc trung hay bậc thấp mà sanh ra các thứ ăn uống trắng, đỏ, xanh, ở trước mặt liền lấy ăn uống, khi vào trong miệng tự nhiên tiêu hết; giống như đem váng dầu mè đặt lên trên lửa, liền tự tan ra, khi chư Thiên ăn uống cũng như vậy; ăn xong, thân liền cao lớn, giống như người trời Đao-lợi, liền đến trong ao tắm, tắm rửa vui chơi, rồi ra khỏi đến bên các cây Hương, cây Anh lạc, Y bị, Bất tức, Khí, Quả, Âm nhạc, cành cây tự cúi xuống, lấy hương xoa mình, lấy ngọc Anh lạc, tràng hoa đeo, áo quần mặc, lấy đồ dùng, ăn quả, lấy nhạc cụ, trống để hát múa, rồi vào vườn nhà, thấy vô số ngọc nữ, liền quên đi nhân đời trước, không thể nhớ lại.

Người nào mà thân làm việc thiện, miệng nói việc thiện, từ cõi nhân gian này trở đi, liền sanh lên cõi trời Diêm, khi vừa sanh, thân người ấy như đứa trẻ ba tuổi hoặc bốn tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi. Thân Thiên tử tự nhiên cao lớn như vậy, cũng lại tự nhớ nghĩ đời trước vì đã bố thí, trì giới, bỏ ác, nên được sanh lên trời. Khi muốn ăn uống thì cũng tự nhiên bát báu đầy thức ăn uống hiện ra trước mặt, liền ăn uống, thức ăn vào miệng liền tiêu hết, giống như đem váng sữa, dầu mè đặt lên trên lửa liền tan hết; ăn xong vào ao tắm, tắm xong đi ra, đến dưới các cây, cành cây tự cúi xuống, lấy các thức ăn uống sẵn có, chơi âm nhạc, múa hát rồi vào nhà thấy vô số trăm ngàn ngọc nữ, tâm ý rối loạn, chẳng nhớ được việc đời trước.

Người nào mà thân làm việc thiện, miệng nói việc thiện, ý nghĩ việc thiện, từ cõi nhân gian này chết đi, liền sanh lên cõi trời Đâu-suất, vừa sanh lên, thân thể cao lớn như đứa trẻ bốn tuổi, năm tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi, cũng tự biết những việc đã làm đời trước như bố thí, trì giới, bỏ ác, cũng có thức ăn tự nhiên để ăn uống, thân liền cao lớn, như chư Thiên khác. Vị ấy đi đến ao tắm, tắm rửa rồi đi ra, đến dưới các cây, lấy các vật sở hữu, chơi nhạc, múa hát, rồi vào vườn nhà, thấy vô số trăm ngàn ngọc nữ, tâm ý rối loạn, không thể nhớ lại đời trước.

Người nào mà thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ việc thiện, khi chết, sanh lên cõi trời Vô cống cao, vừa sanh lên thân đã cao lớn như đứa trẻ năm sáu tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi, hoặc sanh lên cõi trời Tha hóa tự tại, thân cao lớn như đứa trẻ sáu bảy tuổi ở cõi

Diêm-phù-lợi, thân liền cao lớn, tự biết đời trước đã bố thí, trì giới, bỏ ác, cũng có thức ăn tự nhiên để ăn uống. Họ vào ao tắm rửa rồi ra, đến chỗ các cây, cành cây tự cúi xuống, mỗi người tự lấy các vật sở hữu như áo quần, ngọc Anh lạc, tràng hoa để đeo, lấy đồ dùng, ăn trái cây, chơi âm nhạc, múa hát, rồi vào vườn nhà, thấy vô số trăm ngàn ngọc nữ, tâm ý rối loạn, chẳng thể nhớ lại đời trước.

Phật dạy:

—Trong mười lăm ngày có ba ngày chay. Ba ngày ấy là ngày nào? Mồng tám, mười bốn, rằm là ba ngày chay trong tháng. Vào ngày chay mồng tám trong tháng, Tứ thiên vương bảo với sứ giả: “Hãy đi xem xét bốn cõi, thị sát muôn dân để biết ở thế gian có người hiếu thuận với cha mẹ không, có người phụng sự Sa-môn, Bà-la-môn không, có người kính trọng bậc Trưởng lão không, có người ăn chay, trì giới, giữ đạo không, có người bố thí không, có người tin có đời này, có đời sau không?” Sứ giả vâng lệnh, đi khắp bốn cõi, trở về tâu đầy đủ: “Có người bất hiếu với cha mẹ, chẳng cung kính, phụng sự Sa-môn, Bà-la-môn. Đạo nhân, Trưởng lão chẳng giữ trai giới, chẳng bố thí”. Tứ thiên vương nghe rồi, liền chẳng vui, nói: “Nay ta nghe lời ác, đó là tổn giảm chư Thiên mà tăng thêm dòng giống A-tu-luân”. Nếu có người hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, Đạo nhân, Trưởng lão; có nhiều người trai giới, bố thí, tin có đời này, đời sau, vị sứ giả cũng tâu đầy đủ. Tứ thiên vương nghe rồi, rất vui, nói: “Nay ta nghe lời thiện, khiến cho nhiều người làm việc thiện, tăng thêm chư Thiên, tổn giảm dòng giống A-tu-luân”. Đó là ngày chay mồng tám trong tháng.

Vì sao ngày mười bốn là ngày chay? Vào ngày chay mười bốn, Tứ thiên vương tự bảo thái tử: “Hãy đi xem xét khắp bốn cõi, thị sát muôn dân”. Khi thái tử trở về tâu đầy đủ, đại ý là có nhiều người làm ác. Tứ thiên vương nghe tâu chẳng vui, nói: “Con người có nhiều kẻ ác, làm tổn giảm chư Thiên, tăng thêm dòng giống A-tu-luân”. Nếu có được nhiều người làm thiện, thì Tứ thiên vương hoan hỷ nói: Tăng thêm chư Thiên, làm tổn giảm dòng giống A-tu-luân”. Đó là ý nghĩa của ngày mười bốn là ngày chay.

Vì sao ngày rằm là ngày chay? Vì vào ngày chay rằm, Tứ thiên vương tự đích thân đi xem xét khắp bốn cõi, thị sát trăm họ, có ai

hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Đạo nhân, kính trọng Trưởng lão, trai giới, tin có đời này, đời sau chẳng. Có nhiều người không thể làm được như vậy, liền khi ấy Tứ thiên vương vào trong trời Thiên đấng chánh tâu với trời Đế-thích: “Ở thế gian có nhiều người bất hiếu với cha mẹ, Sa-môn, Đạo nhân; có nhiều người chẳng kính Trưởng lão, chẳng trai giới, bố thí, chẳng tin có đời này, đời sau”. Trời Đế-thích nghe rồi nói: “Ta nghe nhiều người làm ác, chẳng làm thiện, nên làm tổn giảm chư Thiên, tăng thêm dòng giống A-tu-luân”. Nếu có nhiều người làm thiện, Tứ thiên vương vào cõi trời Thiên đấng chánh tâu đầy đủ với Đế-thích và chư Thiên Đạo-lợi. Đế-thích và chư Thiên Đạo-lợi rất hoan hỷ nói: “Ta nay nghe thế gian làm nhiều điều thiện, làm tăng thêm chư Thiên, tổn giảm A-tu-luân”. Đó là ý nghĩa của ngày chay vào ngày rằm trong tháng.

Đó là ba ngày chay của mười lăm ngày đầu tháng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có người ngoại đạo hỏi: “Tất cả con trai, con gái khi mới sinh ra có ai theo sau để ủng hộ chẳng?” Nếu có người ngoại đạo hỏi như vậy, thì các ông nên trả lời: “Ở ngã tư đường, chợ búa, tất cả nơi giết chóc, chốn mồ mả đều có loài phi nhân, không chỗ nào không có, loài đó gọi là phi nhân. Tùy theo tên của nơi mà chúng thọ báo như quận, quốc, huyện, ấp, gò đống, như sông, ngòi, khe, núi đều có tên, loài phi nhân cũng lấy tên mình như vậy; như người đặt tên mình để phân biệt, loài phi nhân cũng lấy tên như vậy. Có cây nào cao bảy thước, to một thước, ở trên đó chắc chắn có thần.

Người nào ở cõi nhân gian này, thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ việc ác, làm mười điều ác, thì mười người, trăm người, có một vị thần theo dõi, giúp đỡ. Thí như trăm bầy trâu dê, hoặc là bầy trâu dê cả ngàn con mà chỉ có một người chăn giữ.

Phật dạy:

–Như vậy, người mà thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ việc ác, trăm người, ngàn người chỉ có một vị thần ủng hộ.

Người ở chốn nhân gian này, thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ việc thiện, làm theo mười điều thiện, là người làm theo pháp, có chánh kiến, là hạng người chẳng thoái chuyển, thì một người thường có trăm ngàn phi nhân ủng hộ, giống như một

người, hoặc là vua, hay là đại thần thường có một trăm, hoặc ngàn người ở hai bên hộ vệ.

Phật dạy:

–Như vậy, người mà thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ việc thiện, làm theo mười điều thiện, là một người trong những người tôn trọng pháp, có chánh kiến, thường có trăm hoặc ngàn phi nhân theo sau hộ vệ. Đó gọi là người nam, người nữ thường có phi nhân ủng hộ.

Có ba việc mà người cõi Diêm-phù-lợi hơn người cõi Câu-da-ni. Ba việc ấy là gì? Một là ý chí mạnh mẽ trong khi tạo nhân, hai là người cõi này ý chí mạnh mẽ trong lúc tu phạm hạnh, ba là người cõi này dũng mãnh hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Có ba việc mà người cõi Câu-da-ni hơn người cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Trâu bò nhiều, dê nhiều, châu ngọc nhiều. Đó là ba việc người cõi Câu-da-ni hơn người cõi Diêm-phù-lợi.

Người cõi Diêm-phù-lợi có ba việc hơn người cõi Phất-vu-đãi. Ba việc ấy là gì? Một là người cõi này có ý chí mạnh mẽ trong khi tạo nhân, hai là người cõi này có ý chí mạnh mẽ trong lúc tu phạm hạnh, ba là người có ý chí dũng mãnh hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Người cõi Phất-vu-đãi có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là đất đai rất rộng, hai là đất đai rất dày, ba là cõi ấy rất giàu có. Đó là ba việc người ở cõi Phất-vu-đãi hơn người cõi Diêm-phù-lợi.

Người cõi Diêm-phù-lợi có ba việc hơn người cõi Uất-đơn-việt. Ba việc ấy là gì? Một là luôn có ý chí mạnh mẽ, hai là ý chí mạnh mẽ trong khi tu phạm hạnh, ba là ý chí mạnh mẽ hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Người cõi Uất-đơn-việt có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là không có sự ràng buộc, hai là không nuôi nô tỳ, ba là sống lâu đủ ngàn tuổi, không thiếu. Đó là ba việc.

Người cõi Diêm-phù-lợi có ba việc hơn A-tu-luân. Ba việc ấy là gì? Một là có ý chí mạnh mẽ, hai là có ý chí tinh tấn tu phạm hạnh, ba là có ý chí mạnh mẽ hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Các A-tu-luân có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc

ấy là gì? Một là thọ mạng lâu dài, hai là được tồn tại lâu dài, ba là nhiều an ổn. Đó là ba việc.

Người Diêm-phù-lợi có ba việc hơn người trên cõi trời Tứ thiên vương. Ba việc ấy là gì? Một là luôn luôn có ý chí mạnh mẽ, hai là có ý chí mạnh mẽ tu hành phạm hạnh, ba là có ý chí mạnh mẽ hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Người cõi trời Tứ thiên vương có ba việc hơn người trên cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là sống lâu, hai là được tồn tại lâu dài, ba là nhiều an ổn. Đó là ba việc.

Người Diêm-phù-lợi có ba việc hơn người trên cõi trời Đao-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là ý chí luôn luôn mạnh mẽ, hai là ý chí mạnh mẽ khi tu phạm hạnh, ba là ý chí ý mạnh mẽ hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Trời Đao-lợi, trời Diêm, trời Đâu-suất, trời Ni-ma-la, trời Bà-la-ni-mật-lợi-da khởi trí có ba việc hơn người Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là thọ mạng lâu dài, hai là tồn tại lâu dài, ba là nhiều an ổn. Đó là ba việc.

Cõi Dục có mười hai loại. Mười hai loại ấy là gì? Một là địa ngục, hai là cầm thú, ba là ngạ quỷ, bốn là người thế gian, năm là A-tu-luân, sáu là Tứ thiên vương, bảy là trời Đao-lợi, tám là trời Diêm, chín là trời Đâu-suất, mười là trời Vô cống cao, mười một là trời Tha hóa tự chuyển, mười hai là trời Ma. Đó là mười hai loại tạo thành cõi Dục.

Trời Sắc hành có mười tám. Mười tám cõi ấy là gì? Là trời Phạm-gia-di, trời Phạm-bất-số-lâu, trời Phạm-ba-lợi-sa, trời Đại phạm, trời A-duy-tỳ, trời Ba-lợi-đáp, trời A-ba-la-na, trời Ba-lợi-đa-thủ, trời A-ba-la, trời Ma thủ, trời A-phi-ba-la, trời Duy-a, trời Ba-lợi-đa-duy, trời A-ba-ma-duy-ha, trời Duy-ha, trời Duy-a-bát, trời A-đáp-hòa, trời Thiện kiến, trời Sắc, trời A-ca-ni-trá. Đó là mười tám trời Sắc hành.

Trời Vô sắc hành có bốn cõi. Bốn cõi ấy là gì? Một là trời Hư không trí, hai là trời Thức trí, ba là trời A-kiệt-nhiên, bốn là trời Không tư tưởng cũng có tư tưởng. Đó là bốn trời Vô sắc.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, đại thiên thân giữ đất phát khởi ác kiến thế này: chỉ có đất, không có nước, cũng không có lửa, không có gió.

Phật dạy:

–Lúc ấy Ta đi đến chỗ của vị thần giữ đất, bảo với vị ấy: “Có phải thật ông phát khởi ác kiến, nói rằng không có nước, lửa, gió chãng?” Thiên thần đáp: “Bạch Thế Tôn, đúng vậy”. Ta nói: “Thiên thần chớ nói là đất không có nước, lửa, gió. Vì sao? Vì nằm sâu trong đất vài dặm thì đất đó có nước, lửa, gió”.

Phật dạy:

–Ta có thể biết vị đại thần giữ đất phát khởi ác kiến, liền dùng pháp khuyên giúp, khiến cho tâm ý khai thông hiểu biết, hoan hỷ, lập tức xa lìa mọi phiền não, phát sanh các pháp lành. Thí như lụa trắng sạch, tốt đem nhúng vào thuốc nhuộm, liền thấm màu tốt.

Phật dạy:

–Như vậy, đại thần giữ đất liền xa lìa phiền não, phát sanh các pháp lành. Bấy giờ đại thần giữ đất, hiện tại đạt được pháp hành, dứt hồ nghi, bạch Phật: “Con từ nay cho đến hết cuộc đời, đem thân mạng quay về với Phật, đem thân mạng quay về với Pháp, đem thân mạng quay về với Tỳ-kheo Tăng, thọ trì giới Ưu-bà-di, thường có lòng từ đối với người và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất”.

Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

–Ngày xưa có vị đại thần giữ nước, phát khởi ác kiến, nói: “Chỉ có nước, không có đất, cũng không có lửa, gió”. Lúc ấy Ta đi đến chỗ vị đại thần giữ nước hỏi vị đó: “Có phải thật người phát khởi ác kiến nói: chỉ có nước, không có đất, gió chãng?” Vị thần thưa: “Bạch Thế Tôn, đúng vậy”. Ta nói: “Đại thần chớ nên nói lời ấy. Vì sao? Chỉ xuống sâu trong nước vài dặm thì nước đó cũng có lửa, đất và gió”.

Thủy thần liền dứt bỏ ác kiến. Ta chỉ dùng pháp khuyên giúp, khiến tâm ý khai thông, hiểu biết, hoan hỷ, lập tức xa lìa phiền não, phát sanh các pháp lành. Thí như lụa trắng sạch tốt đem nhúng vào thuốc nhuộm, liền thấm màu tốt. Đại thần giữ nước cũng như vậy, hiện tại đạt được pháp hành, không có hồ nghi, liền bạch Phật: “Con từ nay cho đến mãn đời, đem thân mạng quay về với Phật, đem thân mạng quay về với Pháp, đem thân mạng quay về với Tỳ-kheo Tăng, thọ giới, thường đem lòng từ đối với người và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất”.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa có vị đại thần giữ lửa phát khởi ác kiến, nói: “Trong lửa không có đất, nước, gió”. Bấy giờ, Ta đi đến chỗ thần giữ lửa, hỏi: “Có phải thật ông phát khởi ác kiến, nói rằng trong lửa không có đất, nước, gió chẳng?” Thần lửa bạch: “Bạch Thế Tôn, đúng vậy”. Ta nói: “Thiện thần chớ nên nói lời ấy. Vì sao? Vì có lửa thì cũng có đất, nước, gió”.

Lúc ấy đại thần giữ lửa liền dứt bỏ ác kiến. Ta liền dùng pháp khuyến giúp, khiến cho tâm ý khai thông, hiểu biết, hoan hỷ, lập tức xa lìa phiền não, phát sanh các pháp nhĩn. Thí như lụa trắng sạch tốt đem nhúng vào thuốc nhuộm, thì liền thấm màu tốt. Đại thần giữ lửa cũng như vậy, hiện tại đắc pháp hành, không còn hồ nghi, bạch Phật: “Con từ nay cho đến mãn đời, xin đem thân mạng quay về với Phật, xin đem thân mạng quay về với Pháp, xin đem thân mạng quay về với Tỳ-kheo Tăng, thọ trì giới cấm, làm Ưu-bà-di, thường có lòng từ đối với người và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất”.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa có vị đại thần giữ gió phát khởi ác kiến, nói: “Từ trong gió không có đất, nước, lửa”. Bấy giờ Ta đi đến chỗ đại thần giữ gió hỏi: “Có phải thật ông phát khởi ác kiến nói rằng từ trong gió không có đất, nước, lửa chẳng?” Thần gió bạch: “Bạch Thế Tôn, đúng vậy”. Ta nói: “Chớ nên nói lời ấy. Vì sao? Vì chỉ vào sâu trong gió vài dặm thì gió đó cũng có đất, nước, lửa”. Khi ấy vị đại thần giữ gió liền dứt bỏ ác kiến.

Phật nói:

–Ta dùng pháp khuyến giúp, khiến cho tâm ý vị ấy được khai thông, hiểu biết, hoan hỷ, lập tức xa lìa phiền não, phát sanh các pháp nhĩn. Thí như lụa trắng sạch, tốt đem nhúng vào thuốc nhuộm thì liền sẫm màu tốt. Đại thần giữ gió cũng như vậy, hiện tại đắc pháp hành, không có hồ nghi, liền bạch Phật: “Con từ nay cho đến mãn đời, xin đem thân mạng quay về với Phật, xin đem thân mạng quay về với Pháp, xin đem thân mạng quay về với Tỳ-kheo Tăng, thọ giới, làm Ưu-bà-di, thường có lòng thương đối với người và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất”.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Mây có bốn màu. Bốn màu ấy là gì?

1. Có mây màu xanh.
2. Có mây màu đỏ.
3. Có mây màu vàng, trắng.
4. Có mây màu đen.

Loại mây có màu xanh thì trong đó nhiều nước, loại mây có màu đỏ thì trong đó có nhiều lửa, loại mây có màu vàng, trắng thì trong đó có nhiều đất, loại mây có màu đen thì trong đó có nhiều gió.

Sấm chớp có bốn thứ. Bốn thứ ấy là gì?

1. Sấm chớp ở phương Đông, gọi là Bách chủ.
2. Sấm chớp ở phương Nam, gọi là Thân vị.
3. Sấm chớp ở phương Tây, gọi là A-kiệt-la.
4. Sấm chớp ở phương Bắc, gọi là A-chúc-lam.

Vì sao trong hư không có sấm chớp phát ra tiếng. Có lúc sấm sét Thân vị cùng với sấm sét A-chúc-lam cãi vã, đánh nhau, vì vậy trong hư không phát ra tiếng; hoặc sấm chớp Thân vị cùng với sấm chớp Bách chủ cãi vã, đánh nhau, vì vậy trong mây phát ra tiếng. Có lúc sấm chớp A-chúc-lam cùng với sấm chớp Thân vị cãi vã, đánh nhau, vì vậy trong hư không phát ra tiếng. Vì sao trong mây trên hư không phát ra tiếng? Có lúc, các loại đất cùng với các loài nước cãi vã đánh nhau; các loại đất cùng với các loài lửa cãi vã, đánh nhau; các loài đất cùng với các loài gió cãi vã đánh nhau; thí như hai ngọn núi va chạm nhau làm xô dịch vị trí.

Phật dạy:

—Các loại đất cùng với các loài nước, lửa, gió cãi vã, đánh nhau cũng như thế. Vì vậy nên trong hư không phát ra tiếng. Do việc này mà mất mưa. Lại có năm việc làm mất mưa. Năm việc ấy là gì?

1. Ngay khi mây trời nổi lên sấm sét, khi ấy người cho là trời sắp mưa; có lúc gió nổi lên dữ dội, thổi mây đến vùng núi xa hay chỗ đồng ruộng, mưa xuống. Đó là việc mất mưa thứ nhất.

2. Lại nữa, mây trời nổi lên sấm chớp, khi ấy mọi người cho là trời sẽ mưa, nhưng có lúc lửa nổi lên đốt tiêu nước mưa. Đó là việc mất mưa thứ hai.

3. Lại nữa, mây trời nổi lên sấm chớp, lúc ấy mọi người cho là trời sẽ mưa, nhưng có lúc vua A-tu-luân dùng hai tay vốc nước mưa bỏ vào trong biển lớn. Đó là việc mất mưa thứ ba.

4. Lại nữa, mây trời nổi lên sấm chớp, lúc ấy mọi người cho là trời sẽ mưa, nhưng khi ấy vị trổng coi việc mưa lại lo dâm loạn, vì vậy trời mưa không đúng thời tiết. Đó là việc mất mưa thứ tư.

5. Lại nữa, quốc vương làm việc phi pháp, làm theo pháp ngu si, nhiều sân hận, độc ác, nên trời mưa không đúng thời tiết. Đó là việc mất mưa thứ năm.



KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN V

Phẩm 10: CHIẾN ĐẤU

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, chư Thiên muốn cùng đánh nhau với A-tu-luân, liền đứng xếp hàng bên doanh trại của mình. Khi ấy, trời Đế-thích bảo chư Thiên trời Dao-lợi: “Nếu chư Thiên chúng ta chiến thắng, A-tu-luân bại thì chúng ta sẽ dùng năm sợi dây trói A-tu-luân Duy-ma-chất”. Trời Đế-thích ra lệnh cho các trời Lạc... Chư Thiên cõi trời Dao-lợi liền nhận lệnh của trời Đế-thích.

Khi ấy A-tu-luân Duy-ma-chất cũng bảo các A-tu-luân: “Nếu các A-tu-luân thắng, chư Thiên bại thì sẽ bắt trời Đế-thích, dùng năm sợi dây trói lại”. Các A-tu-luân nhận lệnh.

Bấy giờ chư Thiên chiến đấu với A-tu-luân, chư Thiên đắc thắng. Chư Thiên Dao-lợi bắt A-tu-luân Duy-ma-chất, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trời Thiện đấng để yết kiến trời Đế-thích. Nếu A-tu-luân Duy-ma-chất suy nghĩ: “Ta thích ở trên cõi trời”, liền tự thấy dây trói đã mở, tự nhiên năm điều vui của trời hiện ra trước mặt. Nếu A-tu-luân Duy-ma-chất tự nghĩ muốn trở về, liền tự trở về, năm sợi dây trói mất đi trở thành năm điều vui của cõi trời.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–A-tu-luân đã bị trói buộc như vậy mà sự trói buộc của ma lại kịch liệt hơn. Như vậy, nếu nghĩ là bị ma trói buộc thì chớ nghĩ là được ma mở trói. Đã có ngã mà nghĩ là ta có ngã thì sẽ bị đắm vào niệm không có ngã; do đó bị đắm vào niệm hữu sắc, do đó cũng bị

đắm vào niệm vô hữu sắc; do đó cũng bị đắm vào niệm chẳng có sắc, cũng chẳng phải không có sắc; do đó cũng bị đắm vào niệm hữu tướng; do đó cũng bị đắm vào niệm vô tướng; do đó cũng bị đắm vào niệm chẳng có tướng cũng chẳng phải không có tướng; do đó cũng bị đắm vào bệnh hoạn; do đó bị đắm vào sự lỗ lói; do đó bị đắm vào sự khổ đau. Đệ tử của bậc Hiền giả, nghe sự vướng mắc vào bệnh hoạn, vướng mắc vào sự lỗ lói, vướng mắc vào khổ đau như vậy, nên ưa hạnh dứt mọi tham đắm vướng mắc. Ngã ấy là bị đắm trước, là chẳng chuyên nhất, là loạn, là niệm hữu ngã trá hình, là bị đắm vào niệm không có ngã, là bị đắm vào niệm hữu sắc, là bị đắm vào niệm vô sắc, là bị đắm vào niệm chẳng có sắc cũng chẳng không có sắc, là bị đắm vào niệm hữu tướng, là bị đắm vào niệm vô tướng, là bị đắm vào niệm chẳng có tướng cũng chẳng phải không có tướng, là bị đắm vào sự vướng mắc nơi bệnh hoạn, lỗ lói, khổ đau. Đệ tử bậc Hiền giả nghe sự vướng mắc nơi bệnh hoạn, lỗ lói, khổ đau ấy liền ưa thích hạnh dứt mọi tham đắm vướng mắc.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, A-tu-luân chiến đấu với chư Thiên. Thích-đề-hoàn-nhân bảo chư Thiên trời Đao-lợi: “Nếu chư Thiên thắng thì sẽ dùng năm sợi dây trói A-tu-luân Duy-ma-chất”. Chư Thiên liền nhận lệnh.

Lúc ấy Duy-ma-chất cũng bảo các A-tu-luân: “Nếu chúng ta thắng thì sẽ cùng nhau bắt trời Đế-thích, dùng năm sợi dây trói lại”. Sau đó, hai bên chiến đấu. Chư Thiên đắc thắng, liền bắt A-tu-luân Duy-ma-chất dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trời Thiện đấng để yết kiến Thiên vương Đế-thích. Khi A-tu-luân Duy-ma-chất đi đến, thấy trời Thiện đấng, liền dùng lời hung ác chửi mắng.

Bấy giờ người hầu cận, ở trước trời Đế-thích liền nói kệ:

*Trời Đế-thích sợ hãi chăng
Không có sức nên lạng thình
Nghe Duy-ma-chất trước mặt
Miệng thốt ra lời thô ác?*

Trời Đế-thích đáp:

*Đâu vì sợ mà lạng thình.
Sức ta chẳng kém Duy-ma*

*Vì sao người có trí tuệ
Lại cùng tranh với kẻ ngu?*

Người hầu cận lại đọc kệ:

*Nếu khi kẻ ngu đến đánh
Chẳng nên nhẫn nhịn việc này
Với họ phải dùng gậy gộc
Để đánh trả kẻ ngu si.*

Trời Đế-thích đáp kệ:

*Ta đã biết rõ điều này
Chẳng nên nói với kẻ ngu
Nếu kẻ ngu có nổi sân
Thì người trí không nên cãi.*

Người hầu cận lại nói kệ:

*Trời Đế-thích nên thấy nhân
Nên biết, yên lặng như vậy
Thì kẻ ngu cho bậc trí
Vì sợ hãi nên lặng thinh.
Người ngu si tự cho rằng
Ngài sợ hãi nên làm thinh
Do vậy nên hãy đến đánh.
Vua sợ hãi chạy như trâu.*

Thích-đề-hoàn-nhân đáp lại, nói kệ:

*Nghĩ: đến quấy nhiễu, hại ta
Cho là sợ nên im lặng
Lợi của thân, nghĩa bậc nhất
Là nhẫn nhục chẳng gì bằng.
Với bọn người xấu ác kia
Nếu có ý khởi sân hận
Chẳng nên thốt lời giận dữ
Cùng tranh cãi kẻ hận sân.*

Thích-đề-hoàn-nhân một lần nữa nói kệ trả lời người hầu:

*Việc xảy ra có hai nhân
Là vì mình và người khác*

Nếu có người khởi tranh cãi
 Người trí tuệ không cùng tranh.
 Nếu có xảy việc đôi co
 Là vì mình hay người khác
 Người cho đó là ngu si
 Vì với pháp không hiểu rõ.
 Người không sức nói có sức
 Người có sức bảo si mê
 Người hành pháp, dùng sức họ
 Không có ai hàng phục được.
 Người mà có sức lực ấy
 Đối kẻ yếu, họ lặng thinh
 Ta biết nhân là rất khó
 Càng khó hơn trước kẻ yếu.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nên biết trời Đế-thích lúc bấy giờ là thân Ta. Ta đã nhẫn nhục như vậy, Ta nay cũng vẫn nhẫn nhục.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa A-tu-luân cùng chiến đấu với chư Thiên đắc thắng, chư Thiên bị hại. Trời Đế-thích liền ngồi trên ngàn cổ xe ngựa chạy về, chợp mắt ẩn vào cây lớn, thấy trên cây có các tổ chim, trong đó có hai quả trứng, liền tự nói kệ:

Này người hầu, chim sắp về
 Nên lui xe ngựa, tránh đi
 Thà A-tu phá hoại ta.
 Chớ đừng phá hai trứng ấy.

Người hầu liền nhận lệnh của trời Đế-thích quay ngàn cổ xe ngựa tránh đi. Các A-tu-luân thấy ngàn cổ xe ngựa của trời Đế-thích quay trở lại, liền nói: “Họ muốn trở lại chiến đấu với chúng ta”, vì thế A-tu-luân hoảng sợ bỏ chạy, chư Thiên đắc thắng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy muốn biết trời Đế-thích bấy giờ là ai chăng? Chính là thân Ta đó. Lúc ấy Ta thương xót nghĩ đến tất cả dân chúng và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, chư Thiên chiến đấu với A-tu-luân, chư Thiên đắc thắng, A-tu-luân bại. Khi đó trời Đế-thích rất hoan hỷ, trở về cho tạo dựng một đại giảng đường đặt tên là Thắng. Vì sao đặt tên là Thắng? Vì thắng các A-tu-luân. Giảng đường có một trăm lớp lan can, giữa mỗi lớp lan can đều làm bảy trăm đường đi; giữa mỗi đường đi có bảy trăm ngọc nữ, mỗi ngọc nữ có bảy trăm người hầu. Trời Đế-thích khỏi phải lo về áo quần, thức ăn uống cho các ngọc nữ. Mỗi người như việc làm đời trước, tự nhiên được sanh ra trong giảng đường. Tất cả giảng đường trong ngàn thế giới, không có cái nào bằng giảng đường của trời Đế-thích.

Vua A-tu-luân nghĩ: “Sức oai thần của ta rất tôn quý, thế mà các mặt trời, mặt trăng và trời Đao-lợi ở trên ta cứ qua lại trong hư không. Ta muốn lấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng bỏ vào trong lỗ tai đi khắp mười phương”. Nghĩ như vậy rồi, liền nổi giận không dần lại được. Bấy giờ vua A-tu-luân nghĩ đến A-tu-luân Duy-ma-chất. A-tu-luân Duy-ma-chất biết việc ấy, liền mang các loại dụng cụ, trang bị các loại binh khí xe ngựa và vô số trăm ngàn A-tu-luân cùng kéo đến chỗ vua A-tu-luân, dừng lại ở trước.

Lúc ấy vua A-tu-luân lại nghĩ đến A-tu-luân Xá-ma-lợi. A-tu-luân Xá-ma-lợi biết việc ấy liền mang các loại dụng cụ, trang bị binh khí, ngựa xe cùng với vô số trăm ngàn A-tu-luân kéo đến chỗ vua A-tu-luân dừng lại ở trước.

Vua A-tu-luân lại nghĩ đến A-tu-luân Mãn-do, A-tu-luân Kỳ-la. Hai vị biết việc đó, liền mang các loại dụng cụ, trang bị binh khí, cùng với vô số trăm ngàn A-tu-luân kéo đến chỗ vua A-tu-luân dừng lại ở trước.

Bấy giờ vua A-tu-luân tự mang các loại dụng cụ, trang bị binh khí, ngựa xe, cùng với vô số trăm ngàn A-tu-luân vây quanh, từ thành xuất phát, kéo đi để chiến đấu với chư Thiên trời Đao-lợi.

Khi ấy Long vương Nan-đầu-hòa-nan dùng thân quán quanh núi Tu-di bảy vòng, làm chấn động núi Tu-di, dùng đuôi đập xuống biển lớn, nước biển vọt lên bên núi Tu-di đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Trời Đao-lợi liền biết A-tu-luân muốn đến chiến đấu với chư Thiên. Lúc ấy các rồng trong biển mang các loại trang bị, binh

trượng, ngựa xe, đến nghinh chiến với các A-tu-luân. Đánh mà đắc thắng thì đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng. Nhưng các vị rồng thất bại, không thắng được liền đi đến chỗ quỷ thần Câu-đề nói với các vị ấy: “Các A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên. Hãy cùng đến nghinh chiến”. Chư quỷ thần Câu-đề nghe các vị rồng nói, liền mang các loại chiến y và đồ trang bị, binh trượng, ngựa xe, cùng đi đến chỗ A-tu-luân để chiến đấu, nếu đắc thắng thì đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng. Nhưng chẳng thắng được, liền đi chỗ quỷ thần Trì Hoa, nói với các quỷ thần Trì Hoa rằng A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên nên cùng đến nghinh chiến, đuổi đi. Quỷ thần Trì Hoa nghe lời nói đó của rồng và quỷ thần Câu-đề liền mang các loại binh trượng, trang bị ngựa, xe, cùng đến chỗ A-tu-luân để chiến đấu, nếu đắc thắng sẽ đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng, nhưng không thắng được liền đến chỗ quỷ thần Thái-đà-mạt, nói với họ: “Các A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên, nên cùng đến nghinh chiến và đuổi đi”. Quỷ thần Thái-đà-mạt nghe rồi, liền mang các loại binh trượng, ngựa xe, cùng đến nghinh chiến với A-tu-luân, nếu đắc thắng sẽ đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng, nhưng không thể thắng được, liền đi đến chỗ Tứ thiên vương, nói với Tứ thiên vương: “Các A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên, nên cùng đến nghinh chiến, đuổi đi”. Chư Thiên nghe xong, Đại thiên vương Tỳ-sa-môn ngay khi ấy nghĩ đến chư Thiên Đề-đâu-lại, Thiên vương Đề-đâu-lại biết việc ấy, liền mang đầy đủ các đồ trang bị, binh trượng, xe ngựa, cùng với vô số trăm ngàn Đề-đâu-lại vây quanh sau trước, đi đến chỗ của Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, dừng lại ở trước. Thiên vương Tỳ-sa-môn lại nghĩ đến Thiên vương Tất-lâu-lặc. Thiên vương Tất-lâu-lặc biết việc đó, liền mang đầy đủ các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, cùng với vô số chư Thiên lại cùng với vô số trăm ngàn binh sĩ, lại cùng với vô số trăm ngàn loài Rồng vây quanh trước sau, đi đến chỗ Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, dừng lại ở trước.

Bấy giờ, Thiên vương Tỳ-sa-môn mang đầy đủ các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, cùng với vô số trăm ngàn loài quỷ thần vây quanh, cùng với chư Thiên vương đến chiến đấu với các A-tu-luân, nếu đắc thắng, sẽ đuổi các A-tu-luân về thành quách

của chúng, nhưng chẳng thắng được, liền đi đến trời Thiên đấng, tâu với trời Đế-thích và nói với chư Thiên cõi Đao-lợi: “Các A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên, nên cùng đến nghinh chiến, đuổi đi”.

Lúc ấy trời Đế-thích bảo chư Thiên: “Hãy đến chỗ chư Thiên Tu-diêm, chư Thiên Đâu-suất, chư Thiên Ni-ma-la, chư Thiên Ba-la-ni-mật, nói rằng A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên, nên cùng đến nghinh chiến, đuổi đi”.

Thiên tử Ba-la-ma liền nhận lệnh của trời Đế-thích đi đến nói với bốn vị trời trên như vậy. Các vị trời ấy liền mang đầy đủ các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, cùng vô số chư Thiên xuống cõi trời dưới.

Trời Diêm đến sườn phía Đông của núi Tu-di ủng hộ trời Đao-lợi. Trời Đâu-suất cùng với vô số chư Thiên đi đến trụ tại sườn phía Nam của núi Tu-di. Thiên tử Ni-ma-la cùng với vô số chư Thiên đi đến sườn phía Tây của núi Tu-di để ủng hộ trời Đao-lợi. Thiên tử Ba-la-ni cùng với vô số chư Thiên đến trụ ở sườn phía Bắc núi Tu-di để ủng hộ trời Đao-lợi.

Trời Đế-thích nghĩ đến các quỷ thần Duy Mạn. Các quỷ thần Duy Mạn biết việc ấy, liền mang đầy đủ các thứ trang bị, binh trượng, ngựa xe, đi đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước.

Trời Đế-thích nghĩ đến voi chúa Thiên trụ. Voi chúa Thiên trụ biết việc ấy, liền mang đầy đủ các đồ trang bị, binh trượng, xe ngựa, đi đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước.

Trời Đế-thích lại nghĩ đến các Thiên vương. Các Thiên vương biết điều ấy, liền mang đầy đủ các đồ trang bị, binh trượng, ngựa xe, đi đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước.

Trời Đế-thích lại nghĩ đến chư Thiên Đao-lợi. Chư Thiên Đao-lợi biết việc ấy, liền mang đầy đủ các đồ trang bị, binh trượng, ngựa xe, đi đến chỗ trời Đế-thích dừng lại ở trước.

Bấy giờ trời Đế-thích tự mang đầy đủ các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, ngồi trên lưng tượng vương Thiên trụ, cùng với vô số trăm ngàn vị trời vây quanh trước vua, ra khỏi thiên cung, đi đến chỗ các A-tu-luân, cùng chiến đấu, dùng dao, kiếm, mâu, tên, cung, nỏ đâm bắn. A-tu-luân bị thương, đau đớn chẳng kể xiết, tuy bị như vậy

mà chẳng chết. Các A-tu-luân cũng thế, dùng dao, kiếm, mâu, tên, cung, nỏ bằng bảy báu đâm bắn làm chư Thiên bị thương, đau đớn không kể xiết, tuy bị như vậy nhưng chẳng chết. Trời ở cõi Dục chiến đấu với các A-tu-luân cũng như vậy. Vì dục là nhân ẩn tàng, vì nhân duyên là dục nên mới xảy ra như thế.

**
*

Phẩm 11: BA TIỂU KIẾP

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba tiểu kiếp. Ba tiểu kiếp ấy là gì? Một là kiếp đao kiếm, hai là kiếp lúa gạo quý hiếm, ba là kiếp tật bệnh. Đó là ba tiểu kiếp.

Thế nào là kiếp đao kiếm?

Khi ấy con người phần nhiều sống phi pháp, ngu si, tà kiến, làm mười điều ác. Vì người làm những việc ác như vậy, nên các thức ăn ngon như váng sữa, dầu mè, mật, đường cát, các thứ đó đều tiêu mất; các thứ y phục, gấm vóc, vải lông tốt đều mất hết. Đất ở cõi ấy tự nhiên phát sanh núi rừng, khe suối, hang hố, bờ vực. Các loại ngọc như lưu ly, pha lê... các thứ báu đều chìm trong đất, chỉ có bờ gai. Trong thời kiếp đao kiếm, dân chúng chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng nghe theo và phụng sự Sa-môn, Đạo nhân, chẳng kính bậc Tôn trưởng. Tiếng xấu ác ấy lan truyền khắp nơi.

Phật dạy:

–Thí như người đời nay, hiếu kính với cha mẹ, tôn kính, phụng sự Sa-môn, Đạo nhân, nghe theo lời của các bậc Trưởng lão. Tiếng tốt ấy đồn khắp nơi. Cũng như vậy, trong thời kỳ kiếp đao kiếm, dân chúng chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng nghe lời và phụng sự Sa-môn, Đạo nhân, chẳng kính bậc Trưởng lão, tiếng ác lan truyền khắp nơi. Trong thời kỳ kiếp đao kiếm hoàn toàn không có điều thiện, huống là có người làm việc thiện. Trong thời kỳ kiếp đao kiếm, người ở cõi này, không có hiện tượng mua bán đổi chác, các cây lớn đều ngã xuống đất, chỉ có hầm hố dơ bẩn, cao thấp chẳng bằng phẳng; nơi có nước thì sóng dậy mênh mông làm sụp lở bờ; nước sông cạn đến đáy; dân chúng thưa thớt, chỉ có sợ sệt, lông toàn thân dựng ngược. Trong thời kỳ kiếp đao kiếm, dân chúng gặp nhau thì chỉ muốn cướp bóc, giết hại nhau. Thí như loài chó sói ở chốn đầm hoang thấy bầy nai thì muốn giết hại, trong thời kỳ kiếp đao kiếm, dân chúng gặp nhau chỉ muốn cướp bóc, giết hại nhau, cũng như vậy. Tay nắm lấy cỏ cây, ngói đá thì đều hóa thành đao kiếm, giết hại lẫn nhau. Thời ấy, con người chỉ thọ mười tuổi. Trong đó, có người thông minh, trí tuệ, chạy trốn vào núi rừng, khe suối,

hang hố, bờ sông sâu và nghĩ: “Không ai có thể giết ta được, ta cũng chẳng giết ai”, bèn ở đó ăn trái, dưa, rễ cây. Trong thời kỳ kiếp đao kiếm, con người giết hại nhau bảy ngày mới nghỉ. Người chết đều đọa vào địa ngục. Vì sao? Vì trong thời kỳ kiếp đao kiếm đó, mọi người đều ôm ý tưởng, hành động độc ác, khi chết chỉ nghĩ ác. Thời kỳ kiếp đao kiếm là như vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm?

Trong thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm, con người phần nhiều sống phi pháp, ngu si, tà kiến, ganh ghét, tham lam keo kiệt, giữ của chẳng chịu bố thí. Vì vậy, trời mưa chẳng đúng thời tiết. Vì trời mưa chẳng đúng thời tiết, nên dân chúng cày cấy, gieo trồng nhưng lúa khô chết không mọc, chỉ còn thân cây khô, vì vậy lúa thóc quý hiếm. Người lượm lúa rơi trong ruộng để tự nuôi sống. Thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm là như vậy.

Lại nữa, người ta phải đi quét đường sá, chợ búa, xóm làng để được chia thóc, để tự nuôi sống. Lại nữa, trong thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm, lá cây rụng trên đất, người ta cào đất lượm lá cây, nấu ăn. Trong thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm, dân chúng bị tai nạn khốn khổ như thế. Trong thời kỳ này, người bị đói khát chết nhiều năm, hài cốt tan rã trên đất. Người đói khát đi lượm hài cốt nơi chợ búa, xóm làng, đường phố để nấu ăn. Dân chúng đói khát mới như vậy. Thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm, người chết bị đọa vào trong loài ngựa quỷ. Vì sao vậy? Vì thời kỳ ấy, dân chúng ganh ghét nhau và tham lam bòn sẻn. Đó là kiếp lúa gạo quý hiếm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế là thời kỳ kiếp tật bệnh?

Trong thời kỳ kiếp tật bệnh, con người phụng hành kinh, giới, theo chánh kiến, lìa tà kiến, làm mười điều thiện. Vì vậy, bấy giờ các quỷ thần ở thế giới phương khác, đến quấy nhiễu các người này, đánh ngã họ, nhiễu loạn tâm ý họ. Nơi này quỷ thần dâm loạn, vì vậy quỷ thần ở phương khác đến quấy nhiễu mọi người, đánh ngã làm rối loạn tâm ý. Thí như nhà vua, hoặc đại thần, ra lệnh binh lính giữ gìn cửa thành. Các binh lính này dâm loạn, nếu cường tặc của nước khác đến đánh úp thì cướp lấy đất nước, huyện ấp cũng

như vậy. Thời kỳ kiếp tạt bệnh, dân chúng phụng hành kinh giới, theo chánh kiến, lìa tà kiến, làm theo mười điều lành, quý thân ở phương khác đến xúc nhiều người, đánh ngã, làm nhiều loạn tâm ý. Ở thời kỳ kiếp tạt bệnh, người chết đều được sanh lên trời. Vì sao vậy? Vì thời kỳ kiếp tạt bệnh, dân chúng đều lần lượt hỏi thăm sức khỏe của nhau: “Thế nào, được an ổn chẳng? Chẳng hề gì chứ?” Đó là thời kỳ kiếp tạt bệnh.

Đó là ba tiểu kiếp.

**
*

Phẩm 12: TAI BIẾN

Phật bảo các Tỳ-kheo: Trời đất có ba tai biến. Ba tai biến ấy là gì? Một là tai biến về lửa, hai là tai biến về nước, ba là tai biến về gió. Đó là ba tai biến.

Thời kỳ tai biến, con người tụ lại ba chỗ. Ba chỗ ấy là gì? Gặp thời kỳ tai biến về lửa, con người đều lên trên cõi trời A-vệ-hóa-la thứ mười lăm, tụ tập rất đông. Gặp thời kỳ tai biến về nước, mọi người đều lên trên cõi trời Thủ-bì-cân thứ mười chín, tụ tập rất đông. Gặp thời kỳ tai biến về gió, mọi người đều lên trên cõi trời Duy-xa-a-bát thứ mười ba tụ tập rất đông. Gặp thời kỳ tai biến về lửa, người trong thiên hạ đều làm việc phi pháp, tà kiến, không chánh kiến, phạm mười điều ác, vì dân chúng đều làm việc phi pháp, làm theo tà kiến, chẳng thấy chánh hạnh; vì làm mười điều ác, nên trời chẳng mưa đúng thời tiết. Sau thời gian trời không mưa, bao nhiêu cây cối, thảo dược, vạn vật trong cõi ấy đều khô chết, không sống lại được.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đó là vô thường, không kiên cố, chẳng được trường cửu. Đó là quá suy đồi, cho nên phải sớm nhàm chán. Hãy vứt bỏ tất cả, tự cầu giải thoát.

Sau đó quá lâu, không thể tính đếm, đại loạn gió nổi lên thổi vào biển lớn ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách lên trên triền núi Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời này vào trong quỹ đạo, vì thế nên thế gian có hai mặt trời xuất hiện. Sau khi mặt trời xuất hiện, nước trong các mương, sông nhỏ đều khô hết.

Phật dạy:

–Đó là vô thường, không kiên cố, chẳng được trường cửu. Đó là quá suy đồi, cho nên phải sớm nhàm chán, để đến được đạo giải thoát tự nhiên. Thời gian sau đó rất lâu, không thể tính đếm được, đại loạn gió nổi lên, thổi nước biển lớn nổi sóng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách, lên trên sườn núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời thành quách trong quỹ đạo. Vì thế nên thế gian có ba mặt trời xuất hiện. Các dòng nước như sông

lớn, sông nhỏ, các dòng sông ở Tà-viễn-a-di-việt-ma-hê, Hòa-xa-tín-tha đều khô hết.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì vô thường không kiên cố mới như vậy. Đó là quá suy đồi, cho nên phải nhàm chán, xa lìa để được đạo giải thoát tự nhiên.

Lại về sau rất lâu, không thể tính đếm, có đại loạn gió nổi lên thổi nước biển, sóng dậy ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách lên trên sườn núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời trong quỹ đạo. Vì thế nên thế gian có bốn mặt trời xuất hiện. Các dòng suối, suối lớn và ao A-nậu-đạt, ao hoa sen hồng, ao hoa sen xanh, ao hoa sen trắng, ao hoa sen vàng, ao lớn Ma-na-nhai, ao lớn Na-lợi đều khô hết.

Phật bảo:

–Vì vô thường, không kiên cố mới như vậy, chẳng trường cửu. Đó là quá suy đồi, cho nên phải sớm nhàm chán, xa lìa để được đạo giải thoát tự nhiên.

Lại về sau rất lâu, không thể tính đếm, đại loạn gió nổi lên, thổi nước biển lớn, sóng dậy ba trăm sáu mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách lên trên sườn núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời trong quỹ đạo. Vì thế nên thế gian có năm mặt trời xuất hiện. Nước biển lớn dần dần vơi đi bốn ngàn dặm, tám ngàn dặm, một vạn hai ngàn dặm cho đến vơi đi hai vạn tám ngàn dặm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì vô thường, không kiên cố mới như vậy, chẳng được trường cửu. Đó là quá suy đồi cho nên phải sớm nhàm chán, xa lìa, để được giải thoát tự nhiên. Khi năm mặt trời xuất hiện, làm khô cạn nước biển lớn, có chỗ đến hơn hai vạn tám ngàn dặm, một vạn tám ngàn dặm, một vạn bốn ngàn dặm, tám ngàn dặm, bốn ngàn dặm. Có lúc nước biển vơi dần đi, có nơi còn hơn bảy cây, sáu cây, năm cây, bốn cây, ba cây, hai cây, một cây. Sau đó vơi dần, độ sâu còn bằng tầm cao của bảy người, sáu người, năm người, bốn người, ba người, hai người, một người. Nước biển còn ngập một người, sau đấy, vơi dần đến lưng người, vơi dần đến đầu gối người; sau đó chỉ còn một ít nước, giống như nước mưa đọng trong dấu chân trâu. Sau đó ít

lâu, nước trong biển lớn đều khô hết, chẳng thể làm ướt ngón chân người. Thí như thêm một giọt nước mỡ vào trong đồng lửa lớn thì chẳng thấy khói.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì vô thường, không kiên cố mới như vậy. Cho nên sớm phải nhàm chán, xa lìa để được giải thoát tự nhiên.

Lại về sau rất lâu, chẳng thể tính đếm, đại loạn gió thổi nước biển lớn, sóng dậy ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách lên trên sườn núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời trong quỹ đạo. Vì thế nên thế gian có sáu mặt trời xuất hiện. Bốn cõi lớn trong thiên hạ và tám vạn thành, núi lớn và núi chúa Tu-di, đều bị đốt cháy, bốc khói. Thí như hiện trạng bốc khói của lò gốm lớn khi mới nhen.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Như vậy, khi sáu mặt trời xuất hiện ở thế gian, thiêu đốt bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn, núi chúa Tu-di đều bốc khói. Thí như mỡ thấm vào trong đám lửa lớn liền cháy tan không khói.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì vô thường, không kiên cố, cho nên phải sớm chán bỏ, cần cầu giải thoát, đắc đạo tự nhiên.

Lại sau đó rất lâu, có đại loạn gió nổi lên, thổi nước biển lớn, sóng dậy ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời thành quách lên trên sườn núi chúa Tu-di, bỏ mặt trời trong quỹ đạo. Vì vậy, thế gian có bảy mặt trời xuất hiện. Bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn, núi chúa Tu-di đều rung chuyển chao động. Thí như cái đánh, cái vạc lớn đun lửa, nước sôi vọt lên. Khi bảy mặt trời xuất hiện cũng như vậy. Cung của các trời Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diêm, trời Đâu-suất, trời Ni-ma-la, trời Ba-la-ni-mật, trời Phạm-ca-di đều rung chuyển lay động. Cung của chư Thiên Phong cao, trên đến trời A-vệ-hóa-la, các Thiên tử mới sanh ở cung trời đó thấy lửa đều sợ hãi. Các Thiên tử sanh trước nói với các Thiên tử mới sanh: “Các vị chớ nên sợ hãi. Ngày xưa khi ta thấy lửa thiêu, lửa chỉ lên tới đây, không cao hơn nữa. Bấy giờ, bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn và núi Tu-di đều rung chuyển lay động. Bốn ngàn dặm núi

chúa Tu-di bị sụp đổ, rồi tám ngàn dặm, một vạn hai ngàn dặm, một vạn sáu ngàn dặm, hai vạn dặm, bốn ngàn dặm, ba vạn tám ngàn dặm đều sụp đổ. Thí như mờ thắm vào trong đồng lửa lớn, không có khói cũng không có gì khác.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Mọi sở hữu là vô thường, không kiên cố, là như thế. Đó là sự suy đồi cùng cực, cho nên phải sớm nhàm chán xa lìa, để được giải thoát tự nhiên.

Ai sẽ tin lúc thế gian có bảy mặt trời xuất hiện? Chỉ có người thấy mới tin. Ai sẽ tin bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn và núi chúa Tu-di bị rung chuyển lay động? Và Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diêm, trời Đâu-suất, trời Vô cống cao, trời Tha hóa tự chuyển, trời Phạm-ca-di đều rung chuyển lay động? Hay gió cuốn các cung của chư Thiên lên đến trời A-vê-hóa-la thứ mười lăm? Chỉ có người thấy mới tin. Ai sẽ tin núi chúa Tu-di bị hủy hoại hết, lại không còn chỗ núi đất nào mà không bị thiêu đốt, tất cả các địa ngục đều bị phá hủy hết sạch; sau đó súc sanh, cầm thú cũng bị tiêu diệt hết; kể đến ngạ quỷ cũng bị tiêu diệt; tiếp theo A-tu-luân cũng bị tiêu diệt; rồi tiếp đến loài người đều chết hết và Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diêm, trời Đâu-suất, trời Vô cống cao, trời Tha hóa tự chuyển, trời Phạm-ca-di, chư Thiên đều chết hết; đó gọi là đất trời bị thiêu hủy. Con người dồn lại một chỗ. Nhưng sau đó rất lâu, có mây lớn nổi lên, đổ mưa to xuống, giọt mưa to như bánh xe đầy ngập các sông biển, nước dần dần dâng lên đến trời Phạm-ca-di, lại đến trời Quang minh thanh thứ mười lăm. Nước ấy bốn phía đều có gió cản lại. Gió thứ nhất tên là Trụ phong, thứ hai tên là Trợ phong, thứ ba là Bất động phong, thứ tư là Kiên phong. Đó là bốn thứ gió.

Sau đó rất lâu, khoảng một ngàn vạn năm, nước dần dần hạ xuống vô số trăm ngàn do-tuần. Có gió tên là Tăng kiệt bao bọc bốn phía, nổi lên thổi nước hạ xuống lần lần. Trên sóng nước, nổi lên một lớp bọt dày hóa thành đường đi bảy báu; cứ như vậy lên đến tầng trời thứ bảy tạo thành cung điện.

Sau đó rất lâu, vài ngàn vạn năm, nước dần dần hạ xuống hàng trăm do-tuần, hàng trăm ngàn do-tuần, gió loạn từ bốn phía nổi lên, thổi động mặt nước, sanh một lớp bọt dày, hóa thành bảy báu: vàng,

bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, chơn châu đỏ làm thành đường đi. Kim phong lo việc tạo thành cõi Ba-la-ni-hòa-đa-việt thứ sáu, chỗ ở của chư Thiên.

Sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn dặm, nước dần dần hạ xuống, có gió loạn tên là Thái kiệt từ bốn phía đến thổi trên mặt nước, sóng nổi dậy sanh ra một lớp bọt dày, hóa thành bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành đường đi, nhà cửa. Gió loạn trông coi trên cõi trời thứ năm tạo thành cảnh cung điện của chư Thiên.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước dần dần hạ xuống ngàn vạn do-tuần, gió loạn từ bốn phía đến thổi trên mặt nước, sóng nổi dậy, sanh một lớp bọt dày hóa thành bốn báu. Một là vàng ròng, hai là bạc trắng, ba là lưu ly, bốn là pha lê; gió loạn mang đến tại khoảng giữa trời và thế gian tạo thành núi chúa Tu-di cao ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, rộng dài ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Vùng trời ở sườn phía Đông của núi là bạch ngân; vùng trời ở sườn phía Nam là lưu ly xanh, vùng trời ở sườn phía Tây là pha lê, vùng trời ở sườn phía Bắc là vàng ròng.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước xuống dần dần, hàng ngàn vạn do-tuần, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động nước, trên mặt nước sanh một lớp bọt dày hóa thành bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành giao lộ; gió loạn mang lên núi chúa Tu-di làm nên cảnh cung điện của trời Đao-lợi thứ hai.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước hạ xuống dần dần hàng ngàn vạn do-tuần, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động nước, sóng nổi lên, sanh ra một lớp bọt dày hóa thành bảy báu, thành đường đi, gió loạn mang lên núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, ở giữa núi làm nên cảnh cung điện của chư Thiên ở cõi trời thứ nhất.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước hạ xuống dần dần, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động nước, sóng nổi lên, sanh một lớp bọt dày hóa thành kim cương, gió loạn mang đến bốn cõi lớn trong thiên hạ, và tám vạn thành bên ngoài tạo thành núi cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần bao bọc bốn phía, gọi là núi Đại thiết vi.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước dần dần hạ xuống, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động nước, sóng nổi lên làm sanh ra một lớp bọt dày hóa thành kim cương; gió loạn lại mang đến bốn cõi lớn trong thiên hạ và tám vạn thành bên ngoài bao bọc bốn phía và tạo thành núi lớn thứ hai, núi ấy cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần.

Sau đó, nước hạ xuống dần dần hàng mười vạn dặm, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động mặt nước, sóng nổi lên làm sanh ra một lớp bọt dày hóa thành bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não bao bọc chung quanh tạo thành tám lớp núi cao một trăm sáu mươi tám vạn dặm, tên gọi là A-đa-lợi rất đẹp đẽ.

Nước ấy hạ xuống dần dần hàng mười vạn dặm, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động mặt nước, sóng nổi lên làm sanh ra một lớp bọt dày hóa thành bảy báu mang lên núi A-đa-lợi bao bọc chung quanh, làm thành núi thứ hai, tên là Y-sa-đa cao một trăm ba mươi bốn vạn dặm rất đẹp đẽ. Núi thứ ba tên là Dự-hán-đa cao bốn mươi tám vạn dặm, rộng cũng bốn mươi tám vạn dặm. Núi thứ tư tên là Thiện kiến, cao hai mươi bốn vạn dặm, rộng cũng hai mươi bốn vạn dặm. Núi báu thứ năm tên là A-ba-ni, cao mười hai vạn dặm, rộng cũng mười hai vạn dặm. Núi báu thứ sáu tên là Ni-di-đa-la cao bốn ngàn bốn vạn dặm, rộng cũng bốn ngàn bốn vạn dặm. Núi báu thứ bảy tên là Duy-na-đâu cao hai vạn hai ngàn dặm, rộng cũng hai vạn hai ngàn dặm. Núi báu thứ tám tên là Giá-ca-hòa cao một vạn hai ngàn dặm, rộng cũng một vạn hai ngàn dặm.

Sau đó, nước hạ xuống dần dần, gió loạn từ bốn phía thổi đến trên mặt nước sanh một lớp bọt dày, hóa thành lớp đất dày, từ đó sanh đại địa, dày sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, biên giới vô hạn. Gió loạn nổi lên, thổi mạnh xoáy mòn đất rất sâu đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, dài cũng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, các dòng nước trong thiên hạ đều chảy dồn vào đó đầy ắp, do đó thành biển lớn. Nước biển vì sao mặn? Vị mặn duy nhất ấy có ba nguyên nhân. Một là trong biển có đàn cá lớn, có con thân dài bốn ngàn dặm, có con dài tám ngàn dặm, có con dài một vạn hai ngàn dặm, có con dài một vạn sáu ngàn dặm, có con dài hai vạn dặm, có con dài hai vạn bốn ngàn dặm, có con dài hai vạn tám ngàn dặm dặm,

có con dài ba vạn hai ngàn dặm, tất cả đều ngâm sâu trong biển, cho nên nước biển mặn.

Hai là mây nổi lên che phủ các biển, rồi đổ mưa to, mây ấy lên đến trời A-ca-ni-trá, đổ mưa hạt lớn như bánh xe, rửa sạch cung điện của trời Tu-di-đà-chiên, trời A-đáp-hòa, trời A-tỷ-ba, trời Thủ-bì-cân, trời Duy-ha-bát, trời A-bì-ba, trời Phạm-ca-di xuống đến Tứ thiên vương. Vì nước mặn ấy đều chảy vào biển lớn nên nước biển có vị mặn.

Lại nữa, được vị tiên nhân có khả năng làm phép khiến cho nước biển có vị mặn, cho nên nước biển mặn.

Đó là ba nguyên nhân.

Phật dạy:

-Trời đất khi cùng gặp tai biến về nước, người trong thiên hạ đều thực hành các điều thiện, vui mừng làm việc đạo đức. Sau khi chết, tinh thần, thể phách đều sanh lên cõi trời thứ mười sáu làm chư Thiên. Người trong địa ngục, các loài sinh vật, có hơi thở có sự cựa quậy, khi chết đều trở lại hình người; lại thực hành các điều thiện, vui làm đạo đức, chết đều sanh lên làm chư Thiên ở cõi trời thứ mười sáu. A-tu-luân, chư Thiên và chư Thiên trên cõi trời thứ nhất cho đến chư Thiên trên cõi trời thứ mười lăm, khi chết, tinh thần, thể phách đều đi xuống trở lại hình người, thực hành, tích tụ các điều thiện, ưa thích, vui vẻ làm việc đạo đức, khi chết đều trở lại lên cõi trời thứ mười sáu làm chư Thiên. Sau đó, chư Thiên chết hết.

Rất lâu, mây lớn lại nổi lên, bay lên đến tầng trời thứ mười lăm, mây ấy đổ mưa nước tro nóng rất lớn, hạt mưa lớn như bánh xe. Trời mưa nước tro nóng như vậy rất lâu, hàng trăm ngàn vạn dặm, bốn cõi thiên hạ tám vạn thành, các núi lớn và núi chúa Tu-di, từ trên cõi trời thứ mười lăm, xuống đến cõi Tứ thiên vương, tất cả đều tiêu diệt hết, không còn gì. Thí như dùng nước mỡ nhỏ vào đồng lửa lớn, chẳng thấy bốc khói.

Ai sẽ tin lời này? Chỉ có người đắc đạo tự nhiên, mới tin mà thôi.

Đó gọi là thời kỳ trời đất gặp tai biến về nước, sự kiện trọng yếu hủy hoại tiêu tan hết.

Trời đất bị phá hủy tiêu tan hết, sau đó mới có được cách thức

sanh khởi. Như thời kỳ gặp tai biến về nước, lại có cùng cách thức sanh khởi. Bắt đầu hình thành từ trên cõi trời thứ mười lăm, xuống cho đến cõi trời thứ nhất A-tu-luân, và tạo tác bốn cõi thiên hạ, tám vạn thành, các núi lớn, núi Tu-di, mặt trời, mặt trăng, tinh tú mới hiện ra, xuống cho đến vạn vật có trong thiên hạ, tạo ra cảnh núi lớn Thiết vi. Đó gọi là thời kỳ trời đất gặp tai biến về nước hủy hoại tiêu tan hết, sau đó mới bắt đầu lại từ đầu.

Phật dạy:

–Thời kỳ trời đất cùng gặp tai biến về gió lớn, người trong thiên hạ cùng thực hành và an trú trong điều thiện, nhân từ, hiếu thuận, thường ưa thích làm việc đạo đức. Khi chết, tinh thần đều lên cõi trời thứ mười bảy làm chư Thiên. Người trong địa ngục và các loài sinh vật, có hơi thở, có cử động, khi chết đều trở lại làm người, đều trở lại làm các hạnh lành, ưa thích làm việc đạo đức; khi chết, tinh thần, thể phách lên cõi trời thứ mười bảy làm chư Thiên. Trời A-tu-luân và chư Thiên trên cõi trời thứ nhất cho đến cõi trời thứ mười sáu đều chết hết, tinh thần, thể phách lại quay xuống làm hình người, ban bố, thực hành, tích lũy các điều thiện, ưa thích làm việc đạo đức, khi chết đều được sanh lên cõi trời thứ mười bảy làm chư Thiên, tiếp đến thì người trong thiên hạ mới chết hết.

Sau đó rất lâu, gió lớn tên là Lai-kha-sa nổi lên, thổi đến cõi trời thứ mười sáu, thoáng chốc phá hoại, tiêu hủy hết, trên đó đều tiêu tan hết chẳng còn gì, không còn tiếng, không còn vang. Gió lớn thổi như vậy rất lâu, làm tiêu tan hết chỗ ở của chư Thiên trên cõi trời thứ mười sáu, xuống cho đến trời A-tu-luân, không còn gì. Thí như gió lớn thổi bột mịn, bột theo gió bay đi tiêu tan hết.

Bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn và núi Tu-di tiêu diệt hết; núi Thiết vi, Thái sơn đều cùng loạt tiêu diệt hết, không còn gì. Thí như gió lớn thổi bột mịn, bột theo gió bay đi tiêu tan hết.

Sau thời kỳ trời đất gặp tai biến về gió lớn một kiếp, lại bắt đầu phương thức sanh khởi như sau khi gặp tai biến về lửa, lại bắt đầu sanh khởi lại một kiếp mới.

Đó gọi là trời đất cùng gặp gió lớn, phá hoại tiêu tan hết là do ba thứ ấy, lại mới bắt đầu sanh khởi, cũng là do ba thứ ấy.

Ai sẽ là người tin lời này? Chỉ có người đắc đạo tự nhiên mới tin điều ấy mà thôi. Trời đất cùng bắt đầu sanh khởi, như khi gặp thời kỳ tai biến về lửa, sau đó lại tuần tự bắt đầu sanh khởi. Gió loạn lại nổi lên, sau khi tạo dựng xong, chư Thiên trên cõi trời thứ mười lăm, ai phước lộc mỏng, đều xuống ở đây nơi cõi trời thứ mười một và tại chỗ người ở, xuống ở đó tràn đầy, và ở trời A-tu-luân, tại bốn phía núi Tu-di, nơi ở cũ của họ, đều tràn đầy.



KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN VI

Phẩm 13: TRỜI ĐẤT THÀNH HOẠI

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trời đất hoại diệt, sau đấy mới bắt đầu hình thành lại. Loài người đều ở trên cõi trời A-vệ-hóa-la thứ mười lăm. Người ở trên cõi trời đó dùng sự mừng vui làm thức ăn, mỗi người tự có ánh sáng, thần túc, sống rất lâu.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Khi nước ấy ngập khắp cõi thiên hạ, bấy giờ không có mặt trời, mặt trăng, không có tinh tú, không có ngày đêm, không có một tháng, nửa tháng cũng không có năm, tuổi, mờ mờ, mịt mịt, không thấy gì. Sau khi trời đất hình thành, chư Thiên trên đó, ai lộc phước đức mỏng, thì khi chết, từ trên cõi trời A-vệ-hóa-la đi xuống dạo chơi ở cõi này, cũng dùng sự vui mừng làm thức ăn. Ai cũng tự có ánh sáng, thần túc bay đi. Họ ở tại cõi nhân gian, sống rất lâu. Khi ấy, người trong thiên hạ rất đoan chánh, đẹp đẽ, chẳng phân biệt nam nữ, cũng chẳng phân biệt vua, dân, lớn, bé, chỉ cùng nhau tụ họp, qua lại.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Khi ấy, trên đất tự nhiên sanh hương vị đất. Thí như lớp dầu trên váng sữa, vị và đất ấy cũng như vậy, vị nó như mật. Rồi có một người ham thích mùi lạ, nghĩ rằng: “Ta muốn thử dùng ngón tay lấy vị đất nếm thử để biết là loại gì”. Người ấy liền dùng ngón tay lấy vị đất nếm, rất vui thích, nếm như vậy đến ba lần, cảm thấy rất thích thú, sau đó liền hốt đầy tay để ăn. Những người khác thấy thế liền

bắt chước dùng tay bốc vị đất mà ăn. Sau khi người ăn vị đất đó rồi, thân liền thô cứng, sắc mặt trở thành xấu, mất đi ánh sáng, thần túc, chẳng thể bay lại lên trời. Thiên hạ trở lại như cũ, mờ mờ, mịt mịt. Theo phương thức cũ, có đại hắc phong nổi lên, thổi vào nước biển lớn, sâu đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời, mặt trăng đại thành quách lên bên sườn núi Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời mặt trăng thành quách vào trong quỹ đạo. Do nhân duyên ấy, thiên hạ có mặt trời, mặt trăng. Bấy giờ, mặt trời đại thành quách từ phía Đông núi Tu-di mọc lên, vòng quanh núi chúa Tu-di, vòng đến hướng Tây rồi lặn. Lại từ phía Đông của núi mọc lên, vòng quanh núi Tu-di, rồi lặn về hướng Tây. Khi ấy, có người nói: “Đó là mặt trời ngày hôm qua”, hoặc có người nói: “Đó chẳng phải là mặt trời ngày hôm qua”. Mặt trời đại thành quách lại từ phía Đông núi Tu-di mọc lên như vậy ba lần, vòng quanh núi Tu-di rồi lặn về hướng Tây. Khi ấy có người nói: “Đó là mặt trời của hôm qua mọc lên”. Vì vậy họ gọi đó là mặt trời. Mặt trời có hai việc. Một là mọc lên chiếu sáng hiện rõ thành quách, hai là lặn đi chẳng hiện ra cung điện, bốn phía vuông tròn. Ánh sáng của nó chiếu quanh khắp mọi nơi, vì vậy nên tròn. Dùng vàng, pha lê trời tinh khiết tạo thành thành quách. Thành quách ấy có hai phần: một phần là vàng ròng không tỳ vết, không dơ bẩn, ánh sáng chói lọi; một phần là pha lê không tỳ vết, không dơ bẩn, tỏa ánh sáng. Mặt trời đại thành quách rộng dài mỗi mặt hai ngàn ba mươi dặm, trên dưới đều bằng phẳng. Trong thành có lầu nhà, cung điện bằng vàng, tên là Diêm-phù, thanh tịnh, cao sáu trăm bốn mươi dặm, rộng cũng sáu trăm bốn mươi dặm. Trong lầu nhà, cung điện Diêm-phù, có tòa ngời của Thiên tử mặt trời, mỗi mặt rộng dài hai mươi dặm, dùng bảy báu cõi trời: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành. Toàn thân của Thiên tử mặt trời phóng ánh sáng, chiếu khắp cung điện Diêm-phù. Ánh sáng của cung điện Diêm-phù chiếu sáng đại thành quách và chiếu xuống bốn phương. Thiên tử mặt trời chẳng nghĩ rằng ta đi hay là chẳng đi, thường dùng năm thứ dục lạc tự vui chơi, thỏa thích. Thiên tử mặt trời có vô số trời đi trước dẫn đường, vui sướng vô cùng, trước sau có dẫn đường, theo đó mà đi, vì vậy gọi là ngự.

Thành quách của Thiên tử mặt trời dùng bảy báu làm thành bảy

lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, cây cối, vườn nhà, ao tắm, có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng. Trong đó có các loại chim bay cùng nhau vui hót. Tuổi thọ của Thiên tử mặt trời là năm trăm năm của trời. Con cháu, cháu con truyền đời cho nhau, mức cuối cùng là một kiếp. Thiên tử mặt trời thành quách phóng xuống năm trăm ánh sáng, chung quanh lại có năm trăm ánh sáng. Đó là ngàn ánh sáng do nhân duyên lành mà đạt được. Do nhân duyên gì mà được ngàn ánh sáng? Đạt được để làm gì? Để chiếu sáng thiên hạ, khiến cho dân chúng thấy ánh sáng đó mà có thể hoàn thành các việc. Vì sao dân chúng thấy ánh sáng đó có thể hoàn thành các việc? Nếu có người bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân và kẻ bần cùng áo mền, thức ăn uống, xe ngựa, lục súc, hương xông, tràng hoa, giường nằm, phòng ốc, nhà cửa, đèn lửa, xin cái gì liền cho cái đó, không nghịch ý người, thường không ngừng nghỉ, bố thí hết mình, không mệt mỏi, thật lòng bố thí, sau không hối tiếc, khiến cho đạo nhân thanh tịnh, hoan hỷ phụng trì chơn pháp, vì vậy làm cho định ý, an ổn, thì người bố thí được vô số hạnh lành. Thí như Chuyển luân vương khi vừa mới lên ngôi, tâm ý hoan hỷ không kể xiết.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, nếu có người bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân và kẻ bần cùng áo mền, thức ăn uống, xe ngựa, lục súc, tràng hoa, giường nằm, phòng ốc, nhà cửa, đèn lửa; ai xin gì, không nghịch ý người xin, bố thí không dừng nghỉ, thật lòng bố thí, sau không hối tiếc, khiến cho đạo nhân thanh tịnh, phụng trì pháp tôn quý, do vậy hoan hỷ, khiến được định ý, an ổn, được vô số hạnh lành, thì người ấy khi chết được sanh vào chỗ an ổn, tức là sanh vào chỗ Thiên tử mặt trời, liền được giữ thành quách mặt trời, ánh sáng của người đó chiếu xuống khắp bốn phương.

Đó gọi là ngàn ánh sáng do nhân duyên lành mà đạt được.

Lại, do có mười nhân duyên gì mà được ngàn ánh sáng? Một là không sát sanh; hai là không trộm cắp; ba là không xâm phạm phụ nữ của người khác; bốn là không nói dối; năm là không uống rượu; sáu là không nói lời thô ác, mắng nhiếc; bảy là không nói hai lưỡi, thêu dệt; tám là không ganh ghét; chín là không sân hận; mười là chánh kiến. Vì tâm nghĩ về vô số điều thiện, điều nhân từ nên khi chết liền

sanh về chỗ Thiên tử mặt trời, tự nhiên được giữ thành quách mặt trời. Đó là ngàn ánh sáng do nhân duyên lành đạt được.

Lại do từ nhân duyên lành gì mà đạt được ngàn ánh sáng? Một là không sát sanh, hai là không trộm cắp, ba là không xúc phạm phụ nữ người khác, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu, ý luôn luôn nghĩ về điều lành, điều nhân từ. Thí như chỗ đất tốt, tại ngã tư đường có ao tắm, nước trong mát, êm ả, đẹp đẽ, các loại cây bao bọc chung quanh, nếu có người từ nơi nóng bức đến, rất đói khát vào trong ao tắm, tắm rửa uống nước thì tâm ý người ấy vô cùng hoan hỷ.

Phật dạy:

—Cũng như vậy, nếu có người nào không trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, ý nghĩ vô số điều thiện thì khi chết được sanh về chỗ Thiên tử mặt trời, liền được giữ thành quách mặt trời. Đó là nhân duyên lành đạt được ngàn ánh sáng rực rỡ. Vì sao mặt trời đại thành quách khiến cho thiên hạ có mùa thu, mùa đông lạnh lẽo? Vì do mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên ấy là gì? Một là khoảng giữa núi Tu-di chừng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm mọc lên hoa sen hồng, hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng rất đẹp và nhiều hương thơm. Ánh sáng của mặt trời đại thành quách chiếu vào trong đó, bị hút. Vì nhân duyên ấy làm cho mặt trời đại thành quách lạnh vào mùa thu, mùa đông. Đó là việc thứ nhất.

Hai là khoảng giữa núi A-la-đà, dài một trăm sáu mươi tám vạn dặm, trong đó mọc hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng rất đẹp và nhiều hương thơm, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách. Vì vậy, khiến cho mặt trời đại thành quách lạnh. Đó là việc thứ hai.

Lại nữa, khoảng giữa núi Du-an, dài tám mươi bốn vạn dặm, trong đó có mọc hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng rất đẹp và nhiều hương thơm, lại hút ánh sáng mặt trời đại thành quách. Vì vậy thiên hạ lạnh. Đó là việc thứ ba.

Lại nữa, ở khoảng giữa núi Thiện kiến, dài bốn mươi tám vạn dặm, trong đó có mọc hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng rất đẹp và nhiều hương thơm, hút ánh sáng mặt trời. Vì vậy khiến thiên hạ lạnh. Đó là việc thứ tư.

Ngoài núi Thiện kiến, kế đến có núi A-sao-ba, khoảng giữa dài hai mươi bốn vạn dặm; sau núi thứ năm là A-sao-ba, có núi Ni-di-đà,

khoảng giữa dài mười hai vạn dặm; sau núi thứ sáu là Ni-di-đà, có núi Tỷ-na, khoảng giữa dài bốn vạn tám ngàn dặm; sau núi thứ bảy là Tỷ-na, có núi Thiết vi dài hai vạn bốn ngàn dặm, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy nên khiến cho thiên hạ lạnh vào mùa thu, đông. Đó là việc thứ tám.

Lại nữa, các dòng sông trong thiên hạ, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy nên mặt trời đại thành quách lạnh vào mùa thu, đông. Đó là việc thứ chín.

Lại nữa, nước của các dòng sông đó chảy về hướng đông, chảy về hướng cõi Diêm-phù-đề ít, chảy về cõi Câu-da-ni nhiều, liền hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách. Vì vậy mặt trời trong thiên hạ lạnh, đó là việc thứ mười.

Lại nữa, các dòng sông chảy về Câu-da-ni ít, chảy về Phất-vu-đãi nhiều, lại hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, cho nên thiên hạ lạnh. Đó là việc thứ mười một.

Lại nữa, các dòng sông chảy về Phất-vu-đãi ít, chảy về Uất-đơn-việt nhiều, lại hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách. Nước biển lớn hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy mặt trời trong thiên hạ lạnh, có mùa thu, đông. Đó là việc thứ mười hai.

Vì nhân duyên gì mà mặt trời đại thành quách nóng vào mùa xuân, mùa hạ? Có mười việc. Mười việc ấy là gì?

Bên núi chúa Tu-di có núi tên là A-đa, cao một trăm sáu mươi tám vạn dặm, rộng cũng một trăm sáu mươi tám vạn dặm, biên giới rộng vô cùng, rất đẹp đẽ, dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành. Núi ấy hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy nên thiên hạ nóng. Đó là việc thứ nhất.

Lại nữa, ngoài núi A-đa, có núi tên là Y-sa-đa cao bốn mươi tám vạn dặm, rộng cũng bốn mươi tám vạn dặm, biên giới vô cùng, rất đẹp đẽ, dùng toàn bảy báu làm thành, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy nên thiên hạ nóng. Đó là việc thứ hai.

Lại nữa, ngoài núi Y-sa-đa, có núi tên là Du-an-đà, cao bốn mươi tám vạn dặm, rộng cũng bốn mươi tám vạn dặm, biên giới vô cùng, rất đẹp đẽ, dùng toàn bảy báu làm thành. Núi ấy lại hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách nên thiên hạ nóng. Đó là việc thứ ba.

Lại nữa, ngoài núi Du-an-đà, có núi tên là Thiện kiến, cao hai mươi bốn vạn dặm, rộng cũng hai mươi bốn vạn dặm, biên giới vô cùng... Đó là việc thứ tư.

Lại nữa, có núi tên là A-sao-ni, cao mười hai vạn dặm, rộng cũng mười hai vạn dặm, biên giới vô cùng... Đó là việc thứ năm.

Lại nữa, có núi tên là Ni-di-đà, cao bốn vạn tám ngàn dặm, rộng cũng bốn vạn tám ngàn dặm, biên giới vô cùng... Đó là việc thứ sáu.

Sau núi Ni-di-đà, kế đến có núi tên là Tỷ-na-đầu, cao hai vạn bốn ngàn dặm, rộng cũng hai vạn bốn ngàn dặm, biên giới vô cùng... Đó là việc thứ bảy.

Ngoài ra, kế đến lại có núi tên là Thiết vi, cao hai vạn hai ngàn dặm, rộng cũng hai vạn hai ngàn dặm, biên giới vô cùng, dùng toàn bảy báu làm thành. Ánh sáng của mặt trời đại thành quách chiếu khắp trên đó vì vậy nên thiên hạ nóng, có mùa xuân, mùa hạ. Đó là việc thứ tám.

Lại nữa, từ đây cao lên bốn mươi vạn dặm, có nhà của thiên thần, dùng pha lê làm thành, ở giữa hư không, gió lớn khổng lồ đi, giống như mây nổi. Người trong thiên hạ đều gọi là tinh tú; cái lớn chu vi bảy trăm hai mươi dặm, cái trung bình chu vi bốn trăm tám mươi dặm, cái nhỏ chu vi hai trăm bốn mươi dặm. Ánh sáng của mặt trời đại thành quách nhiều hơn những tinh tú đó, do nhân duyên ấy nên thiên hạ nóng. Đó là việc thứ chín.

Lại nữa, đất trong thiên hạ, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy nên thiên hạ nóng, thành mùa xuân, mùa hạ. Đó là việc thứ mười.

Mặt trời đại thành quách có năm thứ gió thường hộ trì. Một là Trì phong, hai là Trụ phong, ba là Trợ phong, bốn là Chuyển phong, năm là Hành phong. Đó là năm thứ gió cùng làm chuyển mặt trời đại thành quách đi, chưa từng có lúc dừng nghỉ.

Phật dạy:

–Bấy giờ mặt trăng đại thành quách mọc lên đi vòng núi Tu-di, từ hướng Đông lặn về hướng Tây, ánh sáng oai thần kém hơn, cho nên gọi là mặt trăng. Mặt trăng có hai việc: Ánh sáng đi vòng và chiếu khắp bốn phương. Đại thành quách của nó bốn bên đều tròn,

ánh sáng bao quanh cũng tròn. Mặt trăng thành quách do bạc trời, lưu ly trời tạo thành. Mặt trăng đại thành quách rộng, dài mỗi mặt một ngàn chín trăm sáu mươi dặm, phần trên phần dưới bằng nhau. Trong thành có cung điện bằng lưu ly của Thiên tử mặt trăng. Cao sáu trăm dặm, rộng cũng sáu trăm dặm. Bên trong có tòa ngời của Thiên tử mặt trăng, mỗi mặt rộng dài hai mươi dặm, dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành. Toàn thân của Thiên tử mặt trăng đều phóng ra ánh sáng chiếu cung điện, ánh sáng của cung điện phóng ra chiếu đại thành quách, ánh sáng đại thành quách chiếu xuống khắp bốn phương. Thiên tử mặt trăng chẳng tự nghĩ là ta đi hay chẳng đi, thường dùng năm dục lạc của cõi trời vui chơi thỏa thích. Thiên tử mặt trăng dẫn theo vô số chư Thiên trước, sau đánh xe dạo chơi, thường vui vẻ thích thú, nên gọi là ngự. Tuổi thọ của Thiên tử mặt trăng theo tuổi trên trời là năm trăm tuổi. Con cháu, cháu con tiếp nối truyền cho nhau. Vách của thành quách ấy dùng bảy báu tạo thành. Bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, cây cối bao bọc chung quanh, dùng toàn bảy báu tạo thành. Có vườn nhà, ao tắm, trong đó có đủ loại hoa sen xanh, vàng, đỏ trắng, các loài chim bay cùng nhau vui hót. Thiên tử mặt trăng có năm trăm ánh sáng phóng xuống, chung quanh lại có năm trăm ánh sáng gộp lại thành một ngàn ánh sáng, do nhân duyên lành mà đạt được. Do nhân duyên lành gì mà được ngàn ánh sáng? Nếu có người bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân và kẻ bần cùng áo, mền, thức ăn uống, xe ngựa, lục súc, hương xông, tràng hoa, phòng ốc, nhà cửa, đèn lửa, cần gì cho nấy, không nghịch ý người xin, thật lòng bố thí, sau chẳng hối tiếc, khiến cho Đạo nhân thanh tịnh phụng trì chân pháp, khiến được an ổn thì được vô số hạnh lành. Thí như Chuyển luân vương khi mới lên ngôi, tâm ý vô cùng hoan hỷ.

Phật dạy:

—Cũng như vậy, nếu có người bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân và kẻ bần cùng áo, mền, thức ăn uống, các thứ đồ dùng khiến được an ổn, hoan hỷ vô cùng, thì người ấy khi chết được sanh lên chỗ Thiên tử mặt trăng, liền được giữ đại thành quách mặt trăng. Vì vậy nên gọi là ngàn ánh sáng do nhân duyên lành đạt được.

Lại từ nhân duyên lành gì mà được ngàn ánh sáng? Nếu có

người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, nói thêu dệt, nói lời thô ác, mắng chửi, nói hai lưỡi, không có ý ganh ghét, không sân giận, ngu si, làm mười điều thiện thì tâm ý vô cùng hoan hỷ. Thí như vùng đất tốt, ở ngã tư đường có ao tắm, nước trong sạch, êm ả, đẹp đẽ, chung quanh có cây. Nếu có người đói khát từ chỗ nóng bức đến vào trong ao tắm, uống nước, tâm ý vô cùng hoan hỷ.

Phật dạy:

–Cũng như thế, nếu có người làm mười điều thiện, khi chết, liền sanh lên chỗ Thiên tử mặt trăng, được giữ đại thành quách mặt trăng. Đó gọi là nhân duyên lành mà đạt được ngàn ánh sáng ấy.

Lại do từ nhân duyên lành gì mà được ngàn ánh sáng? Nếu có người không sát sanh, không trộm cắp, không xâm phạm phụ nữ người khác, không nói dối, không uống rượu. Người ấy luôn hoan hỷ, thì khi chết liền sanh lên chỗ Thiên tử mặt trăng, được giữ thành quách mặt trăng. Đó gọi là do nhân duyên lành mà đạt được ngàn ánh sáng.

Trong khoảng sáu mươi lần búng ngón tay thì gấp được bảy thước lụa. Gấp hai mươi một thước lụa là một giờ. Khoảng một trăm lần búng ngón tay thì gấp được mười thước. Mặt trời đại thành quách, trong một ngày, đi được sáu mươi dặm về hướng Nam; đi hết một trăm tám mươi ngày, mới đi trở lại về hướng Bắc một trăm tám mươi ngày nữa. Mặt trời đi một trăm tám mươi ngày còn mặt trăng đi mười lăm ngày.

Vào giữa ngày ở cõi Diêm-phù-lợi thì ở cõi Phát-vu-đãi phương Đông là tối; ở cõi Câu-da-ni phương Tây thì mặt trời mới mọc, ở cõi Uất-đơn-việt phía Bắc vào nửa đêm. Ở cõi Câu-da-ni vào giữa ngày thì ở cõi Diêm-phù-lợi tối, ở cõi Uất-đơn-việt mặt trời mới mọc, ở cõi Phát-vu-đãi nửa đêm. Ở cõi Uất-đơn-việt vào giữa ngày thì cõi Câu-da-ni tối. Ở cõi Phát-vu-đãi mặt trời mới mọc thì cõi Diêm-phù-lợi nửa đêm. Ở cõi Phát-vu-đãi vào giữa ngày thì ở cõi Uất-đơn-việt là tối. Ở cõi Diêm-phù-lợi mặt trời mới mọc thì ở cõi Câu-da-ni là nửa đêm. Như vậy ở cõi Diêm-phù-lợi giữa ngày, thì cõi Phát-vu-đãi ở phương Đông tối. Cõi Câu-da-ni phương Tây mặt trời mọc thì ở cõi Uất-đơn-việt nửa đêm. Ở cõi Câu-da-ni

giữa ngày thì ở cõi Diêm-phù-lợi tối. Ở cõi Uất-đơn-việt mặt trời mọc thì ở cõi Phất-vu-đãi nửa đêm.

Phật dạy:

–Do nhân duyên gì mà mặt trăng bị khuyết giảm dần dần? Vì có ba việc nên bị khuyết giảm. Ba việc ấy là gì?

Một là vì đi về một góc nên dần dần bị khuyết giảm. Đó là việc thứ nhất.

Hai là ở bên mặt trăng đại thành quách, có chư Thiên, y phục của họ màu xanh, ngọc anh lạc của họ cũng xanh, che khuất phía họ đứng nên phía ấy bị khuyết giảm. Đó là việc thứ hai.

Ba là mặt trời đại thành quách dùng sáu mươi ánh sáng, chiếu ngay nơi ánh sáng của mặt trăng đại thành quách chiếu, nên phía ấy bị khuyết giảm. Đó là việc thứ ba, mặt trời đoạt ánh sáng mặt trăng.

Vì nhân duyên gì mà mặt trăng hiện đầy? Có đầy đủ ba việc. Ba việc ấy là gì?

Một là mặt trăng dần dần đi ba phương. Vì vậy nên mặt trăng dần dần hiện ra tròn đầy. Đó là việc thứ nhất.

Hai là ngày rằm trong tháng, chư Thiên sắc xanh, mặc áo xanh vào trong thành mặt trăng cùng nhau vui chơi. Khi ấy mặt trăng dùng hết ánh sáng chiếu chư Thiên. Thí như ở chính giữa các ngọn đèn, đốt lên ngọn lửa lớn, thì ngọn lửa ấy chiếu khắp các ngọn đèn.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, chư Thiên ở bên mặt trăng đại thành quách, sắc họ xanh và y phục cũng xanh. Vào ngày rằm trong tháng họ vào cùng vui chơi với Thiên tử mặt trăng, nên ánh sáng mặt trăng chiếu hư không. Vì vậy nên ngày rằm mặt trăng hiện ra tròn đầy. Đó là việc thứ hai.

Ba là vào ngày rằm trong tháng, mặt trời dùng sáu mươi ánh sáng chiếu khắp mặt trăng đại thành quách, mặt trăng không nhận. Vì vậy nên mặt trăng hiện ra tròn đầy. Đó là việc thứ ba.

Mặt trăng đại thành quách thường có năm thứ gió hộ trì. Năm thứ ấy là gì? Một là Trì phong, hai là Trụ phong, ba là Trợ phong, bốn là Chuyển phong, năm là Hành phong. Đó là năm thứ gió thường đi với mặt trăng thành quách, chưa từng có khi dừng nghỉ.

Vì nhân duyên gì mà trong mặt trăng hiện ra màu sữa? Vì có

cội cây tên là Diêm-phù-lợi, do vậy tên của cõi này là Diêm-phù-lợi. Dưới cây ấy có núi, dùng toàn bảy báu làm thành, cao tám trăm dặm, chung quanh cũng tám trăm dặm. Cây ấy cao bốn ngàn dặm, bóng tỏa ra hai ngàn dặm, thân to năm trăm sáu mươi dặm, rễ ăn sâu xuống tám trăm bốn mươi dặm, bóng của cây chiếu hiện trong mặt trăng, làm cho mặt trăng đại thành quách hiện ra màu sữa, chẳng sáng.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Tộc tánh tử khi hành sự nên như mặt trăng chiếu sáng thiên hạ, dứt bỏ thân kiêu mạn, vượt lên trên chủng tánh, thường giữ ý hổ thẹn. Quả trên cây lớn Diêm-phù-lợi giống như cái bình lớn, vị của nó ngọt như mật, sắc nó trắng như váng sữa. Phía Bắc cây lớn Diêm-phù-lợi có bảy lớp núi, bảy lớp cây cối; có bảy tinh xá của Tiên nhân Bà-la-môn.

Phật dạy:

–Bấy giờ dân chúng ăn vị đất trên đất đó, để tự sanh sống. Cứ như vậy, ăn vị đất ấy rất lâu, sống lâu vô cùng. Ai ăn vị đất nhiều thì sắc diện biến thành xấu; kẻ ăn ít thì sắc diện xinh đẹp. Người nhan sắc xinh đẹp thì tự kiêu ngạo, chê cười kẻ nhan sắc xấu. Vì sắc đẹp mà tự kiêu ngạo chê cười nhau, nên vị đất ấy liền biến mất, chẳng sinh lại. Lại tự nhiên sanh bánh mông, vị quả nó rất thơm ngon, nhưng không bằng vị đất khi trước. Dân chúng cùng hội họp bàn tán, tự đánh mình, kêu than, khóc lóc, tưởng nhớ vị đất rất ngon trước kia đã bị mất.

Phật dạy:

–Thí như người cõi này có vị ngon ngọt cùng người thưởng thức, liền nói: “Vị ấy ngon làm sao!” Họ nhớ mãi vị ấy không thôi. Lúc ấy dân chúng cũng như vậy, cùng hội họp bàn tán, buồn lo tự đánh mình, kêu la, khóc lóc, nhớ nghĩ vị đất trước kia. Khi đó dân chúng lại lấy bánh mông ăn để tự nuôi sống. Như vậy rất lâu, ai ăn bánh đất mông nhiều, thì nhan sắc liền biến thành xấu, ai ăn ít thì nhan sắc xinh đẹp. Người nhan sắc xinh đẹp thì chê cười kẻ nhan sắc xấu. Do nhan sắc mà tự kiêu ngạo chê cười nhau, nên bánh đất mông liền biến mất, không sanh lại. Lại sanh ra Ba-la, vị của nó cũng thơm ngon nhưng không bằng vị của bánh mông trước kia, giống như hoa Khô-gia-lam,

vị của nó như mật. Lúc ấy dân chúng hội họp bàn tán, buồn lo, tự đánh mình, kêu la, khóc lóc, nhớ nghĩ bánh đất mỏng trước kia. Dân chúng liền lấy vị Ba-la ăn để tự sanh sống, mạng sống của họ rất lâu. Ai ăn vị Ba-la nhiều thì nhan sắc biến thành xấu, ai ăn ít thì nhan sắc xinh đẹp. Người nhan sắc xinh đẹp vì sắc đẹp mà kiêu ngạo chê cười nhau rất thậm tệ, nên Ba-la đất liền biến mất không sanh ra nữa. Lại tự nhiên sanh ra gạo thơm, vị nó cũng thơm ngon, đẹp đẽ; các loại gạo ấy đều tinh khiết, tỏa ra tất cả hương vị nhưng không bằng vị Ba-la. Dân chúng cùng hội họp, bàn tán, lo sầu, kêu la, khóc lóc, nhớ nghĩ vị Ba-la trước kia, tự đánh mình. Giống như dân chúng cõi này, gặp phải sự việc quá đau khổ, kêu la, khóc lóc, dân chúng lúc ấy ở đó cũng như vậy.

Bấy giờ dân chúng lấy gạo thơm tự nhiên ăn. Sau khi ăn gạo thơm tự nhiên, con người biến thành kẻ nam, người nữ, hai phái nhìn nhau liền khởi ý dâm dục, đi đến chỗ vắng cùng nhau làm việc bất tịnh, là sự việc dơ uest. Người khác thấy liền nói: “Vì sao các người làm việc phi pháp? Mọi người đâu có hướng đến nhau mà làm chuyện như vậy?” Rồi tránh xa họ, chẳng cùng chuyện trò. Hai, ba tháng sau mới gọi họ đến gặp và nói: “Xưa kia, người không tham đắm, ngày nay, người vừa có tham đắm”. Sau đấy liền đem người con gái gả cho người con trai, ca múa, vui cười, chúc tụng, cầu cho vợ chồng thường được an ổn.

Lúc ấy người tham đắm việc dâm dục phi pháp, sau khi làm việc dâm dục phi pháp, liền tạo ra nhà cửa. Do vì việc phi pháp ấy, nên bắt đầu tạo dựng nhà cửa.

Phật nói kệ:

*Ban đầu tạo nước Chiêm-ba
Tiếp xây thành Ba-la-nại
Vì vậy mặt trời chiếu sáng
Sau đó mới làm La-duyệt.*

Bấy giờ dân chúng tham đắm việc dâm dục phi pháp. Chư Thiên trên cõi trời A-vệ-hóa-la thứ mười lăm, lộc phước đức của họ ít, khi chết, sanh xuống nhân gian vào trong bào thai nơi bụng mẹ, vì vậy nên nữ nhân bắt đầu mang thai, sanh ra con trai, con gái. Lúc ấy

dân chúng cùng ăn gạo thơm thanh khiết, vào buổi chiều đi lấy gạo thơm thì sáng hôm sau gạo lại tiếp tục sanh như cũ. Buổi sáng đi lấy, đến chiều gạo thơm cũng sanh lại như cũ.

Phật dạy:

–Như vậy, dân chúng sáng, chiều thu hoạch gạo thơm, tùy theo đó mà sanh ra như cũ. Rồi ngay chỗ thu hoạch gạo thơm, bỗng nhiên có người nghĩ: “Ta sớm chiều đi lấy gạo thơm thanh khiết một cách mệt nhọc, chi bằng dồn lại lấy phần gạo thơm cho hai ngày”, nghĩ rồi liền đi đến lấy. Gặp người khác, anh ta rủ cùng đi lấy gạo thơm. Anh ta bảo: “Tôi đã mang phần gạo thơm cho hai ngày về rồi. Anh hãy tự đến lấy đi”. Bấy giờ người ấy khen hay, nói: “Hắn thật sung sướng, hóa ra hắn đã đến lấy phần gạo thơm cho hai ngày rồi, ta nên trừ lại phần gạo thơm cho hai, ba ngày”. Người khác lại thấy nói: “Để ta cùng đi lấy gạo thơm tinh khiết với”. Người kia đáp: “Tôi đã lấy phần gạo thơm cho hai ba ngày rồi. Anh hãy tự đi lấy tùy ý”. Người ấy nghe nói cho là phải, tự nghĩ nên đến lấy phần gạo thơm tinh khiết cho bốn, năm ngày, liền đi đến lấy phần gạo thơm tinh khiết cho bốn, năm ngày. Vì nhiều người cùng bắt chước đi lấy gạo thơm tinh khiết, nên sau đó mới sanh loại lúa thơm, chỗ nào đã lấy, thì ngay chỗ ấy không sanh lại. Lúc ấy dân chúng tụ tập cùng bàn tán sầu lo, chẳng vui, tự đánh mình, khóc lóc, kêu la, nói: “Xưa kia, ta dùng niềm vui làm thức ăn, thân có ánh sáng, dùng thần túc bay đi, đúng là thời gian an ổn. Nhưng đất tự nhiên sanh vị đất rất thơm ngon, sắc của nó giống như váng sữa trắng, vị của nó như mật. Kẻ ngu lấy vị đất kia ăn rồi liền bắt chước nhau lấy ăn, nên đều bị mất ánh sáng, thần túc. Ai ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, ai ăn ít thì nhan sắc xinh đẹp. Kẻ nhan sắc đẹp dễ thì tự kiêu ngạo, chê cười kẻ nhan sắc xấu. Vì chê cười nhau nên vị đất biến mất, không sanh lại. Lại sanh một loại bánh mỏng, sau khi bánh mỏng biến mất, lại sanh Ba-la; Ba-la biến mất, lại sanh gạo thơm; vì kiêu ngạo chê cười nhau nên đến nỗi khiến cho ngay chỗ lấy gạo thơm tinh khiết không sanh lại nữa, nên phải cùng chia đất, đắp bờ làm ranh giới”. Vì vậy người trong thiên hạ lại làm cái việc chưa từng có là cùng phân chia đất đai đắp bờ làm ranh giới, mỗi người tự cày cấy gieo trồng. Bấy giờ, có một người ngu đã có lúa thơm của mình rồi nhưng còn đi ăn trộm lúa gạo thơm của người

khác. Người chủ bắt gặp liền nói: “Anh đã làm chuyện phi pháp. Đã có lúa thơm của mình mà không lấy dùng, lại đi ăn trộm lúa thơm của người khác sao? Sau, người đừng làm chuyện như thế nữa”. Nhưng ba lần như vậy, người ấy để dành gạo thơm của mình, đi ăn trộm gạo thơm nhà người khác. Người chủ lại bắt gặp, liền nói: “Người đã phạm lỗi lớn là đã để dành gạo thơm của mình, lại đi ăn trộm gạo thơm của người khác, như vậy đến nay là lần thứ ba”. Rồi dùng tay đánh, dẫn vào trong làng, cho ngồi trong đám đông người, trách cứ: “Người này để dành gạo thơm của mình, lại đi ăn trộm của người khác”. Người ăn trộm đó nói với mọi người: “Người này dùng tay đánh đập tôi”. Mọi người liền cùng nhau hội họp bàn tán, sầu lo chẳng vui, tự đánh mình, khóc lóc, kêu than, nói: “Nay thế gian đã nảy sinh điều ác, bất thiện, oán thù kết chặt lâu ngày tạo thành nỗi khổ ghê gớm. Một người đã thiêu, rồi lại thiêu hủy mạng mình, nên có các sự kiện lão, bệnh, tử và đường ác. Con người hiện chịu sự bắt bớ, đánh đập nhau, đã vậy rồi lại tự gây ra sự kiện tụng”. Mọi người liền cùng nhau bàn luận: “Bây giờ không biết ở đâu có người hiền để tôn lên làm người lãnh đạo, để trông coi công việc. Những việc chúng ta làm, do người đó quyết định. Nếu có người làm việc phi pháp thì phải trừng phạt. Gạo thơm mà chúng ta đã gieo trồng, mọi người đều cùng góp phần cung cấp y phục, thức ăn uống cho người ấy”. Lúc ấy, trong đám đông đó, có một người tôn quý nhất, đoan chánh, đẹp đẽ, uy phong lẫm liệt. Mọi người liền thưa với người ấy: “Nên vì chúng tôi mà làm người lãnh đạo để trông coi công việc, chúng tôi sẽ tuân theo sự chỉ giáo của ngài. Nếu ai làm việc phi pháp thì nên trừng phạt họ, số gạo thơm mà chúng tôi đã gieo trồng và thu hoạch được, mọi người cùng cung cấp y phục, thức ăn uống cho ngài”. Người ấy nói: “Đồng ý”. Họ liền cùng nhau lập người ấy làm lãnh đạo trông coi tất cả công việc và tuân theo sự chỉ giáo của người ấy. Nếu có người làm việc sai lầm thì liền trừng phạt. Gạo thơm mà mọi người trồng được cùng góp cho người lãnh đạo. Dân chúng cùng tuân theo giáo lệnh và tôn xưng là đại vương. Theo phép mà thu thuế, cho nên gọi là Sát-lợi. Vì vậy nên thiên hạ mới có dòng dõi Sát-lợi; đất nước trong thiên hạ đều thuộc về đại vương.

Khi ấy cõi đất Diêm-phù-lợi, bằng phẳng không có núi gò, khe

hang, gai góc; không có muỗi mòng, chấy rận, cũng không có gạch đá, đất rải đầy ngọc minh nguyệt, lưu ly, vàng, bạc. Khi vua cai trị cõi Diêm-phù-lợi, thiên hạ giàu có, yên vui, hưng thịnh, bình yên, ngũ cốc phong phú, dân chúng đông đúc, đất tốt, nước cũng dồi dào, giống như váng dầu mè rưới trên đất không có bụi bặm. Cỏ xanh mọc rất nhiều, bao bọc cùng khắp, sắc cỏ như đuôi chim Khổng tước, mùi thơm của nó như mùi thơm của hoa, mềm láng như nhung lụa, châm giẫm lên thì lún xuống đất bốn tấc, dõ chân lên thì trở lại như cũ, đất không có chỗ bị lún xuống bốn tấc. Có cây Hương, cây Anh lạc, cây Y bị, cây Bất túc, cây Bao, cây Khí, cây Âm nhạc; cây sanh hoa quả, bổ ra, quả nào cũng hiện ra các thứ vật dụng. Trong đó, có cây cao bảy tầng âm thanh, có cây thấp đến sáu, năm, bốn, ba, hai, một tầng âm thanh, cây thấp nhất cao nửa tầng âm thanh. Khi đại vương trị vì thiên hạ, cõi Diêm-phù-lợi có tám vạn quận quốc. Dân chúng ở trong xóm làng, khi gà gáy, lần lượt cùng nghe. Thiên hạ không có bệnh, không nóng lắm, cũng không lạnh lắm, lại không có người đói khát. Nhà vua dùng chánh pháp cai trị, phụng hành mười điều thiện, dạy khắp dân chúng trong thiên hạ, khiến thực hành mười điều thiện. Nhà vua nhớ nghĩ và thương dân chúng trong thiên hạ như cha thương con, dân chúng trong thiên hạ kính vua như con kính cha. Vị vua ấy có người con tên là Chơn, kế ngôi. Vua Chơn có con tên là Tề. Vua Tề có con tên là Đảnh Sanh. Vua Đảnh Sanh có con tên là Giá Lưu. Vua Giá Lưu có con tên là Hòa Hành. Vua Hòa Hành có con tên là Lưu Chí. Vua Lưu Chí có con tên là Nhật. Vua Nhật có con tên là Ba-na. Vua Ba-na có con tên là Đại Ba-na. Vua Đại Ba-na có con tên là Sa-kiệt. Vua Sa-kiệt có con tên là Đại Thiện Kiến. Vua Đại Thiện Kiến có con tên là Đề Nhiệm. Vua Đề Nhiệm có con tên là Nhiễm. Vua Nhiễm có con tên là Mê Lưu. Vua Mê Lưu có con tên là Ma-lưu. Vua Ma-lưu có con tên là Tinh Tấn Lực. Vua Tinh Tấn Lực có con tên là Kiên Tặc. Vua Kiên Tặc có con tên là Thập Xa. Vua Thập Xa có con tên là Xá-la. Vua Xá-la có con tên là Thập Trượng. Vua Thập Trượng có con tên là Bách Trượng. Vua Bách Trượng có con tên là Na-hòa-đàn. Vua Na-hòa-đàn có con tên là Chơn Xà. Vua Chơn Xà có con tên Ba-diên. Về sau các vua rất nhiều.

Các Chuyển luân vương có mười dòng họ. Một là họ Ca-nô-xa,

hai là họ Đa-lư-đề, ba là A-ba, bốn là Kiên-đà-lợi, năm là Ca-lăng, sáu là Giá-ba, bảy là Câu Liệp, tám là Bát-xà, chín là Di-thi-lợi, mười là Ma-ni. Đó là mười dòng họ. Họ Ca-nô-xa có năm đời vua, họ Đa-lư-đề cũng có năm đời, họ A-ba có bảy đời, họ Kiên-đà-lợi cũng có bảy đời, họ Ca-lăng có chín đời, họ Giá-ba có mười bốn đời, họ Câu Liệp có ba mươi một đời, họ Bát-xà có ba mươi hai đời, họ Di-thi-lợi có tám vạn bốn ngàn đời, họ Ma-ni có một trăm lẻ một đời vua. Về sau có vua tên là Đại Thiện Sanh, mọi người gọi là Y-ma. Vua Y-ma có con, tự là Ô Lạp. Vua Ô Lạp có con tự là Bất Ni. Vua Bất Ni có con tên là Sư Tử. Vua Sư Tử có con tên là Duyệt-đầu-đàn. Vua Duyệt-đầu-đàn có con tên là Tất-đạt Bồ-tát. Tất-đạt Bồ-tát có con tên là La Vân.

Phật dạy:

–Do nhân duyên ấy từ xưa đến nay nên phát khởi dòng Sát-lợi. Bấy giờ có người suy nghĩ: “Chúng ta bị ràng buộc do tật bệnh, phù thũng, ghẻ lở. Nay muốn bỏ tất cả sự ràng buộc đó”. Họ liền đi vào ngôi trong nhà, chón văng vể, liền bỏ hết sự ràng buộc do tật bệnh, phù thũng, ghẻ lở. Họ vào trong chón văng, suy tư về đạo. Hôm nay dậy sớm, ngày mai dậy sớm, đi vào xóm làng hẻo lánh để khát thực, dân chúng trông thấy đều cùng hoan hỷ. Dân chúng liền nói: “Lành thay! Vị ấy đã bỏ tất cả sự ràng buộc của tật bệnh, phù thũng, ghẻ lở, đi vào chón văng vể, ngôi suy tư về đạo”.

Phật dạy:

–Nhưng những bọn người ấy chỉ làm việc ác, bất thiện, vì vậy gọi là Bà-la-môn. Lúc ấy những người đó không ngôi thiên suy tư về đạo, cũng chẳng thể đắc thiên. Vì chẳng thể ngôi thiên, đắc thiên, nên rời chỗ ngôi đứng dậy đi vào trong xóm làng khát thực, cầu đảo. Họ không thể ngôi thiên, cũng chẳng thể đắc thiên, cùng người tà hạnh vào nơi xóm làng hẻo lánh khát thực, cho nên gọi là “tụ”, vì làm hạnh tà cho nên gọi là “hòa sa-la”. Do vậy thế gian bắt đầu phát sinh chủng tộc Bà-la-môn. Khi ấy dân chúng đều phụng hành các pháp. Do vậy thế gian có chủng tộc Công sư. Khi ấy con người đều phạm tội sát sanh, nên gọi là chủng tộc Sát sanh. Do nhân duyên ấy, thế gian bắt đầu có sự sát sanh. Vì thế gian đã phát sanh bốn chủng tộc ấy, nên sau đó thế gian mới phát sanh chủng tộc thứ năm là Sa-

môn. Nếu chúng tộc Sát-lợi, thân làm việc ác, miệng nói việc ác, tâm nghĩ việc ác, sau khi làm việc ác ấy thì thân chết đọa vào trong cảnh khổ đau vất vả. Các chúng tộc Bà-la-môn, Công sư và Sát sanh cũng như vậy. Nếu thân làm việc ác, miệng nói việc ác, tâm nghĩ việc ác thì thân chết đọa vào cảnh khổ đau vất vả. Chúng tộc Sát-lợi, nếu thân làm việc thiện, miệng nói việc thiện, tâm nghĩ việc thiện thì thân chết lại được sanh vào chốn an lạc. Các chúng tộc Bà-la-môn, Công sư, Sát sanh, thân họ làm việc thiện, miệng nói việc thiện, tâm nghĩ việc thiện thì thân chết sanh vào chốn an lạc. Chúng tộc Sát-lợi, chúng tộc Bà-la-môn, chúng tộc Công sư, chúng tộc Sát sanh nếu thân làm việc thiện, khẩu, ý hai việc thì khi chết thân rơi vào cảnh vừa khổ vừa vui.

Nếu có người trong chúng tộc Sát-lợi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, tin đạo, bỏ nhà làm Sa-môn phụng hành ba mươi bảy phẩm kinh. Khi phụng hành như vậy rồi, thiện nam, thiện nữ, vì tin đạo nên bỏ nhà tu hạnh Sa-môn, làm việc thanh tịnh vô thượng, nên không bao lâu, trong hiện tại, nhờ công đức mà tự thành đạo, vượt khỏi sanh tử, đầy đủ phạm hạnh, việc làm đã xong, chẳng còn việc gì khác nữa.

Nếu có người trong các chúng tộc Bà-la-môn, Công sư, Sát sanh cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, tu hạnh Sa-môn, phụng hành ba mươi bảy phẩm kinh; do vì lòng tin của thiện nam tử, bỏ nhà làm hạnh Sa-môn, tu hành việc thanh tịnh vô thượng, thì chẳng bao lâu trong hiện tại, nhờ công đức mà tự thành đạo, vượt khỏi sanh tử, đầy đủ phạm hạnh, việc làm đã xong, chẳng còn việc gì khác nữa.

Bốn chúng tộc ấy, có người phát khởi hạnh hoàn thành trí tuệ được tôn xưng là bậc A-la-hán dứt hết mọi vướng chấp ràng buộc.

Bấy giờ trời Phạm-ma-tam-bát nói kệ:

*Dòng Sát-lợi, người tôn quý
Các chúng tánh trong muôn dân
Do lòng tin thành tuệ hạnh
Bậc tôn quý của trời, người.*

Vị trời Phạm-ma-tam-bát ấy thọ trì kệ này, không thọ trì điều ác, nói việc lành, chẳng nói lời ác.

Phật dạy:

–Để khuyến trợ điều đó, Ta, Như Lai, Vô Sở, Trước Đẳng Chánh Giác, cũng nói kệ nghĩa như vậy:

*Các hàng chúng tánh trong dân
Dòng Sát-lợi, người tôn quý
Do lòng tin thành tuệ hạnh
Bậc tôn quý của trời, người.*

Khi Phật nói kinh này xong, tám vạn bốn ngàn vị trời, người xa lìa mọi phiền não cấu nhiễm, đối các pháp sanh pháp nhãn, vô số Tỳ-kheo khởi chứng vô dư, không bị sanh tử, ý được giải thoát.

Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo hoan hỷ đến trước Phật, đánh lễ, lui ra.



* Chú ý:

Từ đây xuống sâu dưới đất hai mươi ức vạn dặm, lại có vị đất; xuống hai mươi ức vạn dặm nữa lại có lúa vàng; xuống hai mươi ức vạn dặm nữa, lại có thiếc cứng; xuống hai mươi ức vạn dặm nữa, lại có nước; xuống tám mươi ức vạn dặm nữa, lại có gió; xuống năm trăm hai mươi ức vạn dặm nữa, lại có thiên hạ khác (cõi khác) ở phương dưới. Từ cõi nhân gian này lên đến Phạm thiên cũng năm trăm hai mươi ức vạn dặm.

Hỏi:

–Do đâu mà nói đích xác là kiếp kiếp?

Đáp:

–Danh tự kiếp là thời kỳ tai biến về hoại diệt. Nhân duyên có bốn thời kỳ:

Một là tôn tại lâu thì đất tận diệt, lửa lại sanh khởi; hai là lâu quá thì lửa tận diệt, nước lại sanh khởi; ba là lâu quá thì nước tận diệt, gió lại nổi lên từ từ sanh khởi, về sau, trời đất hình thành.

Từ thành đến hoại diệt như vòng tròn không đầu mối, cho nên gọi là kiếp. Đất trời vận hành rất lâu, đến lúc tận diệt, tất cả người mà tội hết rồi, đều sanh lên trên cõi trời Phạm, gần gũi với vị trời ấy. Khi đó, người có tội mà chưa hết, lại sanh vào cõi Phật khác. Trong đường ác ở cõi đời, kiếp sở dĩ có sự sanh khởi và tận diệt, có hiện tượng vô thường, tan rã, vì việc ấy cũng là lẽ đương nhiên. Nếu chết là sự sanh khởi hết thì không biết khổ, đã không biết khổ thì cũng không biết cầu đạo. Vì sao? Vì khi diệt tận thì lửa sanh khởi. Vì sao? Vì lửa diệt tận thì nước sanh khởi. Vì sao? Vì nước diệt tận thì gió sanh khởi. Vì sao? Vì gió diệt tận thì đất sanh khởi.

SỐ 24

KINH KHỞI THỂ

*Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Xà-na-quật-đa,
người Thiên Trúc.*

QUYỂN I

Phẩm 1: CHÂU DIÊM-PHÙ

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Bà-già-bà, ở thạch thất Ca-lợi-la tại thành Xá-bà-đề. Lúc ấy, các Tỳ-kheo, sau khi thọ trai, tập hợp tại giảng đường. Mọi người đồng ngồi, suy nghĩ và cùng bàn luận:

–Các Trưởng lão, thật chưa từng có! Nay, thế gian này, quốc độ, đất trời, chỗ ở của chúng sanh, thành lập như thế nào? Tan hoại như thế nào? Tan hoại rồi lại thành lập như thế nào? Thành lập rồi lại an trụ như thế nào?

Bấy giờ Đức Thế Tôn, một mình ở tại tịnh thất, do thiên nhĩ nghe pháp thanh tịnh hơn người, nghe các Tỳ-kheo sau khi thọ trai tập hợp tại giảng đường, cùng bàn luận chuyện hi hữu như vậy. Nghe xong, Thế Tôn sau buổi trưa xuất thiền, từ thạch thất đứng dậy, đi lên giảng đường, ở trước đại chúng Tỳ-kheo, theo lệ thường, trải tòa, ngồi thẳng tự nhiên. Đức Thế Tôn tuy biết nhưng vẫn hỏi:

–Các vị Tỳ-kheo, tập hợp tại đây để bàn luận chuyện gì?

Khi ấy các vị Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con, sau khi thọ trai, cùng nhau tập hợp tại giảng đường này, bàn luận, nêu lên vấn đề: “Các Trưởng lão, thật chưa từng có! Thế gian thành lập như thế nào?”

Thế gian tan hoại như thế nào? Thế gian tan hoại rồi lại thành lập như thế nào? Thế gian thành lập rồi lại an trụ như thế nào?” Bạch Đại Đức Thế Tôn, chúng con tập hợp đến đây, ngồi bàn luận việc như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hay thay! Tỳ-kheo các vị mới có khả năng tin và làm theo những điều đúng pháp như vậy. Các thiện nam tử, các vị vì lòng tin mà bỏ nhà xuất gia. Nếu các vị thường cùng nhau tập hợp một chỗ, bàn luận những điều đúng pháp như vậy, thì đó là việc chẳng thể nghĩ bàn. Tỳ-kheo các vị, nếu khi tập hợp ngồi lại, thì nên tu hai Pháp hành này, mỗi người vì sự nghiệp của mình, chẳng sanh lười biếng kiêu mạn, đó là bàn luận pháp nghĩa và im lặng như bậc Thánh. Nếu có thể làm được điều đó, thì các vị nên nghe Như Lai nói về ý nghĩa và sự thành lập thế gian, sự tan hoại của thế gian, sự tan hoại rồi và thành lập lại của thế gian, thành lập rồi được an trụ như thế nào.

Các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn, nay đã đúng lúc. Nếu Phật Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này, thì Tỳ-kheo chúng con sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ như vậy mà phụng trì.

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, và suy nghĩ cho kỹ! Ta sẽ vì các vị lần lượt giảng nói.

Các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con rất muốn được nghe.

Phật dạy:

–Tỳ-kheo, như chỗ vận hành của một mặt trời mặt trăng, chiếu sáng bốn cõi thiên hạ, cũng giống như vậy, bốn cõi thế giới, có ngàn chỗ mặt trời, mặt trăng chiếu đến, thì đấy gọi là một ngàn thế giới. Chư Tỳ-kheo, trong ngàn thế giới, có ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn núi chúa Tu-di, bốn ngàn châu nhỏ, bốn ngàn châu lớn, bốn ngàn biển nhỏ, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn giống loại rồng, bốn ngàn dòng giống rồng lớn, bốn ngàn giống loại Kim sí điều (chim cánh vàng), bốn ngàn giống loại Kim sí điều lớn, bốn ngàn giống loại ở chỗ cõi ác, bốn ngàn giống loại ở chỗ cõi ác lớn, bốn ngàn tiểu

vương, bốn ngàn đại vương, bảy ngàn loại cây lớn, tám ngàn loại núi lớn, mười ngàn loại địa ngục lớn, ngàn vua Diêm-ma, ngàn châu Diêm-phù, ngàn Cù-đà-ni, ngàn Phát-bà-đề, ngàn Uất-đơn-việt, ngàn trời Tứ thiên vương, ngàn trời Tam thập tam, ngàn trời Dạ-ma, ngàn trời Đâu-suất-đà, ngàn trời Hóa lạc, ngàn trời Tha hóa tự tại, ngàn trời Ma-la, ngàn trời Phạm thế.

Chư Tỳ-kheo, ở trong cõi Phạm thế, có một Phạm vương, oai lực rất mạnh, không ai có thể hàng phục, thống lãnh cả ngàn Phạm tự tại vương, nói: “Ta có khả năng tạo tác, có khả năng biến hóa. Ta như cha trong các sự việc”. Vị ấy nói lên lời tự kiêu, tự đại như vậy rồi, liền sanh ngã mạn. Như Lai chẳng vậy. Vì sao vậy? Vì tất cả thế gian, mỗi cái tùy theo nghiệp lực mà hiện khởi và thành lập.

Chư Tỳ-kheo, ngàn thế giới này, giống như lưới phủ, gọi là tiểu thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, một ngàn thế giới phủ vậy như lưới, đó là bậc thứ hai trung thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, như trung thiên thế giới bậc hai này hợp làm một đầy khắp đủ một ngàn cõi thì gọi là Tam thiên đại thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, Tam thiên đại thiên thế giới đồng thời thành lập; đồng thời thành lập rồi, thì lại tan hoại; đồng thời tan hoại rồi thì lại thành lập; đồng thời thành lập trở lại rồi, thì được an trụ. Thế giới như vậy bị thiêu đốt hết rồi, gọi là tan hoại. Tất cả sinh khởi lại, gọi là thành lập. Tất cả ổn định rồi gọi là an trụ. Đó là nơi ở của chúng sanh của một cõi Phật vô úy.

Chư Tỳ-kheo, đại địa này đây dày bốn mươi tám vạn do-tuần, chung quanh rộng vô cùng. Như vậy đại địa, trụ ở trên nước; nước trụ trên gió; gió nương hư không. Chư Tỳ-kheo, phía dưới đại địa này, có lớp nước, dày sáu mươi vạn do-tuần, chung quanh rộng vô cùng. Phía dưới lớp nước ấy, có lớp gió, dày ba mươi sáu vạn do-tuần, chung quanh rộng vô cùng. Chư Tỳ-kheo, nước biển lớn ấy sâu vô cùng, sâu đến tám vạn bốn ngàn do-tuần, chung quanh rộng vô cùng. Như vậy đại địa trụ ở trên nước; nước trụ trên gió; gió nương hư không. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di, phần dưới chìm trong nước biển tám vạn bốn ngàn do-tuần, phần trên nhô lên khỏi mặt nước biển cũng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Núi chúa Tu-di, phần đáy bằng phẳng, phần dưới bám chặt trên bánh xe vàng lớn. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di ở trong biển lớn, dưới hẹp, bên trên càng lên càng rộng ra, ngay thẳng

chẳng cong, thân lớn kiên cố, đẹp đẽ lạ thường, rất thích ngắm nhìn, bốn báu hiệp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Trên núi Tu-di, có sanh các loại cây; cây ấy sum suê tươi tốt, tỏa ra các mùi thơm, mùi thơm xông khắp cùng các núi, là chỗ dừng chân của nhiều chúng Thánh hiền, oai đức rất lớn, thiên thần thù thắng tuyệt đẹp.

Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di, phần trên có đỉnh, đỉnh nhô ra bốn phía uốn cong cách mặt biển, mỗi cái cao bảy trăm do-tuần, đẹp đẽ khả ái, do bảy báu hiệp thành, đó là nơi trang trí vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, xa cừ, mã não.

Chư Tỳ-kheo, phần dưới núi Tu-di, riêng có ba bậc, nơi ở của chư thần. Bậc cuối cùng cao rộng bằng phẳng sáu mươi do-tuần, có bảy lớp tường nhà, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông; lại có bảy lớp cây Đa-la, bao bọc chung quanh, ngay ngắn ưa nhìn. Cây ấy đều do bảy báu tạo thành: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não. Mỗi bức tường đều có bốn cửa, ở mỗi cửa, có các bờ lũy, nhà gác, đường đi; đối diện có lầu, chòi, đài, cung điện, phòng, hành lang, vườn, ao tắm, đầy đủ trang nghiêm. Trong mỗi ao, đều sanh hoa đẹp, phẳng phất các mùi hương. Có các rừng cây, các thứ thân, lá, các thứ hoa quả đều đầy đủ, cũng tỏa ra các thứ mùi thơm tuyệt diệu. Lại có các thứ chim hót lên âm thanh vi diệu, âm thanh hòa quyện vào nhau, hòa nhã thánh thót.

Bậc thứ hai của núi, cao rộng bằng phẳng bốn mươi do-tuần; có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, hàng cây Đa-la cũng có bảy lớp, bao bọc chung quanh đều đặn bằng phẳng, ngay ngắn khả ái; cũng được trang trí bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não; các loại cửa, nhà, lầu, gác, đài, điện, vườn, ao, cây, quả, chim chóc đều đầy đủ trang nghiêm.

Bậc cao nhất của núi, cao rộng bằng phẳng hai mươi do-tuần; bảy lớp tường cho đến các loài chim, hót lên các âm thanh vi diệu, không thiếu thứ gì.

Chư Tỳ-kheo, trong bậc dưới có vị Dạ-xoa, tên là Bác Thủ ở. Trong bậc hai, có vị Dạ-xoa tên là Trì Man ở. Trong bậc cao, có vị Dạ-xoa tên là Thường Túy ở.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng núi Tu-di, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, có cung điện của Tứ đại thiên vương. Phần trên núi Tu-di, có

cung điện của trời Tam thập tam là chỗ ở của trời Đế-thích. Trên cõi trời Tam thập tam một tầng, có cung điện của chư Thiên Dạ-ma. Trên cõi trời Dạ-ma một tầng, có cung điện của trời Đâu-suất-đà. Trên trời Đâu-suất một tầng, có cung điện của chư Thiên Hóa lạc. Trên trời Hóa lạc một tầng, có cung điện của chư Thiên Tha hóa tự tại. Trên trời Tha hóa một tầng, có cung điện của chư Thiên Phạm thiên. Trên trời Tha hóa, dưới trời Phạm thiên, ở khoảng giữa có cung điện của chư Thiên Ma-la Ba-tuần. Trên trời Phạm thiên lại có trời Quang âm; trên trời Quang âm lại có trời Biến tịnh; trên trời Biến tịnh, lại có trời Quảng quả; trên trời Quảng quả lại có trời Bất thô; trên trời Quảng quả dưới trời Bất thô, khoảng giữa có chỗ của cung điện chư Thiên tên là Vô tướng chúng sanh. Trên trời Bất thô, có trời Bất não; trên trời Bất não, có trời Thiện kiến; trên trời Thiện kiến có trời Thiện hiện, có cung điện của A-ca-ni-trá.

Chư Tỳ-kheo, từ A-ca-ni-trá trở lên, lại có chư Thiên tên là Vô biên không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, các nơi này đều là tên gọi chỗ ở của chư Thiên.

Chư Tỳ-kheo, xứ sở như vậy, ranh giới như vậy, các chúng sanh cư trú trên đó. Các chúng sanh ấy, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt, ở trong giới hạn đó, trong thế giới đó. Có các chúng sanh, có sanh, già, chết, đọa vào và sống trong đường sanh hóa như vậy, đến bây giờ chẳng ra khỏi, đó gọi là thế giới Ta-bà, cõi Vô úy. Tất cả các thế giới khác trong mười phương cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc núi chúa Tu-di, có châu tên là Uất-đơn-việt. Cõi ấy dài rộng mười ngàn do-tuần, bốn phía bằng phẳng. Mặt người ở cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông núi chúa Tu-di, có châu tên là Phát-bà-đề. Cõi ấy dài rộng chín ngàn do-tuần, tròn như trăng đầy. Mặt người ở cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây núi chúa Tu-di, có châu tên là Cù-đà-ni. Cõi ấy rộng dài tám ngàn do-tuần, hình như bán nguyệt. Mặt người ở cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam núi chúa Tu-di, có châu tên là Diêm-phù-đề. Cõi ấy rộng dài bảy ngàn do-tuần. Bắc rộng, Nam hẹp, như xe của Bà-la-môn. Mặt người trong cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc núi chúa Tu-di, do vàng trời tạo thành, chiếu sáng châu Uất-đơn-việt; phía Đông do bạc trời tạo thành, chiếu sáng châu Phất-bà-đề; phía Tây do pha lê trời tạo thành, chiếu sáng châu Cù-đà-ni; phía Nam do lưu ly trời màu xanh tạo thành, chiếu sáng châu Diêm-phù-đề.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, có một đại thọ tên là Am-ba-la, thân to bảy do-tuần, phần ăn sâu dưới đất hai mươi một do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá phủ che năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, châu Phất-bà-đề, có một đại thọ tên là Ca-đàm-bà, thân to cũng bảy do-tuần, ăn sâu xuống đất hai mươi một do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá phủ che năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, châu Cù-đà-ni có một đại thọ tên là Chấn-đầu-ca, thân to cũng bảy do-tuần, cho đến cành lá che phủ năm mươi do-tuần. Ở gốc cây ấy, có một con trâu đá, cao một do-tuần. Do nhân duyên này nên gọi là Cù-đà-ni.

Chư Tỳ-kheo, châu Diêm-phù ấy có một đại thọ tên là Diêm-phù, thân to cũng bảy do-tuần, cho đến cành lá che phủ năm mươi do-tuần. Ở gốc cây đó, có một đồng vàng Diêm-phù-na-đàn, cao hai mươi do-tuần. Vì vàng tốt này xuất hiện nơi cây Diêm-phù, nên gọi là Diêm-phù-na-đàn, và do đó có tên là vàng Diêm-phù-na-đàn.

Chư Tỳ-kheo, chỗ ở của loài Kim sí điểu, có một đại thọ tên là Câu-tra-dư-ma-lợi, thân lớn cũng bảy do-tuần, cho đến cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, chỗ ở của A-tu-la, có một đại thọ tên là Thiện trú hoa, thân lớn cũng bảy do-tuần, cho đến cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, cõi trời Tam thập tam có một đại thọ tên là Thiên du, thân lớn cũng bảy do-tuần, ăn sâu xuống đất hai mươi một do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, dưới núi Tu-di, kế đến có núi tên là Khư-đề-la, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, ngay ngắn, khả ái, do bảy báu hợp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai núi Tu-di và núi Khư-đề-la, rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, bao bọc do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-

bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Khư-đề-la, có núi tên là Y-sa-đà-la, cao hai vạn một ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, hùng vĩ khả ái..., *cho đến do mã não...*, bảy báu tạo thành. Khoảng giữa hai núi Khư-đề-la và Y-sa-đà-la, rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần; bao bọc do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Y-sa-đà-la, có núi tên là Du-càn-đà-la, cao một vạn hai ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, hùng vĩ khả ái..., *cho đến do mã não...*, bảy báu tạo thành. Khoảng giữa hai núi Y-sa-đà-la và Du-càn-đà-la, rộng hai vạn một ngàn do-tuần, bao bọc do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Du-càn-đà, có núi tên là Thiện kiến, cao sáu ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp khả ái..., *cho đến do mã não...*, bảy báu tạo thành. Khoảng cách giữa núi Du-càn-đà-la và Thiện kiến là một vạn hai ngàn do-tuần, có vô lượng các loài hoa bao bọc chung quanh: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Thiện kiến, có núi tên là Mã bán đầu, cao ba ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến do mã não...* bảy báu tạo thành. Núi Thiện kiến cùng với núi Mã bán đầu, khoảng cách giữa hai núi, rộng sáu ngàn do-tuần, bao bọc chung quanh do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, là các loại hoa có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Mã bán đầu, có núi tên là Ni-dân-đà-la, cao một ngàn hai trăm do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến do mã não...*, bảy báu tạo thành. Núi Mã bán đầu, cùng với núi Ni-dân-đà-la, khoảng cách giữa hai núi, rộng hai ngàn bốn trăm do-tuần, bao bọc chung quanh do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có

mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Ni-dân-đà-la, có núi tên là Tỳ-na-da-ca, cao sáu trăm do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến do mã não...*, bảy báu tạo thành. Núi Di-dân-đà-la và núi Tỳ-na-da-ca, khoảng cách giữa hai núi, rộng một ngàn hai trăm do-tuần, bao bọc chung quanh do các thứ hoa vô lượng nhiều màu..., cho đến các loại hoa có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Tỳ-na-da-ca, có núi tên là Chước-ca-la, cao ba trăm do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến do mã não...*, bảy báu tạo thành. Khoảng cách giữa núi Tỳ-na-da-ca và Chước-ca-la, rộng sáu trăm do-tuần, bao bọc chung quanh do vô lượng hoa, có bốn loại, nhiều màu sắc... cho đến các loại hoa có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước. Cách núi Chước-ca-la, một khoảng không xa là biển lớn, khoảng đất trống ở giữa, có cỏ xanh phủ khắp. Ở phía Bắc biển lớn, có Thọ vương tên là Diêm-phù, thân to bảy do-tuần, rễ ăn sâu xuống đất hai mươi một do-tuần, cao trăm do-tuần..., cho đến cành lá, che phủ bốn phía năm mươi do-tuần, bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ khắp. Kế đến có rừng cây Am-ba-la, rừng cây Diêm-phù, rừng cây Đa-la, rừng cây Na-đa, mỗi rừng cây ngang rộng năm mươi do-tuần. Giữa các rừng cây, có khoảng đất trống, sanh các loại cỏ xanh. Kế đến có rừng cây tên là Nam, rừng cây tên là Nữ, rừng San-đà-na, rừng Chơn-đà-na, mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có khoảng đất trống, cỏ xanh rậm rạp. Kế đến có rừng quả A-lê-lặc, rừng quả Tỳ-hê-lặc, rừng quả A-ma-lặc, rừng quả Am-ba-la-đa-ca; mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh rậm rạp. Kế đến có rừng cây Khả-thù-la, rừng quả Tỳ-la, rừng quả Bà-na-bà, rừng quả Thạch lựu; mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có rừng cây Điều bột, rừng cây Nại, rừng cây Cam giá, rừng Trúc nhỏ, rừng Trúc lớn, mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có rừng Lau, rừng Sậy, rừng Cát-la, rừng Cát-la lớn, rừng Ca-sa-văn đà, mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có rừng hoa A-đề-mục-đa-ca, rừng hoa Chiêm-ba, rừng hoa Ba-tra-la, rừng hoa Tường vi, mỗi khu

rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ khắp. Lại có các ao, trong các ao lại có hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca... phủ đầy. Lại có các ao, đầy áp rấn độc; mỗi ao cũng rộng năm mươi do-tuần. Khoảng giữa các ao, có vùng đất trống, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có biển tên là Điều-thiên-na-ca, rộng mười hai do-tuần, nước biển trong, mát, vị rất ngon ngọt, êm ả, trong vắt, có bảy lớp bờ lũy, nối liền bằng bảy báu, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc chung quanh, trang nghiêm đẹp đẽ; dùng mã não..., bảy báu trang trí; bốn mặt chung quanh có các bậc thềm, đường đi, đẹp đẽ, cũng dùng vàng, bạc lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não... tạo thành. Lại có vô lượng hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, che phủ mặt nước. Hoa nào màu lửa, thì hiện ánh sáng lửa; hoa nào màu vàng ròng, thì hiện ánh sáng vàng ròng; hoa nào màu xanh thì hiện ánh sáng xanh; hoa nào màu đỏ thì hiện ánh sáng đỏ; hoa nào màu trắng thì hiện ánh sáng trắng; hoa nào màu Ba-vô-đà thì hiện ánh sáng Ba-vô-đà; hoa như bánh xe, cọng như trục bánh xe; cọng tiết ra nhựa, sắc trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, trong biển Điều-thiên-na-ca, có đường đi của Chuyển luân thánh vương, rộng mười hai do-tuần. Trong cõi Diêm-phù, khi Chuyển luân thánh vương ra đời, thì trong biển, con đường này tự nhiên hiện lên, ngang bằng với mặt nước.

Chư Tỳ-kheo, kế biển Ô-thiên-na-ca, có núi tên là Ô-thừa-già-la. Chư Tỳ-kheo, núi Ô-thừa-già-la ấy trang nghiêm ngay thẳng, đẹp đẽ khả quan; tất cả cây, tất cả lá, tất cả hoa, tất cả quả, tất cả hương, các loài cỏ, các loài chim thú, xuất hiện trong thế gian đều ở trong núi ấy, không thiếu thứ gì. Chư Tỳ-kheo, núi Ô-thừa-già-la hùng vĩ, đẹp đẽ khả quan như vậy, các vị nên biết rõ điều đó.

Chư Tỳ-kheo, kế đến, lại có núi tên là Kim hiệp. Ở trong núi đó, có tám vạn cái hang, có tám vạn long tượng cư trú, thân màu trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chống đất, đều có thần thông, nường trên không mà đi; đầu có màu đỏ giống như loài trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca; sáu ngà đầy đủ. Ngà nó nhọn hoắt, màu như vàng ròng.

Chư Tỳ-kheo, qua khỏi núi Kim hiệp, liền có núi Tuyết, cao

năm trăm do-tuần, rộng, dày cũng vậy. Núi ấy đẹp đẽ, do bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Bốn mặt của núi đó, có bốn ngọn bằng vàng, đỉnh nhô ra ngoài núi, mỗi cái cao hai mươi do-tuần. Lại có ngọn cao, các thứ báu xen nhau, cao vượt hẳn lên một trăm do-tuần. Trên đỉnh núi, có ao tên là A-nậu-đạt-đa. Ao ấy rộng dài năm mươi do-tuần. Nước ao mát lạnh, mùi vị ngon ngọt, trong trẻo chẳng đục; bảy lớp bờ lũy, bảy lớp thêm gỗ, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông bao bọc chung quanh, ngay thẳng đẹp đẽ, *cho đến... mã não... bả* báu tạo thành. Lại có các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca; hoa ấy có nhiều màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe, dưới có củ, rễ lớn như trục xe, nhựa trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, trong ao A-nậu-đạt-đa đó, có cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa. Điện này có năm trụ, đẹp đẽ khả ái. Long vương A-nậu-đạt-đa cùng với quyến thuộc vui chơi trong đó, hưởng năm dục của trời, vui thích tự tại.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông ao A-nậu-đạt-đa, có sông Hằng-già, từ miệng voi phát ra, cùng với năm trăm sông đều chảy vào biển Đông. Phía Nam ao A-nậu-đạt-đa, có sông Tân-đầu, từ miệng trâu phát ra, cùng với năm trăm sông đều chảy vào biển Nam. Phía Tây ao A-nậu-đạt-đa, có sông Bạt-xoa, từ miệng ngựa phát ra, cùng với năm trăm sông, đều chảy vào biển Tây. Phía Bắc ao A-nậu-đạt-đa, có sông Tư-đà, từ miệng sư tử phát ra, cùng với năm trăm sông, đều chảy vào biển Bắc.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì, mà Long vương này gọi là A-nậu-đạt-đa?

Chư Tỳ-kheo, có ba nhân duyên. Những gì là ba? Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, có chỗ ở của các rồng, chỉ trừ Long vương A-nậu-đạt, còn các rồng khác khi hưởng mọi sự vui thích, thân liền nóng bức. Lúc bấy giờ các rồng liền mất thiên hình, hiện ra hình rắn, các rồng luôn luôn chịu các khổ này. Long vương A-nậu-đạt-đa, không có việc như vậy. Đó là nhân duyên thứ nhất.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, trừ Long vương A-nậu-đạt, còn các rồng khác, khi vui chơi hưởng mọi sự thích thú, có gió nóng thổi đến, thổi lên thân thể, liền mất thiên hình, hiện ra hình rắn, chịu

khổ như vậy. Đó là nhân duyên thứ hai.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù có các rồng, khi vui chơi hưởng mọi sự thích thú, Kim sí điều vương bay vào cung; các rồng thấy Kim sí điều vương thì tâm sanh sợ hãi; vì sợ hãi nên liền mất thiên hình, hiện ra hình rắn, đều chịu các khổ. Long vương A-nậu-đạt không có việc như vậy. Nếu Kim sí điều vương sanh tâm thế này: “Ta nay muốn vào trong cung của Long vương A-nậu-đạt-đa”, thì Kim sí điều kia bị quả báo bại liệt, liền tự chịu khổ, vĩnh viễn chẳng thể vào được cung điện của Long vương A-nậu-đạt. Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ ba. Vì vậy gọi là A-nậu-đạt-đa.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam núi Tuyết không xa, có thành tên là Tỳ-xá-ly. Phía Bắc Tỳ-xá-ly, có bảy núi đen. Phía Bắc bảy núi đen, có núi Hương; ở trong núi Hương có vô lượng vô biên Khẩn-na-la ở, thường có tiếng ca vũ, âm nhạc. Núi ấy có nhiều các giống cây. Cây ấy đều tỏa ra các thứ hương xông, là chỗ ở của vị thần đại công đức.

Chư Tỳ-kheo, trong núi Hương ấy, có hai hang báu: một là Tạt sắc, hai là Thiện tạt sắc, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến* đều dùng mã não..., bảy báu tạo thành. Mỗi hang đều rộng, dài năm mươi do-tuần, mềm mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, có một Càn-thát-bà vương tên là Vô Tỷ Dụ, cùng với năm trăm Khẩn-na-la nữ, ở trong hai hang Tạt sắc và Thiện tạt sắc, cùng hưởng ngũ dục, đi, đứng, nằm, ngồi, vui chơi thỏa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của hai hang, có Thọ vương Đại-bà-la tên là Thiện trụ, riêng có tám rừng cây Bà-la, bao bọc chung quanh. Trong rừng Thiện trụ ấy, có một Long tượng cũng tên là Thiện trụ, dạo, chơi, dừng nghỉ trong đó, lông trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chấm đất, bay lên không mà đi; xương đầu nhô lên như con trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca; đầu nó màu đỏ, đầy đủ sáu ngà, ngà nhọn hoắt, như mạ cát vàng.

Lại có tám ngàn vị Long tượng khác, đều là quyến thuộc, lông chúng đều trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chấm đất, *cho đến...* ngà chúng đều mạ vàng.

Phía Bắc rừng Ba-la thiện trụ, vì Đại long tượng vương Thiện trụ mà xuất hiện một cái ao, tên là Mạn-đà-cát-ni, dài rộng bằng phẳng, năm mươi do-tuần; nước ao mát lạnh, ngon ngọt trong trẻo,

không có các uế trước, *cho đến...*, rễ, củ lớn như trục xe; cắt ra nhựa chảy, màu trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, bên cạnh ao Mạn-đà-cát-ni, lại có tám ngàn ao bao bọc, bốn mặt vây quanh. Mỗi ao đều giống như ao Mạn-đà-cát-ni, không khác.

Chư Tỳ-kheo, Long tượng vương Thiện trụ ấy khi khởi ý muốn vào ao Mạn-đà-cát-ni để chơi, liền nghĩ đến tám ngàn vị Long tượng quyến thuộc. Khi ấy tám ngàn vị Long tượng, cũng khởi tâm thế này: “Tượng vương Thiện trụ đã nghĩ đến chúng ta, nay chúng ta nên đến chỗ của Thiện trụ vương”. Các Long tượng đến rồi, đều dừng lại, và đứng cúi đầu trước Long tượng vương Thiện trụ.

Bấy giờ Đại long tượng vương Thiện trụ, biết các Long tượng đã tập hợp, liền dẫn đi đến ao Mạn-đà-cát-ni. Tám ngàn long tượng sau, trước vây quanh, thứ lớp mà đi. Tượng vương Thiện trụ đi ung dung, trong lúc các Long tượng, có con cầm lọng trắng che đầu, có con dùng vòi cầm quạt Ma-ni trắng quạt lưng; có các nhạc thần, nhẩy múa hát xướng, đi trước dẫn đầu.

Đại long tượng vương Thiện trụ đến rồi, liền vào ao Mạn-đà-cát-ni, lặn hụp tắm gội, vui chơi giải trí, tùy theo ý thích, hưởng mọi sự thích thú. Trong đám Long tượng, có con rửa vòi, có con chà ngà, có con ngoáy tai, có con gội đầu, có con kỳ lưng, có con chà hông, có con rửa đùi, có con rửa chân, có con rửa đuôi, có con nhổ gốc sen, rửa sạch đưa vào miệng, có con nhổ hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca... kết lên đầu tượng vương Thiện trụ.

Khi ấy Đại long tượng vương Thiện trụ ở trong ao Mạn-đà-cát-ni, tắm rửa tùy thích, giỡn chơi vui vẻ, tự tại an lạc, ăn các củ sen do các long tượng dâng hiến; trên đầu trang sức các thứ hoa Ưu-bát-la... và các thứ hoa khác; tắm rửa xong rồi, tự ao ấy ra, lên đứng trên bờ. Tám ngàn long tượng, sau đó phân tán vào trong tám ngàn ao, tùy ý tắm rửa, giỡn chơi tự tại; hưởng mọi sự thích thú rồi, đều ăn củ sen; ăn xong cũng dùng hoa Ưu-bát-la và các thứ hoa khác kết lên đầu để tự trang nghiêm; rồi cùng nhau tập hợp đến chỗ Thiện trụ vương, vây quanh bốn phía, cung kính dừng lại.

Lúc ấy Đại tượng vương Thiện trụ cùng tám ngàn Long tượng

kia, sau trước dẫn đi, trở về nơi rừng cây Ba-la thiện trụ. Khi tượng vương đi, các long tượng, hoặc cầm long trắng, hoặc cầm quạt trắng đi theo, như trước. Các thần trời nhạc, dẫn đường cũng như vậy.

Đại long tượng vương Thiện trụ đến rừng cây lớn Ba-la thiện trụ rồi, ở dưới cây Thọ vương, tùy ý nằm, đứng, hưởng mọi an lạc. Tám ngàn long tượng, cũng đều đi đến tám ngàn cây của chúng, đi, đứng, nằm, tự tại an lạc. Ở trong rừng ấy, hoặc có cây Ba-la, vòng gốc của nó lớn sáu tầm, hoặc có cây Ba-la, vòng gốc của nó lớn bảy tầm, tám tầm, chín tầm, mười tầm; có cây Ba-la, vòng gốc của nó lớn mười hai tầm, chỉ có cây Thọ vương Ba-la thiện trụ, vòng gốc của nó lớn mười sáu tầm. Trong rừng tám ngàn cây Ba-la ấy, nếu có lá úa vàng rụng xuống, thì liền có gió thổi bay ra ngoài, làm sạch rừng ấy. Tám ngàn long tượng, nếu có bài tiết vật ô uế, thì có các Dạ-xoa, quét dọn mang đi.

Chư Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù-đề, khi có Chuyển luân thánh vương ra đời, trong tám ngàn long tượng, có một con nhỏ nhất, sáng sớm mỗi ngày, đều đến trước Chuyển luân vương hầu hạ phụng sự, luyện tập thuần thục voi báu. Nhân đó được gọi là Đại long tượng vương Thiện trụ. Mỗi ngày rằm, vào lúc sáng sớm, đi đến chỗ trời Đế-thích, đứng ở phía trước, nhận sự sai bảo.

Chư Tỳ-kheo, Tượng vương Thiện trụ có thần thông, có oai đức như vậy, nên tự sanh vào loài voi nhưng là voi chúa mới có sức đại oai thần như thế. Các Tỳ-kheo, nên biết như vậy.

**
*

Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐƠN-VIỆT 1

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt có vô lượng núi. Trong các núi, có các loại cây sum suê tươi tốt, tỏa ra các mùi hương; hương xông khắp nơi trong châu. Núi sanh các loại cỏ đều có màu xanh biếc, xoay về bên phải như lông Khổng tước, hương thơm giống như Bà-sư-ca, chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, dài bốn ngón tay, chân giẫm lên thì nó nằm rạp xuống, đỡ chân lên thì trở lại như cũ. Núi ấy, đặc biệt có cây trái nhiều màu; cây có thân, lá, hoa, quả, tỏa ra các thứ mùi thơm, xông khắp; có các loài chim loài nào cũng hát, âm thanh hòa nhã, vi diệu. Trong các núi ấy, có các dòng sông, rẽ thành trăm nhánh, xuôi dòng chảy xuống từ từ êm ả, chẳng chậm, chẳng nhanh, không có sóng gợn. Ở bờ sông chẳng sâu; chẳng cạn, bằng phẳng, dễ lội. Nước sông trong vắt, các thứ hoa phủ ở trên, rộng nửa do-tuần, nước chảy đầy khắp. Hai bên bờ các dòng sông, có các khu rừng mọc dọc theo, cành lá rậm rạp; có các loại hoa thơm, các thứ quả, quả xanh phủ khắp; các loài chim cùng nhau ca hát. Lại ở các bờ sông ấy, có các thuyền đẹp, trang trí bằng đủ màu sắc, đẹp để khả ái, toàn là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não... bầy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, đất đai bằng phẳng, không có các loại gai góc, rừng rậm, hầm hố, nhà xí, phân uest bất tịnh, sỏi đá, ngói gạch, mà toàn bằng vàng bạc; thời tiết điều hòa, không lạnh, không nóng; đất thường nhuận ướt, cỏ cây phủ khắp. Các rừng cây, lá cành luôn tươi tốt, hoa quả đầy cành.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, lại có rừng cây tên là An trụ. Cây cao sáu câu-lô-xá, lá dày chồng chất, thứ lớp nối nhau như tranh lợp nhà, giọt mưa không lọt. Người ở cõi ấy, cư trú dưới tàng cây. có các cây Hương cũng cao sáu câu-lô-xá, hoặc có cây cao năm câu-lô-xá, có cây cao bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây thấp nhất cao nửa câu-lô-xá, tất cả đều có cành, lá hoa, quả. Các cây ấy, tùy theo ý muốn (của người) phát ra các thứ mùi thơm. Lại có cây Kiếp-ba-ta, cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất, cao nửa câu-lô-xá, tất cả đều có cành, lá hoa, quả. Từ

hông của quả, tự nhiên trôi ra đủ các thứ y phục, treo nơi cây. Lại có các thứ cây Anh lạc; cây ấy cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, tất cả đều có cành, lá, hoa, quả. Từ quả theo ý muốn của người, tuôn ra các thứ Anh lạc thòng xuống. Lại có cây Man cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, cũng có cành, lá, hoa, quả. Từ quả, tùy theo ý muốn của người, mọc ra các thứ tràng hoa treo ở nơi cây. Lại có cây Khí; cây ấy cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, cũng có cành, lá, hoa, quả; tùy theo ý người muốn mọc ra các thứ đồ dùng, treo ở nơi cây. Lại có đủ các loại cây ăn quả, cây ấy cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, đều có cành, lá, hoa, quả. Từ nơi cành ấy, theo ý người muốn mọc ra đủ các loại quả. Lại có cây Nhạc; cây ấy cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá; cũng có cành, lá, hoa, quả. Từ hông của cây ấy, tùy theo ý người, hiện ra các thứ nhạc cụ, treo ở nơi cây. Đất ở cõi ấy, lại có gạo thơm tự nhiên, chẳng do cày bừa, gieo trồng; tinh khiết, trắng trẻo, không có vỏ. Khi muốn nấu ăn thì có các quả tên là Đôn trì, dùng làm chõ, vạc, đốt bằng lửa ngọc, chẳng cần than, củi, tự nhiên phát sức nóng, tùy theo ý muốn, làm chín các thức ăn; thức ăn đã chín rồi thì lửa ngọc mới tắt.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, bốn mặt chung quanh có bốn ao nước. Ao ấy tên là A-nậu-đạt-đa, mỗi cái đều rộng, dài năm mươi do-tuần, nước ao mát lạnh, êm ả ngọt ngào, thơm, sạch, không đục. Có bảy lớp bờ lũy, bảy lớp thêm gỗ, bảy lớp lan can, bao bọc chung quanh, bảy lớp dây chuông treo rũ chung quanh, lại có bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc bốn phía, nhiều màu khả ái. Tất cả đều do bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não... tạo thành. Ở bốn phía của ao đều có bờ thêm, mỗi bờ thêm cũng do bảy báu tạo thành, hiện ra nhiều màu tươi đẹp. Lại có các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., màu xanh, vàng, đỏ, trắng và màu xanh ngọc bích. Mỗi hoa lớn như bánh xe, mùi thơm chan hòa vi diệu tuyệt vời. Lại có các cọng lớn như trục xe, bẻ ra

nhựa chảy, màu như sữa, ăn thì ngon ngọt, vị nó như mật.

Chư Tỳ-kheo, bốn phía của ao A-nậu-đạt-đa, có bốn sông lớn, rộng một do-tuần, các thứ hoa phủ kín, nước sông bình lặng, chảy thẳng không uốn khúc, chẳng nhanh, chẳng chậm, chẳng có sóng gợn, từ từ chảy thẳng; bờ sông không cao, bằng cạn dễ vào. Hai bên bờ các sông, có các khu rừng, cành nhánh giao nhau che khuất ánh nắng, tỏa ra các mùi thơm vi diệu; có các loại cỏ mọc ở bên cạnh, màu xanh, mềm mại, xoay về bên phải... *Nói lược, cho đến* cao bằng bốn ngón tay; chân giẫm xuống thì nó rạp theo, giở chân lên thì trở lại như cũ; cũng có các loài chim phát ra các thứ âm thanh. Ở hai bên bờ sông, lại có các thuyền nhiều màu khả ái, cho đến dùng bảy báu: xa cừ, mã não... đóng thành, chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lâu-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, thường vào nửa đêm, từ trong bốn ao A-nậu-đạt-đa, khởi lên mây rất dày, che phủ khắp nơi; châu Uất-đơn-việt và các núi biển, đều bị che phủ, sau đó mới mưa nước tám công đức, như sữa Lê ngư đổ xuống. Mưa ngập bốn ngón tay, ngay chỗ nước mưa rơi xuống, liền thấm vào đất, chẳng chảy lan ra. Vào nửa đêm hôm sau, mưa tạnh, mây tan, bầu trời trong vắt, từ biển nổi gió, thổi vào mát mẻ, trong lành êm diệu, chạm vào khỏe khoắn, thấm nhuận châu Uất-đơn-việt, khắp nơi được điều hòa màu mỡ tốt tươi. Như người khâu tràng hoa khéo tay và đệ tử ông ta, đã làm xong tràng hoa, dùng nước rảy lên, tràng hoa kia được tươi, tươi sáng rực rỡ. Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, đất đai thường thấm nhuận, tươi sáng màu mỡ cũng lại như vậy, như thường có người dùng dầu tô thoa lên.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, lại có một cái ao tên là Thiện hiện; lại có một khu vườn, cũng tên là Thiện hiện. Vườn ấy rộng dài một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông; hàng cây Đa-la cũng có bảy lớp, bao bọc chung quanh, nhiều màu khả ái..., tạo thành. Mỗi hướng đều có các cửa, ở mỗi cửa đều có thành bảo vệ, nhiều màu khả ái, cũng dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, san hô, xích châu, xa cừ, mã não... tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy bằng phẳng đẹp đẽ, không có gai góc, gò đống, hầm hố, sỏi đá, ngói gạch và các vật tạp uế..., chỉ có nhiều vàng, bạc, các thứ châu báu khác lạ; khí hậu điều hòa,

không lạnh, không nóng, thường có suối chảy bốn phía tràn đầy; cây lá tốt tươi, hoa quả đầy cành, có các thứ hương theo gió ngát thơm. Lại có các loài chim lạ, thường phát ra âm thanh vi diệu, hòa nhã trong trẻo; có cỏ màu xanh, xoay về bên phải, mềm mại êm ái, như lông Khổng tước, mùi thơm giống như hoa Bà-lợi-sư, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, dùng chân giẫm lên, theo chân rạp xuống, bung lên khi đỡ chân. Lại có loại cây có gốc, thân, hoa, lá, quả đều tỏa ra mùi thơm, xông khắp mọi nơi.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Thiện hiện, cũng có rừng cây tên là An trú; cây đều cao sáu câu-lô-xá, lá dày che kín, nước mưa không lọt, thứ lớp như vảy cá, như tranh lợp nhà. Mọi người đều cư trú dưới đó. Lại có cây Hương, cây Kiếp-ba-ta, cây Anh lạc, cây Man, cây Khí, cây quả. Lại có cơm chín bằng gạo thơm tự nhiên, thanh khiết, tuyệt ngon.

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy, không có ai là sở hữu chủ, cũng không canh gác bảo vệ. Người ở châu Uất-đơn-việt khi muốn vào vườn này, tự ý vui chơi, hưởng các thú vui, thì với bốn cửa ấy, tùy ý muốn vào cửa nào cũng được; vào vườn ấy rồi, vui chơi tắm rửa, thoải mái hưởng mọi sự vui thích, muốn đi thì đi, muốn ở thì ở, tự tại tùy ý.

Chư Tỳ-kheo, vì người Uất-đơn-việt, nên ở phía Nam ao Thiện hiện, lại có một cái vườn tên là Phổ hiền; vườn ấy dài rộng một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can... bao bọc chung quanh, *cho đến*... Cơm chín tinh khiết, tuyệt ngon.

Chư Tỳ-kheo, vườn Phổ hiền ấy, cũng không canh gác bảo vệ; người ở châu Uất-đơn-việt nếu khi muốn vào vườn Phổ hiền tắm rửa, vui chơi hưởng mọi sự thích thú, thì theo bốn cửa của nó, tùy ý mà vào; vào rồi, tắm rửa, vui chơi thỏa thích; đã thỏa thích rồi, muốn đi thì đi, muốn ở thì ở.

Chư Tỳ-kheo, vì người Uất-đơn-việt nên phía Tây của ao Thiện hiện, lại có một khu vườn tên là Thiện hoa. Vườn ấy rộng, dài một trăm do-tuần, bảy lớp lan can bao bọc chung quanh, *nói lược... cho đến* như vườn Thiện hiện, không có gì khác; cũng lại không có người canh gác bảo vệ. Người ở châu Uất-đơn-việt nếu khi muốn vào trong vườn Thiện hoa, tắm rửa, vui chơi, hưởng thọ khoái lạc, thì theo bốn cửa của

nó, tùy ý mà vào; vào rồi tắm rửa, vui chơi hưởng lạc; hưởng lạc rồi, muốn đi thì đi, muốn ở thì ở, *nói lược...* như vườn Thiện hiện ở trước.

Chư Tỳ-kheo, vì người Uất-đơn-việt, nên ở phía Đông ao Thiện hiện, tiếp theo vườn Thiện hiện, ở khoảng đó, có sông tên Dị nhập đạo, từ từ xuôi dòng, không có sóng gợn, không chậm, không nhanh, các loại hoa phủ đầy, rộng hai mươi do-tuần rưỡi.

Chư Tỳ-kheo, sông Dị nhập đạo, ở trên hai bờ có các thứ cây, cành lá che khuất ánh nắng, tỏa ra các thứ mùi thơm, xông khắp vùng ấy; có các thứ cỏ mọc..., *lược nói... cho đến...* chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, cao bằng bốn ngón tay, khi chân đạp lên, theo chân lên xuống. Lại có các thứ cây ăn trái nhiều màu; cành, lá, hoa, quả đều đầy đủ; cũng có các thứ mùi thơm xông khắp; các thứ chim lạ, cùng nhau ca hát. Hai bên bờ sông ấy, có các thuyền đẹp, nhiều màu khả ái, do bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não... tạo thành, trang nghiêm đẹp đẽ.

Chư Tỳ-kheo, vì người Uất-đơn-việt, nên ở phía Nam ao Thiện hiện, có một sông lớn tên là Thiện thể, từ từ xuôi dòng... *lược nói...* đều như sông Dị nhập đạo. Chỗ ấy có các thứ rừng cây, cùng với sông trên không khác, *cho đến...* các thuyền... các sắc tạo thành, mềm mại giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, ở phía Tây ao Thiện hiện, vì người Uất-đơn-việt, nên có một sông lớn tên là Đẳng-xa, *cho đến... nói lược...* từ từ xuôi dòng.

Chư Tỳ-kheo, ở phía Bắc ao Thiện hiện, vì người Uất-đơn-việt, nên có một sông lớn tên là Oai chủ, từ từ xuôi dòng, *lược nói... cho đến...* hai bên bờ sông có thuyền do bảy báu trang sức, mềm mại giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca; trong đó có kệ Uất-đà-na:

Sông Thiện hiện, Phổ hiện

Thiện hoa và Hỷ lạc

Dị nhập cùng Thiện thể

Đẳng xa và oai chủ.

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Uất-đơn-việt, nếu khi muốn vào sông Dị nhập đạo, sông Thiện thể, Đẳng xa, Oai chủ đó... để tắm gội, vui chơi, hưởng các sự thích thú, thì liền đến hai bên bờ sông ấy, cỡi

bỏ áo xiêm, ngồi lên các thuyền đậu bên bờ sông, bơi đến giữa dòng sông, tắm rửa thân thể, vui chơi thỏa thích; tắm rửa rồi, tùy ý, có người nào ra trước, thì liền lấy y phục ở trên mặc vào rồi đi, cũng chẳng cần tìm kiếm y phục của mình. Vì sao? Vì người Uất-đơn-việt, không có ngã và đối tượng chấp ngã, không canh gác, bảo vệ. Các người ấy, lại đi đến dưới các cây Hương; đến dưới cây rồi, cây ấy tự nhiên cong cành rũ xuống, vì các người ấy, tỏa ra các mùi thơm vi diệu, để cho họ đưa tay lên thì đụng tới. Những người ấy, lấy các thứ hương ở nơi cây, thoa lên thân hình rồi, lại cùng đi đến cây Kiến-ba-ta; đến rồi, cây ấy, cũng cong cành rũ xuống như cây trước, hiện ra các thứ y phục, để cho các người ấy dùng tay lấy tới. Những người ấy lại lấy các thứ y phục thượng diệu ở cây đó, mặc vào rồi đi. Lại đi đến dưới cây Anh lạc; đã đến đó rồi, cành cây Anh lạc cũng đều cong rũ xuống, vì các người ấy hiện ra các thứ Anh lạc thượng diệu, dùng tay lấy được. Những người ấy lấy các đồ trang sức bằng Anh lạc ở nơi cây, mang vào thân rồi, liền lại đi đến dưới các cây Man; đến nơi, cây Man tự nhiên vì các người ấy mà cong cành rũ xuống, hiện ra các tràng hoa báu thượng diệu, để cho các người ấy đưa tay lấy được. Họ liền lấy các tràng hoa đẹp ở đấy, đặt lên đầu, rồi đi đến các cây Khí vật; đến nơi, cây Khí cũng tự nhiên rũ cành xuống, để cho những người ấy đưa tay tới, tùy theo ý muốn, lấy các đồ dùng rồi, mang đến chỗ cây ăn quả; khi ấy cây ăn quả đó, cũng vì các người ấy, cành uốn cong rũ xuống, sanh ra các thứ trái ngọt tuyệt vời, để họ dùng tay lấy được. Những người ấy tùy theo ý muốn, lấy các thứ quả chín ở cây ấy, ăn rất ngon lành. Trong đó, có người lấy nhựa, đựng đầy đồ dùng mà uống. Ăn uống đã xong, họ lại đi đến rừng cây âm nhạc; đến rừng đó rồi, vì các người ấy, nên cành cây âm nhạc cũng rũ xuống, hiện ra các loại nhạc cụ, đưa tay lấy được. Những người ấy, tùy theo nhu cầu của mình, mà lấy các loại nhạc cụ ở trên cây ấy, hình dáng các thứ cụ khí đẹp đẽ, có âm thanh hòa nhã; lấy rồi mang theo, dạo chơi khắp nơi, muốn đàn thì đàn, muốn múa thì múa, muốn ca thì ca, tùy theo sở thích, hưởng các thứ nhạc. Việc ấy đã xong, mỗi người theo ý thích, hoặc đi, hoặc ở.

